

F O R U M

NÈ CU LIN, SAO ÔNG CÓ VẼ LO ẬU. MÌNH CÓ TỚI BA CHỤC VẠN QUÂN CƠ MÀ. VÀ LẠI THEO CIA THÌ, BỌN NÓ HẾT VŨ KHÍ HUỖ DIỆT HÀNG LOẠT RỒI.

LAY TRỜI CIA ĐỪNG CÓ TRẬT LẮT. GIỐNG NHƯ HỒI Ở VIỆT NAM ẤY.

VIỆT NAM LÀ CÁI GÌ VẬY CÀ?



Biếm hoạ của Văn

mục lục

thời sự & những vấn đề

- | | | |
|----|------------------------------------|------------------|
| 1 | Chiến tranh phòng ngừa | Nguyễn Quang |
| 5 | Điều hâu Mỹ, ai là ai | Tiểu Hằng Ngón |
| 7 | Luân lý bom | Hoà Vân |
| 8 | Tin tức | |
| 12 | Vàng trắng | Khả Tri |
| 13 | Nam Quan : ải, cửa ải và biên giới | Nguyễn Ngọc Giao |
| 17 | Môi sinh và phát triển | Bàn tròn ảo |

văn hoá & khoa học & nghệ thuật

- | | | |
|----|--------------------------------------|--------------|
| 20 | Nhớ lại (hồi ký) | Đào Xuân Quý |
| 24 | Mê thảo - thời vang bóng (điểm phim) | Hàn Thuý |
| 27 | Người thổi bong bóng (truyện ngắn) | Chu Thuý Anh |
| 29 | Chữ Quốc Ngữ và vốn từ Hán-Việt | Văn Ngọc |

Thơ: Đỗ Quang Nghĩa (tr.23)

Nguyễn Duy (tr. 26)

Chiến tranh phòng ngừa

NGUYỄN QUANG

Vậy là ván bài đã bắt đầu : chiến tranh. Gần một phần tư triệu binh lính, năm hạm đội hải quân không chiến, hơn nghìn máy bay... Cả một lực lượng hùng hậu đã chụp xuống nước Irak để thử nghiệm trên thực địa cái khái niệm “ chiến tranh phòng ngừa ” mà cánh điều hâu trong chính phủ Mỹ đã sáng chế ⁽¹⁾. Một cuộc chiến được nghiền ngẫm và chuẩn bị từ lâu (thứ trưởng quốc phòng Wolfowitz ^(*) đã đề nghị : *Irak, tại sao không ?* ngay sau ngày 11 tháng chín 2001) và áp đặt nó cho cả thế giới, bất chấp dư luận quốc tế (10 triệu người biểu tình trên cả thế giới ngày 15 tháng 2), và nhất là bất chấp cả công pháp quốc tế (G.W.Bush : *Chúng ta chấp nhận có thể bị trợ trợ, tôi thấy O.K. , chúng ta là nước Mỹ*).

Chiến tranh phòng ngừa

Khi súng đạn đang nói thay người, tưởng cũng không thừa điểm lại những cái cố do đám “ người rừng ” ^(**) đưa ra để xác định phát động chiến tranh phòng ngừa là nằm trong khuôn khổ của nghị quyết 1441 của LHQ :

1. Những vũ khí huỷ diệt hàng loạt :

Sau ba tháng thanh tra khắp mọi nơi, ngay cả có khi làm theo những thông tin do tình báo Hoa Kỳ hay Anh Quốc cung cấp, các chuyên gia của LHQ đã kết luận những gì ? Ông Mohamed El Baradei, tổng giám đốc của AEIA (Agence internationale de l'énergie atomique, Cục năng lượng nguyên tử quốc tế) đã chỉ rõ là không những ông không có bằng chứng nào về việc Irak đã phát triển vũ khí nguyên tử, hay có phương tiện làm việc ấy, mà ngay cả các “ bằng chứng ” của Mỹ và Anh đưa ra đều sai lầm, thậm chí thực sự nguy tạo ⁽²⁾. Còn về Hans Blix, trưởng phái đoàn thanh tra giải giới của LHQ, ông đã chứng nhận là Irak có hợp tác, cho dù chưa đủ. Cùng khi ông lấy làm tiếc là còn nhiều mơ hồ trong việc huỷ bỏ các vũ khí sinh học và hoá học, ông đã xin có thêm “ vài

(*) biệt hiệu của Wolfowitz là *velociraptor*, tên con khủng long trong phim Jurassic Park.

(**) *bushmen* : tên gọi đám bộ hạ của Bush, đồng thời có nghĩa là người rừng, cách chơi chữ của dân phản chiến

(xem tiếp trang 3)

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên :

Địa chỉ :

Email :

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng (số)

Kèm theo đây là ngân phiếu : €

Giá mua 1 năm báo (11 số)

Pháp (các tỉnh, lãnh thổ DOM TOM) : 40 €

Châu Âu ngoài Pháp : 45 €

Các nước ngoài Châu Âu : 50 €

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào trương mục của Diễn Đàn : CCP 4.414.16 W PARIS.

Châu Âu thuộc khối liên hiệp Âu châu UE : có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền 45 € vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của Diễn Đàn.

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 € cho ông Trần, Am Stadtpark 6, D-92237 SULZBACH-ROSENBERG, hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank: SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto: 380 48 94 76, blz 752 500 00).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70FS/năm) vào trương mục JOURNAL DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1. Xin viết thư để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt 15\$ US, xin gửi ngân phiếu tương đương (bằng zloti) để tên CHWISTEK và gửi về toà soạn, hoặc chuyển vào trương mục của M. CHWISTEK, Bank : SLASKI - ODDIZIAL GLIWICE, Numer Banku : 10 50 12 85, Numer Konta : 22 55 95 51 85, Pesel : 480 91 64 10 10

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi séc 70\$ CND để tên ông DUNG TRAN và gửi về MR TRAN, 4817 Lalande Blvd, Pierrefonds, QUEBEC H8Y 3H4.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 50\$ US để tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

Úc và các nước khác : xin gửi 50 € bằng *money order* để tên Diễn Đàn về địa chỉ toà soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

DIỄN ĐÀN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE)

FAX : 33 1 43 68 91 44 (quốc tế), 01 43 68 91 44 (Pháp)

sinh hoạt nghệ thuật

La Danse de la Cigogne (Vũ khúc con cò)

Phim được tuyển chọn cho Liên hoan phim Paris 2003

Đạo diễn : Jonathan Foo, Nguyễn Phan Quảng Bình, Trần Văn Thuỷ

Diễn viên : Phạm Gia Chí Bảo, Tạ Ngọc Bảo, Trịnh Mai Nguyễn, Hải Yến

Nhạc : Nguyễn Thiện Đạo

Công chiếu tại Pháp bắt đầu từ ngày 2.4.2003

Triển lãm hình - Genève, Thụy Sĩ

“ Quand mon enfant est né, j'ai ressenti une grande tristesse ”

từ 15.3 đến 11.4.2003, tại Uni Mail, 40 boulevard du Pont d'Arve, Genève, do Hội Hữu nghị Thụy Sĩ - Việt Nam tổ chức dựa trên cuốn sách cùng tựa của **Peter Jaeggi**, Ed. Lenos, Bâle
Hình ảnh : **Roland Schmidt, René Buri, Marc Riboud**

Exhibition at American Museum of Natural History, New York City

“ Vietnam : Journeys of Body, Mind and Spirit ”

từ 15.3.2003. Xem <http://www.amnh.org>

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 10 €, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 2 € (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo : 1/8 trang : 35 €, 1/4 trang : 60 €, 1/2 trang : 100 € trang, 1 trang : 200 € (giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %).

Đăng liên tiếp nhiều số báo : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %.

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 5 € (tiền số báo + cước phí bưu điện).

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,

Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ,

Đặng Tiến, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Vân, Hoà Văn

Chiến tranh phòng ngừa (tiếp theo trang 1)

tháng nữa” để hoàn thành nhiệm vụ. Dấu sao cũng không có gì biện minh được cho tối hậu thư của Mỹ, mà lý do duy nhất hình như chỉ phụ thuộc vào thời biểu chuẩn bị bộ máy quân sự.

2. Những liên hệ với khủng bố Hồi Giáo :

Không có bằng chứng khả tín nào về mối liên hệ giữa Al Quaida và Bagdad. Có lẽ không nên quên rằng trước cuộc chiến tranh vùng vịnh lần đầu thì Irak là nhà nước thế tục duy nhất tại Trung Đông, và nếu từ đó đến nay Saddam đã khoác lên mình bộ áo hào nhoáng Hồi giáo thì cũng chỉ vì những lý do cơ hội. Mặt khác, như một câu ngạn ngữ đã nói : trong một khúc sông không thể cùng có hai con cá sấu (Bin Laden và Saddam). Nói một cách tổng quát, người Mỹ đã lý thuyết hoá nỗi lo sợ thấy các “ nhà nước côn đồ ” cung cấp cho đám khủng bố các vũ khí huỷ diệt hàng loạt. Có thể như thế, nhưng nếu nói đến vũ khí sinh học, người ta không thể không thấy là vi khuẩn than (anthrax) trong các phong bì đã làm nước Mỹ khiếp sợ, chính là có gốc Mỹ. Còn về các vũ khí hạt nhân, thì đáng nhẽ phải “ tấn công phòng ngừa ” Bắc Hàn thay vì Irak.

3. Irak, yếu tố nguy hiểm và bất ổn định trong vùng :

Nếu mười hay mười lăm năm trước đây, chế độ tại Irak đúng là hiếu chiến (chiến tranh với Iran, nhưng đừng quên, đã được phương Tây ban phép lành) và bành trướng (định sát nhập Koweit) ; thì ngày nay khó mà nói được rằng chế độ đó lại có thể là một nguy hiểm cho vùng Trung Đông. Irak chỉ còn một nửa bộ máy quân sự rã rời, kinh tế tan rã từng mảnh, mất đi nguồn tài nguyên dầu lửa đang bị cấm vận khắt khe, dưới sự kiểm soát thường trực. Và, nếu phải nhìn ra xa hơn, vì mỗi lần người Mỹ đều rao giảng cái luận điệu : phải “kết nối” với vấn đề Palestine -- thì rõ ràng yếu tố bất ổn định chính tại Trung Đông không phải là Irak, mà chính là Israel.

4. Thay đổi chế độ tại Irak :

Bây giờ thì tin được rằng những lý lẽ khôn khéo ở trên chỉ là những cái cớ, bởi vì “ W ” đã để rơi mặt nạ khi tung ra tối hậu thư trong đêm 17.03 : Saddam phải ra đi, và không những Saddam phải ra đi mà dù sao đi nữa quân đội Mỹ sẽ xâm chiếm Irak (18.03). Nói cho cùng, người Mỹ thực ra đâu muốn giải giáp Irak, vì nếu LHQ khẳng định là, Irak không còn vũ khí huỷ diệt hàng loạt nữa thì cái cớ để lật đổ Saddam sẽ không còn. Tối hậu thư của “ W ” là sự thú nhận công khai rằng đó chính là mục đích của “ chiến tranh phòng ngừa ”, cái mà báo “Washington Post” (một tờ báo coi vậy chứ vẫn thuộc đám diều hâu) gọi rất xúc động là “ chiến tranh đầu tiên của đất nước mà không do trực tiếp bị kích động ”. Họ có lý để mà xúc động, vì, bất kể động cơ nào của Mỹ (ta sẽ trở lại vấn đề này sau), rất nhiều luật gia quốc tế⁽³⁾ đã nhắc lại rằng : Hiến Chương LHQ chỉ tiên liệu có hai tình huống biện hộ được cho sự can thiệp bằng vũ lực : “ sự tự vệ đơn phương hoặc đa phương để chống lại một cuộc tấn công bằng vũ lực ” (phản ứng trước tấn công khủng bố ngày 11-9, chẳng hạn) ; hay là “ một hành động được Hội đồng Bảo an LHQ cho phép, như là một phản ứng tập thể trước sự đe dọa nền hoà bình, vi phạm

nền hoà bình, hay một hiểm họa xâm lược ” (hai điều này đều không nằm trong nghị quyết 1441 nhằm giải giáp Irak, dù Bush và Blair có nói sao đi nữa). Vậy thì tối hậu thư của Mỹ, và chẳng bao lâu nữa là việc Mỹ xâm lược, chính là sự cố ý chà đạp công pháp quốc tế, qua đó nước Mỹ của “ W ” biểu thị, không thể nào rõ hơn, rằng họ từ nay đứng ngoài (như thế, với họ, có nghĩa là đứng trên) luật pháp.

Học làm phù thủy

Điểm yếu của lập trường không can thiệp là, nếu không có binh lính Mỹ đóng chặt quanh biên giới thì chẳng bao giờ Irak lại chấp nhận thanh tra, nói gì việc giải giáp đã do LHQ áp đặt. Điều này ngay cả những ai chủ trương sự tôn trọng công pháp quốc tế cũng phải công nhận. Nó cho phép một người như Robert Kagan⁽⁴⁾ chẳng hạn (một trong những chủ thuyết gia tân bảo thủ có ảnh hưởng trên chính sách đối ngoại của W.) khái quát hoá sự chống đối giữa phe theo và phe chống chính sách “chơi gà ” (match politik, hay chính sách dựa trên sức mạnh để so đo) là : nếu những kẻ yếu -- như “châu Âu già nua” -- đề cao luật pháp, sự thương thảo, và việc vận dụng các tổ chức quốc tế ; thì đó chính là vì họ yếu, và phải ngời ca cái họ chẳng thể làm khác ; còn kẻ mạnh -- như siêu cường Hoa Kỳ -- chính vì họ tin chắc vào tính chính đáng của mình, thì không ngại ngần gì mà không sử dụng vũ lực, chẳng phải lo lắng gì lắm đến dư luận quốc tế cũng như các tổ chức quốc tế (cân ghi chú rằng ở đây viết ra thế một cách thông tục, chứ còn Kagan thì đã viện dẫn nào Hobbes nào Kant, nào Hoả tinh, Kim tinh, và những thiên thần hộ mệnh khác). Nhưng kể từ 11.9, ngay cả kẻ mạnh cũng không tự bảo vệ được trước kẻ yếu, từ đó nảy sinh sự cần thiết kẻ mạnh phải răn đe kẻ yếu. Ngày trước, trong giai đoạn chiến tranh lạnh, khi mà hai kẻ mạnh phải răn đe lẫn nhau thì khái niệm ngăn chặn (containment) đóng vai trò chủ đạo. Nhưng khái niệm này chẳng còn ý nghĩa gì nữa đối với các “ nhà nước côn đồ ” hay những mạng lưới khủng bố mù mờ. Trong bài phát biểu ngày 17 tháng 3, G.W.B. đã bào chữa cho “chiến tranh phòng ngừa” theo kiểu của ông ta : “ *Đối với bọn khủng bố và các “ nhà nước côn đồ ” mà đợi chúng đánh trước thì có mà tự tử !* ” Tổng thống Mỹ đáng nhẽ có thể nhắc đến bộ phim khoa học giả tưởng “ Tổ cáo thiểu số ” (Minority report) của Spielberg : trong tương lai gần, một cục công an “tiền tội ác” (pre-crim), sử dụng những người “tiền thức” (pre-cog.), biết đọc tư tưởng người khác, săn đuổi và bắt giữ các phạm nhân trước khi họ thực sự gây ra tội ác mà họ dự tính.

Ngay cả nếu nước Mỹ của W. có một đội ngũ “tiền thức” như trong phim của Spielberg, thì quan niệm một trật tự thế giới theo cái kiểu ấy sẽ là một bước lùi trong sự tổ chức một thế giới văn minh : như thế sẽ đưa một nước (khỏi cần úp mở, đó là nước mạnh nhất) lên trên luật pháp, bởi vì chính nhà nước độc nhất đó sẽ đặt ra luật pháp để phục vụ cho quyền lợi của họ, dù cho có hoá trang quyền lợi ấy thành Điều Thiện, Thượng Đế... hay thành hai chữ Dân chủ⁽⁵⁾.

Dân chủ, hiện thân cuối cùng của điều thiện mà nước Mỹ hứa hẹn sẽ ban cho bọn ngoại đạo. Phe ủng hộ gọi đó là “ một chính sách lớn ”. Chú Sam đổ bộ lên “Phương Đông phức tạp” (từ của tướng De Gaulle) với những ý tưởng giản dị : Trong một

thế giới Ả-rập bị kẹp chặt trong cái bẫy kém phát triển và tham nhũng, một nước Irak dân chủ (được dân chủ hoá bằng bom đạn) sẽ trở thành cái gương để noi theo, một mẫu mực mà sự thành công kinh tế chính trị sẽ lái quần chúng Ả-rập ra khỏi Hồi giáo chính trị. Trọng tâm của Trung Đông sẽ chuyển từ một chế độ thần quyền trị và chuyên chế sang chế độ “dân chủ dầu lửa”, và các chế độ bạo ngược sẽ nối tiếp nhau sụp đổ. Có gì mới đâu : cái chính sách Domino tân trang này đã do Richard Perle giải bày. Người Việt Nam đã từng nghe những lý luận đại loại như thế. Người Ai Cập cũng vậy, khi chiến dịch Suez của liên minh Anh-Pháp đã đòi “giải phóng họ khỏi Nasser” năm 1956. Và dĩ nhiên, người Iran, mà Anh Quốc đã “giúp giải phóng” hai lần : ra khỏi bàn tay Thổ Nhĩ Kỳ năm 1917, và bàn tay nazi năm 1943 -- nhân danh Dân Chủ, hẳn rồi, đâu phải vì dầu lửa.

“ Binh lính của chúng tôi không đến đây với tư cách thù địch, hay xâm lược, mà với danh nghĩa quân giải phóng. Hồi nhân dân thành Bagdad, hãy nhớ rằng từ hai mươi thế hệ các người đã đau khổ dưới gót giày của những bạo chúa ngoại lai. Chúng đã tìm cách dựng lên sự chống chọi giữa các ngôi nhà Ả-rập, để hưởng lợi từ sự chia rẽ nhau. Chính sách ấy làm cho Anh Quốc và Đồng Minh bị xúc động mạnh, vì ở nơi đâu còn ngự trị hận thù và những chính quyền tồi tệ thì ở đó không thể có hoà bình và thịnh vượng ”

Ai nói thế ? Tony Blair ? Không phải, đó là tướng Stanley Maude, trong “Cáo thị cho nhân dân thành Bagdad” tháng 3 (sao mà trùng hợp !) năm 1917.

Xét cho cùng, loại bỏ Saddam Hussein là điều dễ nhất với người Mỹ. Sau một chiến dịch mà mọi chuyên gia⁽⁶⁾ đều tiên đoán sẽ diễn ra ngắn ngày, cũng có thể nhân dân Irak, bị giam hãm trong khổ đau, đón nhận quân đội Mỹ như là quân giải phóng. Nhưng rồi sao ? Clausewitz đã nói đến “màn sương mù của chiến tranh”. Với Bush và công ty, có lẽ sẽ là “màn sương mù hậu chiến”. Tất cả những gì người ta biết được về “chính sách lớn” của Bush là nó trừu tượng một chế độ chiếm đóng quân sự về mặt hành chính, dựa trên những cơ cấu của đảng Bass (do đó có lẽ đảng này sẽ không bị giải tán, mặc kệ hai chữ dân chủ), về mặt tài chính thì đã có tài nguyên dầu lửa. Bất chấp luôn sự hợp pháp : nếu người Mỹ can thiệp dưới chiêu bài của nghị quyết 1441 thì phải để cho LHQ quyền giám hộ Irak. Ngoài ra thì, như George Packer đã viết trên New York Times Magazine : “*Người dân Mỹ không hề được chuẩn bị tinh thần cho những việc sẽ đón chờ nước Hoa Kỳ một khi chiến tranh chấm dứt (...) Chiến tranh đã biến Bush thành một tổng thống của chính sách ngoại giao, nhưng để dân chủ hoá một nước Ả-rập thì cần một sự tế nhị và tinh tế mà cho đến nay ít thấy, so với quyết tâm đánh đấm của ông ta*”. Ký giả này lại còn kể rằng tại một cuộc gặp gỡ các đại diện đối lập Irak trong tháng giêng, phần lớn thì giờ đã phải bỏ ra để giải thích cho ông tổng thống này hiểu là có hai giáo phái đạo Hồi tại Irak, người Sunnite và người Chiite. Ấy thế mà thực tế chủng tộc - tôn giáo là một dữ kiện thiết yếu cho bài toán Irak. Người Chiite chiếm đa số, nhưng làm sao trao quyền được cho họ mà không làm nghiêng thế quân bình trong vùng về phía Iran ? Người Kurdes đã biến miền Bắc Irak (đặt dưới sự bảo hộ của Anh - Mỹ từ khoảng chục năm nay) thành một

nước Kurdistan tự trị trên thực tế. Làm sao ngăn cản họ ly khai ? Làm sao trấn an nước Thổ Nhĩ Kỳ -- nhiên hậu không bao giờ muốn có một nhà nước Kurde ? vân vân và vân vân. Chẳng chóng thì chầy W. sẽ khám phá ra rằng tại “Phương Đông phức tạp” thì giữa trời đất có nhiều những thứ mà triết lý Téch Xát của ông ta không thể hình dung. Hàng trăm ngàn GI's bị vướng mắc vào đó trong hàng tháng, hàng năm, với giá chi ra hàng trăm tỷ đôla. Những phù thủy tập sự của cuộc “chiến tranh phòng ngừa” đáng nhẽ nên rút ra trước vài bài học từ cuộc phiêu lưu của Israel tại Liban (1982-2000) :

1) Ngay cả khi bị đe dọa thực sự (đây không là trường hợp với Irak) thì kẻ gây hấn, tấn công trước, là luôn luôn bị mất cơ sở hợp pháp.

2) Để loại trừ được hoàn toàn một chế độ thù nghịch thì phải kèm kẹp được toàn bộ dân chúng dân sự. Khi đó rất khó rút ra trước khi thiết lập được một chế độ mới ổn định, nếu không thì có khả năng là lại một chế độ thù nghịch mới nổi lên (đó là chuyện đang xảy ra tại Afghanistan, mà người ta lại hay quên)

3) Một cuộc chiếm đóng quân sự lâu dài sẽ gây ra những phản ứng tiêu cực, cả từ dân chúng địa phương lẫn dư luận quốc tế. Bất cứ một rắc rối nhỏ nào, do phía cực đoan gây ra hay không, đều phồng to ra thành những tai hoạ cho hình ảnh đội quân chiếm đóng. Điều này lại càng giới hạn những khả năng hành động chính trị hay quân sự.

Trong khi chờ đợi, và ngay cả trước khi trận mưa bom đầu tiên đổ xuống Bagdad, những hậu quả bên lề của chiến tranh phòng ngừa đã rất lớn : Liên Minh Đại Tây Dương bị xé đôi, châu Âu nửa thì bất lực nửa thành chur hâu, LHQ bị thách thức và bị gạt ra ngoài lề. Người ta còn nhớ, sau hội nghị quân sự tại Açores ngày 16.03 tổng thống Mỹ đã ra tối hậu thư, không phải cho nhà độc tài Saddam Hussein, mà chính là cho Hội đồng Bảo an của LHQ, nghĩa là cho cơ quan tối cao được giao nhiệm vụ điều hành cái tổ chức thường được gọi là “nơi hoà nghị giữa các nước”. Chỉ trong vài tháng nước Mỹ đơn phương đã phung phí hết cả cái vốn thiện cảm tích tụ được sau ngày 11.09. “Người Mỹ trầm lặng” đã tái xuất hiện. Bọn cực đoan đã thành công ngoài ước mong của chúng : ở thời gian đầu thế kỷ này, chính là nước Mỹ, chứ không ai khác, đã hiển hiện thành nguồn gốc chính của sự hỗn loạn và bất ổn định.

Nguyễn Quang,

- (1) Thật ra thì nói vậy là thừa, vì gần như toàn bộ chính phủ của Bush thực sự là điều hâu.
- (2) Các “ống nhôm dùng để giàu hoá quặng uranium” chỉ là các ống nhôm thôi. Và các cái gọi là hợp đồng mua quặng uranium từ một nước Phi châu, là nguy tạo.
- (3) Có thể xem thông báo của “Ủy ban quốc tế các luật gia” tổ chức phi chính phủ, thường trú tại Genève.
- (4) R. Kagan : “La Puissance et la Faiblesse” (Uy quyền và sự nhu nhược) ; nxb Plon, 2003 .
- (5) Thật ấn tượng, ngôn ngữ kiểu chính trị - tôn giáo của Bush không khác gì ngôn ngữ của Bin Laden.
- (6) Nhưng người ta thường nói sự khác biệt giữa chuyên gia và người qua đường là các chuyên gia nhầm lẫn nhiều hơn.

ĐIỀU HẬU MỸ: AI LÀ AI?

Tiểu Hằng Ngôn

Khi bài báo này đến bạn đọc thì Mỹ đã công khai xâm lăng Iraq. Lý do chiến tranh này thì chắc mọi người đều có ý kiến. Tuy nhiên, có lẽ nên biết thêm về tông tích những nhân vật chóp bu trong chính quyền Bush quyết định chính sách quân sự và ngoại giao của Mỹ hiện nay.

Đại để, có thể chia những người này làm ba nhóm. *Nhóm thứ nhất* gồm George Bush, Dick Cheney, và Donald Rumsfeld. Phe này là dân bảo thủ truyền thống, đặt quyền lợi Mỹ lên hàng đầu, có khuynh hướng biệt lập, nghi kỵ các thể chế quốc tế, muốn Mỹ hành động đơn phương. *Nhóm thứ hai* gồm Colin Powell, Richard Armitage (trợ lý cho Powell), và George Tenet (giám đốc CIA), cũng muốn Mỹ là siêu cường duy nhất, song tương đối “thực tế”, nhận cho các tổ chức quốc tế có vai trò nào đó trong chính sách Mỹ. *Nhóm thứ ba*, nổi tiếng nhất là Paul Wolfowitz, Richard Perle, thường được gọi là phe “tân bảo thủ”, chẳng những muốn củng cố thế lực kinh tế và quân sự của Mỹ nhưng còn muốn đem những “giá trị” của Mỹ áp đặt khắp nơi, bằng vũ lực nếu cần. Sau 11/9 thì phe thứ nhất ngã theo phe thứ ba. Và gần đây, sau những thất bại ngoại giao của Mỹ, thì phe thứ hai cũng xích lại phe thứ ba. Vì Cheney, Rumsfeld, Powell thì đã được biết khá nhiều, dưới đây là phác họa chân dung chỉ của những người phe “tân bảo thủ”.

Trước nhất phải nói đến **Condoleeza Rice** (cố vấn an ninh quốc gia của Bush) tuy không phải là thành viên của phe tân bảo thủ, nhưng là một nhân vật trọng yếu, và ngày càng có thái độ giống phe này. “Condi” Rice năm nay 49 tuổi, độc thân, con một, có bằng tiến sĩ chính trị học (1981, đại học Denver)

Năm 1989 Scowcroft (cố vấn an ninh quốc gia cho Bush cha) bổ nhiệm Condoleeza Rice đặc trách Liên Xô trong hội đồng an ninh quốc gia. Sau khi Bush cha thất cử nhiệm kỳ 2, Condoleeza Rice (lúc ấy chỉ mới 38 tuổi) được đại học Stanford chọn làm *Provost* (chức vụ quan trọng chỉ kém viện trưởng). Nghe đâu lúc ấy vì Stanford gặp nhiều khó khăn về tài chính và một số vụ mang tai tiếng nên không ai dám nhận chức vụ này. Nhờ George Shultz (ngoại trưởng Mỹ lúc đó) đỡ đầu, Rice được bổ nhiệm vào ban quản trị của nhiều đại công ty (Chevron, Transamerica, Charles Schwab). Hãng Chevron dùng tên Condoleeza Rice đặt cho một tàu chở dầu năm 1993.

Những người biết Condoleeza Rice đều nhìn nhận rằng bà có biệt tài ăn nói, nắm vấn đề một cách nhanh chóng, thuyết trình rất mạch lạc, tuy nhiên bà không phải là một lý thuyết gia cỡ lớn như Henry Kissinger hoặc Zbigniew Brzezinsky. Rice hay phô trương là mình “cứng rắn” (không nhỏ một giọt nước mắt trong đám tang của cha). Từ ngày cha mẹ mất, Rice trở thành thân cận đặc biệt với gia đình Bush.

Condoleeza Rice thường mở đầu các cuộc phỏng vấn, thuyết trình, với câu hỏi: “*Quyền lợi của Mỹ là gì?*”. Bà được nhiều người biết qua bài “Promoting the National

Interest” đăng trên *Foreign Affairs* năm 2000. Trong đó, Rice cũng kêu gọi Mỹ lật đổ Saddam, nhưng là qua các nhóm đối lập Iraq. Trong phe điều hậu, Rice là người hay dùng “đạo đức” để biện hộ cho chính sách Mỹ, có lẽ do ảnh hưởng phần nào của gia đình (cha là giáo viên kiêm mục sư, mẹ cũng là giáo viên).

Phe tân bảo thủ không coi Condoleeza Rice (bỏ đảng Dân Chủ sang đảng Cộng Hòa năm 1983) như là cùng nhóm của họ. Một phần là vì lúc còn làm cho Scowcroft, Rice ủng hộ Gorbachev thay vì Yeltsin, trong khi phe Cheney, Wolfowitz, Libby thì ủng hộ Yeltsin chống lại Gorbachev. Có lẽ vì không tin cậy Rice, phe điều hậu gài hai người vào làm phụ tá cho bà ta. Một là **Stephen Hadley** (đàn em của Cheney và Wolfowitz), chủ tịch một uỷ ban cấp thứ trưởng họp nhiều lần mỗi tuần để bàn chuyện ngoại giao và quốc phòng. Người kia là **Elliot Abrams**, từng là phụ tá của Reagan, bị ra toà vì vụ buôn bán vũ khí với Iran. Abrams cầm đầu phòng Trung Đông sự vụ trong hội đồng an ninh quốc gia của Condoleeza Rice. Ông ta cũng là con rể của Norman Podhoretz (xem dưới đây, đoạn về William Kristol).

Paul Wolfowitz (58 tuổi), phó bộ trưởng quốc phòng, có thể xem như lãnh tụ của nhóm điều hậu. Cha là gốc Do Thái di cư sang Mỹ năm 1920, từng làm giáo sư thống kê tại đại học Cornell. Hồi còn nhỏ đã theo cha sống một năm ở Israel, và có em gái lấy một người Israel. Paul Wolfowitz ban đầu học toán, sau đổi qua hoá học, rồi lấy tiến sĩ khoa học chính trị ở đại học Chicago sau khi được miễn dịch trong thời kỳ chiến tranh Việt Nam vì lý do học vấn.

Ở Chicago, Wolfowitz là đệ tử ruột của Albert Wohlstetter, một lý thuyết gia nổi tiếng về khoa chiến lược quân sự. Khi mới ra trường Wolfowitz đi dạy ở đại học Yale, nhưng nhờ mối nối của Wohlstetter, năm 1973 được kéo vào làm phụ tá cho nghị sĩ điều hậu Henry Jackson, dưới quyền của Richard Perle (xem dưới đây). Trong chính phủ Reagan, Wolfowitz làm thứ trưởng ngoại giao đặc trách Đông Á, sau đó là đại sứ Mỹ ở Indonesia. Trong chính phủ Bush cha, Wolfowitz là thứ trưởng quốc phòng (đặc trách chính sách), dưới quyền Cheney. Khi Clinton lên, Wolfowitz trở về làm khoa trưởng chương trình quan hệ quốc tế đại học Johns Hopkins.

Tuy là người của Cheney, Wolfowitz bảo thủ cách khác hơn Cheney. Wolfowitz chú trọng nhiều đến mặt ngoại giao, muốn áp đặt “dân chủ” kiểu Mỹ lên các nước khác, trong khi đó (vợ chồng) Cheney thì bảo thủ hơn về mặt kinh tế, xã hội và văn hoá.

Vào năm cuối (1992) thời Bush cha, Wolfowitz chỉ huy một nhóm điều hậu trong Lầu Năm Góc soạn thảo một báo cáo mang tựa đề “Defense Planning Guidance”. Báo cáo này là “bản đồ chính sách” cho thế kỷ 21, theo đó Mỹ phải hiện diện quân sự thường trực ở khắp thế giới để ngăn ngừa mọi quốc gia có ý cạnh tranh với Mỹ bất cứ nơi đâu, trong bất cứ lãnh vực nào. Theo Wolfowitz, chính sách ngăn chặn (containment policy) của Mỹ trong thời kỳ chiến tranh lạnh giờ đã lỗi thời, nên được thay thế bằng một chính sách nhằm “thiết lập và củng cố một trật tự mới”, bằng cách đánh phủ đầu các nước khác, nếu cần.

Báo cáo này của nhóm Wolfowitz đã bị hầu hết chính giới và báo chí Mỹ lúc ấy chỉ trích nặng nề, cho là quá hiếu chiến, ảo mộng đế quốc, do đó vẫn còn được xếp là “tối mật” cho

đến nay. Tuy nhiên nó là nền tảng cho Chiến lược An ninh Quốc gia (National Security Strategy (NSS)) do Bush con ký ngày 21 tháng 9 năm 2002. Chính Wolfowitz, bốn ngày sau 11/9, đã đề nghị Bush nên tấn công Iraq thay vì Afghanistan.

Richard Perle, 62 tuổi, thạc sĩ chính trị học (đại học Princeton, 1967), nguyên là phụ tá (cố) nghị sĩ Henry Jackson Bạn thân của Wolfowitz. Trong thời Reagan, Perle làm phụ tá bộ trưởng quốc phòng. Hiện nay ông là chủ tịch của Defence Policy Board, một uỷ ban tư vấn cao cấp do Rumsfeld bổ nhiệm, rất nhiều ảnh hưởng ở Lầu Năm Góc.

Khi làm phụ tá bộ trưởng quốc phòng, Perle là người rất hiếu chiến, cực lực chống lại mọi hiệp ước kiểm soát vũ khí, do đó thường được gọi là Ông Hoàng U Âm (Prince of Darkness). Cũng có người gọi Perle là “ Điều hâu của điều hâu ” (The Hawks’ Hawk).

Richard Perle là đệ tử của Irving Kristol “ bố già ” nhóm tân bảo thủ (và là cha của William Kristol, xem dưới đây). Năm 1996 Perle là tác giả chính (cùng với 7 người nữa, trong đó có Wolfowitz, Feith, Wurmser) một báo cáo (“ A Clean Break : A New Strategy for Securing the Realm ”) cho chính trị gia Israel cực hữu Benjamin Netanyahu. Đó là một sách lược cực kỳ hiếu chiến cho Israel, khuyến cáo Israel xé bỏ hiệp ước Oslo, “ giải phóng ” Iraq, thay đổi chế độ ở Syria, Saudi Arabia, Jordan...

Khi Bush con lên cầm quyền, Perle được mời làm nhân vật số 3 ở Lầu Năm Góc song từ chối (chức này rơi vào tay Douglas Feith, xem dưới đây), có lẽ vì muốn đứng ngoài chính phủ để tiện kinh doanh. (Perle có nhiều dính líu tai tiếng đến hoạt động buôn bán vũ khí của Israel, và sau này cố vấn cho các công ty hưởng lợi nhờ bộ An ninh nội địa của Mỹ mới thành lập)

Lewis Libby. Học trò của Wolfowitz ở Yale, tốt nghiệp luật ở Columbia, có nhiều chức vụ trong chính phủ Reagan, được bổ nhiệm làm phó thứ trưởng quốc phòng dưới quyền Cheney trong thời Bush cha. Hiện Libby là chánh văn phòng của Cheney, có mặt ở mọi phiên họp trong chính phủ (và đó là cách Cheney thi thố quyền lực). Lewis Libby cũng nắm nhiều quyền bổ nhiệm, gài người phe Cheney vào các vị trí then chốt ở cấp thứ trưởng, phụ tá bộ trưởng

William Kristol, (50 tuổi), con của nhà bình luận tân bảo thủ tên tuổi Irving Kristol (chủ bút tờ *Public Interest*) và bà Gertrude Himmelfarb, một trí thức cũng khá nổi danh. Bạn thân của Irving Kristol là Norman Podhoretz, chủ bút nguyệt san *Commentary* (tự xưng là cơ quan ngôn luận của người Mỹ gốc Do thái). Norman Podhoretz là cha vợ của Eliot Abrams (xem đoạn về Condoleeza Rice phần trên)

Bill Kristol là tiến sĩ chính trị học, có một thời dạy Harvard, sau đó làm chánh văn phòng cho phó tổng thống Dan Quayle (thời Bush cha), ăn nói khôn ngoan, nổi tiếng là trí thức, có biệt danh là “ bộ óc của Dan Quayle ”. Kristol hiện là tổng biên tập tuần báo *Weekly Standard* (chủ là ông trùm báo chí cực hữu người Úc Rupert Murdoch).

Weekly Standard được coi là ống loa của nhóm tân bảo thủ, đã cổ vũ “ thay đổi chế độ ” – chẳng những ở Iraq, mà còn ở Saudi Arabia, Syria, vv.. – ngay từ thập kỷ 90. Kristol là bạn thân của Perle, Kagan (xem dưới đây) và quen biết rất rộng trong đảng Cộng hoà. Nhóm tuần báo này hô hào Mỹ dùng

sức mạnh quân sự để bảo vệ quyền lợi và “ giá trị ” của Mỹ khắp mọi nơi, đừng ngần ngại làm đế quốc. Trong cuộc bầu cử năm 2000, nhóm này ủng hộ McCain thay vì Bush (cho là Bush quá yếu), và thường chỉ trích Colin Powell về cái mà họ gọi là tính “ nhút nhát ” của ông này

Robert Kagan, (44 tuổi, thạc sĩ Harvard), là một viên chức trong chính quyền Reagan từ năm 1984 đến 1988, hiện theo vợ sống ở Bruxelles, cộng tác với *Carnegie Endowment for International Peace*, một “ think tank ” của Mỹ. Kagan thường viết cho *Weekly Standard*, *Policy Review*, *Washington Post*...

Kagan cùng viết với William Kristol bài “ Toward Neo-Reaganite Foreign Policy ” đăng trên *Foreign Affairs* năm 1996, bảo rằng Mỹ phải trở thành “ bá chủ thế giới ” và rằng chính sách ngoại giao Mỹ phải nhằm khuyến khích những giá trị nêu ra trong Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ. Gần đây Kagan trở thành nổi tiếng với quyển “ *Of Paradise and Power* ” trong đó ông cho là châu Âu quá hiếu hoà, nhút nhát. Câu nói bất hủ của Kagan là “ *Người Mỹ đến từ sao Hoả, người Á đến từ sao Kim* ”. Kagan thường chỉ trích Colin Powell và khuyến cáo Mỹ nên mở rộng chiến tranh ngoài Afghanistan. Có lẽ Kagan là người có trách nhiệm tinh thần lớn nhất cho sự chia rẽ giữa Mỹ và châu Âu hiện nay.

Eliot Cohen. Tiến sĩ hành chính Harvard, hiện dạy ở Johns Hopkins và trường Cao đẳng Hải quân (Naval War College). Cohen làm việc với Wolfowitz trong chính quyền Bush cha, và là thành viên của Defense Policy Board (xem Perle, đoạn trên). “ Đóng góp ” quan trọng gần đây của Cohen là một quyển sách tán tụng tài lãnh đạo của các lãnh tụ dân sự như Churchill, Lincoln, Ben-Gurion, Clemenceau. Bush con hay cầm quyển này đi qua đi lại, bảo là đang mê đọc. Nhờ Cohen, nhóm điều hâu tân bảo thủ (không ai có một ngày mặt quân phục) có cơ bác bỏ những chế nhạo việc họ hoàn toàn thiếu kinh nghiệm chiến tranh (và bị đặt biệt danh là bọn “ điều hâu gà ” – chickenhawks)

Douglas Feith. Luật sư, phụ tá cho Perle trong thời Reagan, hiện là viên chức (hàng thứ ba) của Lầu năm góc (chức vụ mà Wolfowitz đã giữ trong thời Bush cha). Feith là gốc Do Thái điều hâu cực hữu, luôn nghĩ đến quyền lợi của Israel. Trong bài “ *A Strategy for Israel* ” năm 1997, Feith bảo Israel phải tái chiếm những vùng hiện do nhà cầm quyền Palestine cai quản, dù cái “ giá bằng máu ” sẽ là cao.

John Bolton. Tốt nghiệp luật đại học Yale, làm phụ tá bộ trưởng tư pháp trong thời Reagan. Chuyển sang làm phụ tá bộ trưởng ngoại giao (chuyên trách vấn đề các tổ chức quốc tế) trong thời Bush cha. Hiện là thứ trưởng ngoại giao chuyên trách kiểm soát vũ khí và an ninh quốc tế.

David Wurmser. Tiến sĩ, đại học Johns Hopkins. Hiện là phụ tá đặc biệt cho Bolton, nhân vật điều hâu nhất trong bộ ngoại giao. (Nên để ý : Colin Powell bị Bolton và Wurmser là người của Cheney và Wolfowitz bao vây). Wurmser không phải là phe “ đạo đức ” (như Condoleeza Rice), mà xem Mỹ và Israel là như một đối với tất cả các nước khác ở Trung Đông. Năm 1999 Wurmser cho xuất bản quyển “ *Tyranny’s Ally: America’s Failure to Defeat Saddam Hussein* ” (Perle viết lời tựa), phác hoạ hình ảnh Trung Đông sau khi Saddam bị lật đổ, nhất là ảnh hưởng đối với Syria và Iran sẽ “ tốt ” đến



Luân lý bom

Trong những lập luận được đưa ra để biện minh cho chiến tranh chống Iraq, G.W. Bush và các cố vấn nhấn mạnh nhiều lần tới việc Saddam Hussein, người cầm đầu nước này, có trong tay những vũ khí huỷ diệt hàng loạt, và ông ta là kẻ đã từng sử dụng chúng. Chẳng mấy ai bào chữa cho Saddam trong những hành động gây chiến ở Iran và Koweit hơn mười năm trước, và việc ông ta sử dụng vũ khí hoá học làm thiệt mạng hàng ngàn người dân Kurde. Trong số rất đông đảo những người chống chiến tranh, chắc cũng rất đông người cầu mong cho nhân dân Iraq sớm tìm được cho mình một chế độ chính trị tốt đẹp hơn, một đời sống an bình, hạnh phúc hơn. Song, đó lại là một chuyện khác. Ở đây, xin tập trung vào vấn đề vũ khí huỷ diệt, và nhắc lại một thực tế dễ bị quên đi dưới những tiếng ồn dấy đặc của các phương tiện truyền thông thân Mỹ : chính các chính quyền nối tiếp nhau ở Hoa Thịnh Đốn mới là những “chuyên gia” số một trên thế giới về việc sử dụng những vũ khí huỷ diệt hàng loạt chống thường dân ở những nước bị Mỹ coi là thù nghịch.

Luân lý Mỹ, luân lý bom. Ai đó đã tổng kết như vậy khi nói tới cuộc chiến tranh Mỹ gây ra ở Việt Nam. Trên một đất nước rộng khoảng 3/5 nước Pháp, quân đội Mỹ đã rải lên 8 triệu tấn bom (chưa kể những loại đạn, mìn, chất nổ khác, chưa kể hàng chục triệu lít độc chất Da cam), bằng 4 lần tổng số bom mà quân đồng minh đã rải trong thế chiến thứ hai (dẫn theo James Carroll, trên Boston Globe ngày 1.5.2001, trích cuốn sách “ A history of bombing ” của Sven Linqvist). Với kỷ lục là cuộc trải thảm bom bằng B52 trên thành phố Hà Nội những ngày cuối năm 1972 : khoảng 100 000 tấn bom trong vòng 12 ngày. Mục tiêu : khủng bố tinh thần dân chúng. Chẳng có lý gì khác, vì Nixon đã quyết định rút quân ra khỏi VN, chấm dứt chiến tranh - ít ra là đối với Mỹ. Tương tự như

Điều hâu (tiếp theo)

bực nào. Theo Wurmser, Mỹ và Israel phải phá tan – không phải chỉ giải giới– những chế độ “ cực đoan ” ở Trung Đông, cho dân ở vùng này biết rằng nếu chống lại Mỹ hoặc Israel thì phải diệt vong. Wurmser kêu gọi Mỹ và Israel phải để ý chụp bắt ngay một khủng hoảng nào đó. Ông ta viết : “ *Khủng hoảng có thể là cơ hội* ”. Chiến lược chiến tranh cho Mỹ và Israel do Wurmser phác hoạ được xuất bản vào tháng giêng năm 2001, chín tháng trước ngày 11/9.

Tiểu Hằng Ngôn
Dayton
17/3/2003

quyết định thả hai quả bom nguyên tử trên các thành phố Hiroshima và Nagasaki năm 1945, khi chiến tranh đã kết thúc. Mục tiêu quân sự không còn nữa, nhưng mục tiêu chính trị - khủng bố tinh thần đối phương - vẫn còn.

Nói như thế không có nghĩa, dĩ nhiên, là Mỹ không dùng vũ khí huỷ diệt trong các mục tiêu quân sự ! Hoặc không nghiên cứu để sử dụng chúng nếu thấy có thể. Ngày 8.3 vừa qua, tờ Los Angeles Times - và sau đó thêm một số báo Mỹ khác - cho biết, năm 1966 bộ quốc phòng Mỹ đã đặt cho nhóm chuyên gia Jason, thuộc Viện nghiên cứu quốc phòng (Institute for defense analysis), nghiên cứu khả năng sử dụng vũ khí hạt nhân chiến thuật trong chiến tranh VN. Bản báo cáo của nhóm, do 4 nhà vật lý học nổi danh F.J. Dyson, R. Gomer, S. Weinberg (giải Nobel) và S.C. Wright ký tên, vừa được công bố (trừ một số câu, đoạn bị bôi đen, xem chi tiết trên www.nautilus.org/VietnamFOIA/). Đọc bản báo cáo, người ta có thể mừng tượng tại sao Lầu năm góc quyết định không sử dụng loại vũ khí huỷ diệt này : đối phương cũng có thể có được những quả bom tương đương (Liên Xô hay Trung Quốc, đứng trước việc Mỹ dùng bom này, sẽ bị sức ép leo thang theo, và viện trợ tương ứng cho VN) ! Và, những trại lính Mỹ sẽ là những miếng mồi ngon với loại vũ khí đó... Theo ông S. Weinberg (LAT 9.3), chính vì tin trước rằng sẽ đạt tới kết luận này - làm chùn tay Lầu năm góc - nên ông mới nhận tham gia nhóm nghiên cứu.



... và, như Georges Bush nói, sau khi Saddam sụp đổ, thế giới arập sẽ dân chủ hoá !!

Cũng có lẽ không mấy tin vào “đạo lý” của những người cầm quyền bính ở Hoa Thịnh Đốn, nên các chuyên gia của nhóm Jason hoàn toàn không đề cập tới khía cạnh này trong báo cáo của mình (ngoài vài câu cảnh báo về khả năng có hiệu quả chính trị xấu trên thế giới).

Lần này, như để ngăn chặn trước mọi ý chí đề kháng của Iraq, Mỹ đã tuyên truyền rầm rộ, một tuần trước khi gây chiến, về một vũ khí huỷ diệt mới. Được đem ra thử ngày 11.3, loại bom mang tên chính thức MOAB (Massive ordnance air blast) còn được “diễn nôm” ra là “mẹ của các loại bom” (mother of all bombs !), dài 9m, chứa 9,5 tấn thuốc nổ, khi nổ tạo ra một đám mây hình nấm có thể nhìn thấy từ cự ly vài ba dặm.

Một vũ khí huỷ diệt hàng loạt mà Mỹ chắc sẽ không ngần ngại sử dụng, nhất là nếu cuộc chiến kéo dài và khó khăn, nếu những thảm bom “cổ điển” không đủ hiệu lực. Kể cả khi biết chắc rằng đối phương không có hoặc không còn khả năng trả đũa làm thiệt hại nặng quân đội Mỹ. Mục tiêu chính không thay đổi : nhấn với mọi người trên thế giới hãy coi chừng nếu muốn phản kháng !

Còn đạo lý ? Kể ném bom giết người khi trở về căn cứ tay vẫn “sạch”, có dính máu đâu ?

Vấn đề là, sau khi được “giải phóng” bởi những thảm bom đó, liệu cái ý chí ban đầu vùng lên lật đổ bạo tàn của người dân có còn nguyên vẹn ? Và biểu tượng cho bạo tàn trong nhận thức của họ ?

Hoà Văn

TIN TỨC

Việt Nam và chiến tranh ở Iraq

Theo VNNTX, ngày 20.3.2003 chính phủ Việt Nam đã ra tuyên bố lên án các hành động quân sự của Mỹ - Anh tại Iraq là *vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, ..., tạo tiền lệ cực kỳ nguy hiểm trong quan hệ quốc tế*, và kêu gọi chấm dứt ngay các hành động này. Có lẽ từ khoảng mười năm nay, từ khi Hà Nội tìm cách nối bang giao với Hoa Thịnh Đốn, đây là lần đầu tiên nhà cầm quyền VN ra một tuyên bố chính thức kịch liệt lên án Mỹ như vậy.

Tuyên bố nêu rõ : “ Ngày 20.3.2003 nhà cầm quyền Mỹ, Anh đã phát động chiến tranh chống nhân dân Iraq, bất chấp sự phản đối của đông đảo nhân dân thế giới, bất chấp mọi nỗ lực của nhiều nước thành viên Liên hiệp quốc nhằm ngăn chặn chiến tranh, tìm kiếm giải pháp hoà bình cho vấn đề vũ khí của Iraq. Hành động đó vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, kể cả hiến chương Liên hiệp quốc, vô hiệu hoá tổ chức này, tạo tiền lệ cực kỳ nguy hiểm trong quan hệ quốc tế, gây đau khổ cho nhân dân Iraq, phá hoại hoà bình, ổn định ở khu vực Trung Cận Đông và trên toàn thế giới.

(...) Chính phủ và nhân dân Việt Nam cực lực phản đối hành động quân sự của nhà cầm quyền Mỹ, Anh chống nhân dân Iraq và mạnh mẽ lên tiếng yêu cầu chấm dứt ngay các hành động đó, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Iraq, khôi phục hoà bình ở khu vực và sự ổn định trên thế giới ”.

Theo bà Phan Thuý Thanh, người phát ngôn bộ ngoại giao, tất cả các nhân viên ngoại giao cùng khoảng 20 người Việt (gồm sinh viên và công nhân) đã rời khỏi Iraq.

Từ ngày 15.3, chính quyền cũng đã cho phép tổ chức nhiều cuộc mít tinh ở Hà Nội và các tỉnh để phản đối cuộc chiến tranh. Ngày 19.3, học sinh một số trường trung học ở Hà Nội đã tập trung trước toà đại sứ Mỹ với biểu ngữ và khẩu hiệu chống chiến tranh.

Đã khống chế được bệnh viêm phổi lạ ?

Theo báo cáo của Tổ chức Y tế thế giới (World Health Organization - WHO) ngày 22.3.2003, tổng số người bị nhiễm thứ bệnh viêm phổi lạ được đặt tên Hội chứng hô hấp cấp tính nặng (Severe Acute Respiratory Syndrome, hay SARS) lên tới 386 người ở 14 nước trong đó có 11 người chết. Bị nặng nhất là Hồng Kông (222 người bệnh, 7 người chết), rồi tới Hà Nội (63 người bệnh, 2 chết). Những con số này chưa kể tới một vụ dịch “cúm” tại tỉnh Quảng Đông Trung Quốc, từ giữa tháng 11 năm ngoái tới tháng 2 năm nay, với 305 người mắc bệnh, trong đó 5 người tử vong. Gần đây mới có nghi vấn đây mới chính

là xuất phát điểm của SARS, do phát hiện mối liên hệ giữa một trong những bệnh nhân SARS đầu tiên ở Hồng Kông, tử vong ngày 4.3, và một đồng nghiệp ở Quảng Đông. Một ê-kíp chuyên gia của WHO đã được cử tới Quảng Đông để làm sáng tỏ nghi vấn này.

Bệnh được vào những ngày đầu tháng ba, từ bệnh viện Việt - Pháp ở Hà Nội. Sau đây là tường thuật, theo VnExpress, về những ngày đầu phát hiện bệnh :

Ngày 26.2, bệnh nhân Johnny C. Chen (một người Mỹ gốc Hoa, có cơ sở sản xuất quần áo ở Việt Nam) nhập viện. Bệnh của ông tiến triển tồi tệ, chỉ sau vài ngày, phổi đã trắng bệch, rồi suy hô hấp... Một vài nhân viên bệnh viện bỗng xuất hiện những triệu chứng như cảm cúm. Số người bị bệnh tiếp tục tăng những ngày sau đó.

Ngày 4.3, bệnh viện quyết định cho họ chụp phổi kiểm tra. Tất cả đều có những đám mờ, giống như của bệnh nhân Chen. 5 trong số 11 người tiếp xúc với bệnh nhân này đã có biểu hiện nặng về phổi. Họ được giữ lại bệnh viện để điều trị.

Ngày 5.3, ông Chen được chuyển sang Hong Kong để chữa trị tại bệnh viện Princess Margaret. Ông qua đời tại đây ngày 13.3.

Ngày 8.3, bệnh viện thời tiếp nhận bệnh nhân ngoại khoa, hàng loạt trường hợp đăng ký dịch vụ thai sản trọn gói tại viện bị hủy bỏ. Số nhân viên có dấu hiệu sốt cảm cúm ngày càng tăng. Một số người xin nghỉ phép. Ngày 11.3, lãnh đạo bệnh viện quyết định ngừng hoạt động khám chữa bệnh, chuyển toàn bộ số bệnh nhân nội trú sang các cơ sở y tế khác.

Số nhân viên lây nhiễm loại virus lạ vẫn tăng. Sức khỏe của các bệnh nhân không có dấu hiệu phục hồi dù đã sử dụng những kháng sinh đặc hiệu nhất. Phim X quang phổi của họ mờ trắng - một biểu hiện của sự viêm nhiễm nặng.

Ngày 12.3, lá phổi của y tá Nguyễn Thị Lượng và bác sĩ gây mê Jean Paul Derossier, hai người từng trực tiếp săn sóc ông Chen, không còn tự hoạt động được. Họ cần đến sự hỗ trợ của máy thở. Trong lúc đó lần lượt gần 10 y tá, hộ lý, bác sĩ đã trở lại bệnh viện sau những ngày tự chữa bệnh ở nhà không có kết quả.

Y tá Lượng, 46 tuổi, tắt thở chiều ngày 15.3. Bác sĩ Derossier, 65 tuổi, ngày 18.3. Cả hai được hoả thiêu tại chỗ.

Cùng ngày 15.3, WHO ra báo động khẩn cấp đầu tiên về bệnh lạ : thông tin từ các bệnh viện trên thế giới được tổng hợp tại WHO cho biết đã có 150 người mắc bệnh với những triệu chứng giống như bệnh nhân Chen ở Hà Nội (sốt cao, ho, đau tức ngực, chụp X quang có vết đông đặc ở phổi), và 4 người đã chết (không kể 5 người ở Quảng Đông). Ngoài ông Chen, chị Lượng, hai nạn nhân khác chết ở Canada, nhưng cũng đều vừa đi Hồng Kông về. Đa số những người bị bệnh là những nhân viên y tế, bác sĩ hay y tá, chăm sóc gần gũi những bệnh nhân khác, trong số đó có 112 nhân viên của bốn bệnh viện ở Hồng Kông. Điều được chứng minh là bệnh chỉ lây khi tiếp xúc gần (nguồn lây có thể là nước bọt, dịch tiết ở mắt và các nguồn khác chưa xác định).

Cả thế giới được báo động đã lấy những biện pháp phòng ngừa nghiêm ngặt, và một tuần sau báo động, tuy số trường

hợp mắc bệnh vẫn tăng lên, đã có những triệu chứng cho thấy bệnh đã được khống chế.

WHO đã công bố một bản báo cáo của bộ Y tế Trung Quốc về vụ bùng phát bệnh “cúm” ở Quảng Đông. Thông báo này cho hay tình hình dịch bệnh đã được kiểm soát và các bệnh nhân đang lần lượt bình phục. Phần lớn nạn nhân là thanh niên, cách lan truyền của bệnh cũng giống như của SARS. Bệnh đạt đỉnh điểm vào những ngày 3-14/2 tại Quảng Đông và từ đó đã giảm đáng kể.

Ở Hà Nội, khi số báo này lên khuôn (23.3), số người bệnh bị nhiễm vi-rút lạ nằm điều trị tại bệnh viện Việt - Pháp không tăng, mười người đã được phục hồi, 15 người bệnh khác đang điều trị tại Viện Y học Lâm sàng và các bệnh nhiệt đới cũng đã có dấu hiệu phục hồi tích cực. Tuy nhiên, vẫn còn một y tá và một bác sĩ chưa ra khỏi tình trạng nguy kịch.

Đồng thời, nỗ lực truy tìm thủ phạm của 11 phòng thí nghiệm y khoa của 10 nước đã bắt đầu có kết quả. Ngày 20.3, các phòng thí nghiệm tại Đức, Hồng Kông, Singapore và cả Đài Loan cho biết đã cùng tìm thấy virus thuộc họ *paramyxovirus* trong mẫu bệnh phẩm. Tuy nhiên, WHO cảnh báo rằng, các virus nhóm paramyxovirus (có virus bệnh sởi trong nhóm này) thường lan tràn rộng rãi vào thời điểm này của năm và cái mà các nhà khoa học tìm thấy có thể không liên quan tới SARS ! Mặt khác, các chuyên gia y tế Mỹ và Canada cho rằng, paramyxovirus mới chỉ được tìm thấy ở mũi người bệnh chứ chưa thấy trong máu nên chưa chắc đã là thủ phạm gây bệnh...

Nhiều nước và tổ chức quốc tế đã tăng cường hỗ trợ bộ Y tế Việt Nam phòng chống dịch bệnh lạ này, kể cả các giúp đỡ về vật chất hay cử chuyên gia, bác sĩ sang góp phần chữa trị tại chỗ những người bệnh. (tổng hợp tin báo chí Việt Nam và quốc tế, và tin trực tiếp trên trạm internet của WHO)

Tạm ngưng xuất khẩu sang Trung Đông

“*Thế là 250 máy phát điện và 250 máy bơm nước của chúng tôi đã không kịp đến Iraq. Hơn lúc nào hết họ rất cần những mặt hàng thiết yếu này*”, ông Mai Văn Ban, Phó Giám đốc Công ty Chế tạo động cơ Vinappco (Đồng Nai) tuyệt vọng nói sau khi hay tin Mỹ bắt đầu phóng tên lửa oanh tạc Iraq sáng nay.

Toàn bộ số hàng trên thuộc về một trong ba hợp đồng trị giá 2,5 triệu euro (40 tỷ đồng) mà công ty đã ký kết từ hồi cuối năm ngoái và công ty đã chuẩn bị xong. Máy phát điện và máy bơm nước xuất cho Iraq là loại máy được thiết kế chỉ thích hợp với nhu cầu sử dụng của người dân Iraq và thiết kế chế tạo theo mẫu đặt sẵn.

Cũng như Vinappco, rất nhiều doanh nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực gạo đã phải đình lại các hợp đồng xuất khẩu sang thị trường Trung Đông do rủi ro chiến tranh. Theo ước tính của Hiệp hội lương thực Việt Nam, với cuộc chiến tranh đang xảy ra, Việt Nam đã mất hợp đồng xuất khẩu vào thị trường này từ 500 đến 800 ngàn tấn gạo.

Ngoài ra, nhiều đơn vị xuất khẩu chè, cà phê, bột giặt của Việt Nam cũng thông báo tạm ngưng hợp đồng đưa hàng sang thị trường Trung Đông. Bản thân một số công ty giao nhận vận

tải cũng như các hãng tàu cũng đang ngại ngần nhận hàng đưa vào khu vực này. (theo VnExpress, 20.3.2003)

2003, năm thiết lập trật tự và an toàn giao thông ?

Các thống kê chính thức của năm 2002 cho biết Việt Nam có tới 27 000 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm gần 13 000 người chết, trên 30 000 người bị thương, và nguyên nhân gây ra 80 % các vụ tai nạn là không chấp hành luật lệ giao thông. Lái xe phân khối lớn mà không có bằng, vượt đèn đỏ, chạy xe vào đường cấm, chở người vượt mức cho phép, chạy xe dàn hàng ngang, lạng lách... hiện nay dường như đã trở nên chuyên phổ biến, thậm chí người ta làm những điều đó một cách vô tội vạ. Trên mọi đường phố, nhan nhản cảnh vi phạm, trong khi cảnh sát giao thông đứng nhìn, xem như những chuyện ấy không thuộc phần hành của mình ; hoặc nhân viên cảnh sát dừng xe tràn lan, gây những phiền nhiễu cho người đi đường.

Nhằm tạo một sự “*chuyển biến mạnh trong kỷ cương giao thông, đẩy lùi tai nạn và giảm dần ùn tắc giao thông*”, ban bí thư đảng cộng sản Việt Nam đã phải ra chỉ thị “*lấy năm 2003 làm năm thiết lập trật tự an toàn giao thông trong phạm vi toàn quốc*”. Chính phủ ra nhiều nghị định mới về xử phạt vi phạm luật giao thông. Các biện pháp phạt tiền bắt đầu từ vi phạm không đội mũ bảo hiểm khi đi xe gắn máy trên các tuyến đường có qui định (10 000-20 000 đồng) cho đến các vi phạm lái xe lạng lách, đánh võng, đuổi nhau trên đường (4-6 triệu đồng) hoặc không chấp hành lệnh dừng xe (6-14 triệu đồng). Mới mẻ hơn là các biện pháp chế tài mạnh :

– bầm lỗ trên giấy phép lái xe khi lỗi vi phạm trên 200 000 đồng và tước bằng lái khi nó có ba lỗ ;

– giam xe trong thời hạn 30-60 ngày trong các trường hợp lái xe gắn máy không đủ tuổi hay không có bằng, chở ba người, đua xe, phóng nhanh, vượt đèn đỏ...

– kiểm tra ngay tại trường học các học sinh không đủ tuổi hay không có bằng lái để đi xe gắn máy ;

– khống chế số lượng xe đăng ký hàng năm ở các thành phố.

Trong ba tuần lễ đầu tiên của tháng hai vừa qua, cảnh sát giao thông cả nước đã lập bản xử lý gần 150 000 trường hợp vi phạm luật lệ, phạt 18,3 tỉ đồng, giam giữ hơn 41 000 xe gắn máy và ô tô. Tại thủ đô Hà Nội sau một tháng, cảnh sát giao thông đã xử lý gần 34 000 vi phạm, phạt trên 2,2 tỉ đồng, giam giữ hơn 12 600 xe. Ý thức tuân thủ luật lệ giao thông xem ra có cải tiến đáng kể, thậm chí xuất hiện những hiện tượng ‘xưa nay hiếm’ như xe gắn máy dừng lại trước đèn đỏ ngay cả lúc nửa đêm. Thành phố Hà Nội cũng có quyết định ngưng cho đăng ký xe gắn máy trong bốn quận nội thành (Hoàn Kiếm, Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng), và đang chuẩn bị những qui định về hạn chế và cấm xe gắn máy và ô tô vào thành phố trong những giờ nhất định.

Từ đầu tháng ba vừa qua, Thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng những qui định cấm xe tải lưu thông trong nội ô thành phố vào những giờ cao điểm (6-9g và 16-21g) ; riêng những xe tải trên 2,5 tấn thì chỉ được lưu thông giữa 21 giờ đêm và 6 giờ sáng. Thành phố Hồ Chí Minh có đến 160 ngàn ô tô, 2,3 triệu xe gắn máy và 2 triệu xe đạp. Trong khi đó, thành phố có

2074 xe buýt nhưng chỉ có 126 chiếc còn niên hạn, đúng qui định để lưu hành. Đề án phát triển trở lại một hệ thống xe buýt công cộng gặp phải một trở ngại đáng kể : trong mười năm qua, thành phố đã tiến hành ‘xã hội hoá’ (tư nhân hoá) xe buýt, mà một hệ thống xe buýt ‘tự nó nuôi nó’ là điều không thiết thực. Trong các địa phương, thành phố Đà Nẵng là nơi tiến hành những biện pháp triệt để nhất, ‘hơn cả nghị quyết’ : cấm học sinh đi đến trường bằng xe gắn máy (ngay cả khi đủ tuổi và có bằng lái !); đối với thanh thiếu niên vi phạm qui định về tuổi, tịch thu xe gắn máy cho đến khi đủ tuổi và có bằng lái thì mới trả xe ; cấm sử dụng vỉa hè (nếu không được giấy phép) để hoạt động kinh doanh ; cấm xe công nông lưu thông trên quốc lộ.

Cho đến nay, người dân nói chung khá đồng tình với chủ trương của chính phủ nhằm tạo trong cả nước một chuyển biến mạnh trong ý thức tuân thủ luật lệ về giao thông, song vẫn có mối lo âu rằng đây chỉ là một chiến dịch ồn ào, ngoạn mục rồi... đâu sẽ trở vào đó. Mặc dù thủ tướng Phan Văn Khải, trong một bài diễn văn trước quốc hội, đã có cam kết tương đối rõ : “ *Nếu cuối năm 2003 mà tình hình trật tự an toàn giao thông vẫn không có gì chuyển biến, đó là một khuyết điểm không chỉ của chủ tịch uỷ ban an toàn giao thông quốc gia, mà là của cả hệ thống chính trị* ”. [Tuổi Trẻ 6, 11, 12, 20, 25, 26 và 28.2 ; 1.3.03]

Bác sĩ Nguyễn Đan Quế lại bị bắt

Chính quyền VN, qua một thông tin của TTXVN, đã xác nhận lại bắt giam lần nữa bác sĩ Nguyễn Đan Quế, đổ cho ông tội “ *chuyển tài liệu có nội dung chống Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam tại một quán cà-phê internet cho một tổ chức có tên "Cao trào nhân bản" có trụ sở ở Mỹ* ”.

Theo TTXVN, sự việc xảy ra ngày 17.3, và ông Quế bị “ *bắt quả tang* ” khi đang làm việc chuyển tài liệu đó, và

Cứ thử dài mãi

Một trong những nguyên nhân gây mất an toàn giao thông là tình trạng làm nhà, đô thị hoá hai bên các trục quốc lộ. Những đoạn đường "cao tốc" bị biến thành đường tốc độ thấp, thiếu an toàn vì hai bên nhà cửa, hàng quán chỉ chít. (...) Những tưởng các con đường do lịch sử để lại (cả lịch sử thời chống Tây - Mỹ đến lịch sử thời ta bao cấp) tình trạng lấn chiếm quốc lộ phải chấp nhận. Nào ngờ con đường xuyên Việt đang mở - đường Hồ Chí Minh - còn chưa đâu vào đâu, nhưng hoàn thành đoạn nào là bị lấn chiếm đoạn đó. Từ Thanh Hoá đến Quảng Trị đã đếm được 1.092 ngôi nhà mọc lên trên hành lang giao thông. Có nơi chính quyền địa phương còn cho phép xây quán. Cứ đà này, nếu không có biện pháp răn thì khi đường Hồ Chí Minh hoàn thành ta sẽ lại có thêm con đường 1A thứ hai, du khách đi từ Bắc vô Nam sẽ có một "tua" du lịch phố xá dài ngót 2.000km(...) Và rồi mỗi lần được đi nước ngoài, lúc về đi trên xa lộ "Made in Việt Nam" chúng ta lại thử dài : Bao giờ ta mới bằng người ! Chắc là chẳng bao giờ nếu không ra tay ngay từ bây giờ !

(**Lý Sinh Sự**, Lao Động 24.3.2003)

“ *chứng cứ thu được* ” cho phép xác định ông Quế “ *phạm vào điều 80 Bộ luật Hình sự* ”.

Theo nội dung thông tin, người ta có thể hiểu rằng nhà nước VN theo dõi các công dân khi họ đang sử dụng Internet, vi phạm quyền tự do thư tín của họ. Theo những nguồn tin khác, sau khi bắt ông Quế, công an đã dẫn ông về nhà lục lọi giấy tờ, lấy đi máy tính và điện thoại cầm tay của ông. Vài hôm trước khi bị bắt, ông Quế đã gửi ra ngoài một lời kêu gọi tự do báo chí ở VN.

Thanh tra : sai phạm nhiều, kỷ luật chẳng bao nhiêu

Hội nghị thanh tra nhà nước họp cuối tháng hai vừa qua ở Hà Nội cho biết ngành thanh tra đã phát hiện trong năm 2002 nhiều hành vi sai phạm về quản lý kinh tế với số tiền lên tới 2 739 tỉ đồng, 171 500 USD và 12 512 ha đất. Riêng trong ngành tài chính, thanh tra đã phát hiện có 13/33 bộ, ngành, 46/61 tỉnh, thành chi mua ô tô vượt tiêu chuẩn, sai gần 33,8 tỉ đồng ; 31/33 bộ, ngành, 58/61 tỉnh, thành chi cước phí điện thoại công vụ sai gần 8,2 tỉ đồng. Trong ngành giáo dục, phát hiện 5562 văn bằng chứng chỉ bất hợp pháp, buộc 275 cán bộ công chức thôi việc, 1329 học sinh thôi học. Ngành thanh tra cũng phát hiện 378 vụ tham nhũng với tổng giá trị tài sản là 140 tỉ đồng, 14 ha đất, 28 tấn lương thực, 200 lượng vàng. Có mặt tại hội nghị nói trên, thủ tướng Phan Văn Khải đã nhấn mạnh đến tình hình là trước mỗi vụ việc, thanh tra nhà nước thường báo cáo “ *hết sức nghiêm trọng* ”, nhưng khi nộp kết luận lên chính phủ thì lại “ *chẳng thấy vấn đề gì, chẳng thấy kỷ luật ai* ”. Chỉ ra tình trạng bất bình thường này, ông Khải cho rằng ngành thanh tra “ *cần phải xem lại chính mình* ”.

Cùng lúc, bộ tài nguyên và môi trường công bố kết quả nửa năm tổng kiểm tra việc sử dụng đất đai tại 57 tỉnh, thành, theo đó tình trạng vi phạm pháp luật diễn ra phổ biến tại mọi địa phương ở mức độ lớn, với gần 550 nghìn trường hợp và 93 nghìn ha đất. Các vi phạm về sử dụng đất không đúng mục đích lên đến 107 nghìn trường hợp với trên 14 nghìn ha. Các vi phạm về giao đất và cho thuê đất trái thẩm quyền lên tới 193 nghìn trường hợp với trên 9 nghìn ha. Các vi phạm về lấn chiếm đất trái phép lên đến hơn 86 nghìn trường hợp với hơn 24 nghìn ha. Các vi phạm về chuyển nhượng đất trái phép lên đến 126 nghìn trường hợp với gần 24 nghìn ha. Báo cáo của bộ tài nguyên và môi trường còn cho biết “ *số vi phạm bị xử lý chiếm tỉ lệ rất thấp trong tổng số vụ việc đã phát hiện* ” : chỉ có 14 % vi phạm, với 10 % diện tích đất đai sai phạm, đã bị xử lý ; và đối với 94 % của các trường hợp đó thì đã áp dụng hình thức phạt tiền, truy thu nghĩa vụ tài chính rồi... cho hợp thức hoá. [Tuổi Trẻ 6 và 27.2.03]

Mê Thảo - thời vang bóng được giải nhất liên hoan phim Bergamo (Ý)

Sau nhiều rắc rối vì vụ diễn viên Đơn Dương, *Mê Thảo* – thời vang bóng của đạo diễn Việt Linh đã được bộ văn hoá VN cho phép đi dự Liên hoan phim châu Á lần thứ 5 ở Deauville (Pháp) – với tư cách khách mời, không dự thi –, sau đó sang dự thi ở Bergamo (Ý), cùng trong tháng 3, rồi về liên hoan phim Singapore vào cuối tháng 4.

Ra quân lần đầu ở Bergamo, *Mê Thảo – thời vang bóng* đã đoạt giải “hoa hồng vàng”, là giải nhất của liên hoan phim này. Liên hoan phim quốc tế Bergamo (Ý) là một liên hoan dành riêng cho các *phim nghệ thuật*, do Hiệp hội các câu lạc bộ xi-nê-ma châu Âu tổ chức mỗi năm một lần (năm nay là lần thứ 21). Liên hoan trao ba giải thưởng mang tên Rosa Camuna (hình hoa hồng, biểu tượng của vùng Lombardia), vàng, bạc, và đồng. Các phim được giải đều do khán giả bỏ phiếu chọn chứ không có ban giám khảo.

Trước *Mê Thảo – thời vang bóng*, một phim Việt Nam khác, *Ai xuôi vạn lý* của đạo diễn Lê Hoàng, cũng đã được giải Rosa Camuna (đồng), vào năm 1998.

Ở trong nước, cũng trong tháng ba, Hội điện ảnh VN đã trao các giải thưởng cho phim VN trong năm.

Giải nhất, Cánh diều vàng, về phim *Lười trời* (đạo diễn Phi Tiến Sơn). Các phim *Gái nhảy*, *Vua bãi rác*, *Cửa rơi* cùng được trao cánh diều bạc. Tuy nhiên, tại buổi lễ trao giải, đạo diễn Vương Đức, tác giả *Cửa rơi* đã từ chối không lên lãnh giải. Hai giải khuyến khích thuộc thể loại phim truyện nhựa là *Hà Nội 12 ngày đêm* và *Mê Thảo – thời vang bóng*. Đưa tin này, nhà báo Thu Hương của VnExpress đã tỏ ý tiếc rằng một phim được người trong nghề đánh giá cao như *Mê Thảo – thời vang bóng* lại chỉ nhận giải khuyến khích.

Gái nhảy (đạo diễn Lê Hoàng) đang là phim đạt doanh số kỷ lục của điện ảnh VN. *Vua bãi rác* từng đoạt giải tại LHP quốc tế châu Á - Thái Bình Dương.

(theo VnExpress 13, 20.3, và đại diện ĐĐ tại Ý)

Sách quý không cánh mà bay

Theo một bài phóng sự của Quốc Thanh trên báo Tuổi Trẻ (7.3), hàng nghìn cuốn sách quý của Thư viện Khoa học xã hội TP HCM đang được bày bán công khai ở nhiều hiệu bán sách cũ trong thành phố. Bài báo kể tên nhiều cuốn sách quý, như bộ tạp chí BEFEO của viện Viễn đông bác cổ, 48 quyển, bộ tạp chí Bách Khoa 400 số v.v. Theo bài báo, một cán bộ của Viện KHXH tại TP Hồ Chí Minh tiết lộ “*một số lượng rất lớn sách của thư viện đã bị mất cắp từ cuối năm 2002*”. Một số cán bộ khác cũng đều khẳng định là “*có việc mất cắp sách nhưng số lượng bao nhiêu đến nay ngay cả lãnh đạo viện cũng không ai biết*”.

Không biết sách bị mất từ lúc nào, nhưng mãi đến đầu tháng 12-2002 khi nhân viên thư viện vào kho lấy sách cho bạn đọc mượn mới phát hiện sách bị trống lỗ chỗ. Có kệ bị trống gần cả trăm cuốn. Chỉ riêng sách tiếng Việt bị mất cả nghìn cuốn, trong đó nhiều sách thuộc loại quý hiếm và có giá trị nghiên cứu. Toàn bộ sách bị mất chưa được biết chính xác.

Cũng theo Tuổi Trẻ (10.3), ngày 8/3, cơ quan chức năng thuộc bộ Công an, Công an quận 3 TP HCM và Thư viện Khoa học xã hội đã tiến hành thu hồi sách của thư viện này bị mất cắp đang bày bán ở hiệu sách 159 Điện Biên Phủ. Và trước đó, công an cũng đã thu hồi hơn 1000 cuốn sách các loại từ nhiều nơi khác nhau. Tuy nhiên, cho tới nay, chưa thấy báo chí đăng tải một tuyên bố chính thức nào của trách nhiệm thư viện cũng như của bộ văn hoá về sự ăn cắp tài sản văn hoá quốc dân ở mức nghiêm trọng như vậy.

TIN NGẮN

* Vào giữa tháng hai vừa qua, chính phủ đã quyết định **điều chỉnh giá xăng lên khoảng 6-7 %** (tăng 300 đồng/lít đối với mọi loại xăng), đồng thời giảm thuế nhập khẩu xăng từ 10 % xuống 0 %. Lãnh đạo của hai công ty xăng dầu cũng đang bị xem xét trách nhiệm trong cơn sốt xăng dầu xảy ra trước ngày chính phủ công bố quyết định nói trên.

* Chính phủ đã ban hành trong tháng hai vừa qua một nghị định tạo điều kiện cho các cặp vợ chồng vô sinh và cả phụ nữ không chồng có thể **sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản**, miễn là tuổi chưa vượt 45 và không nhờ người khác mang thai hộ. Hiện nay, có năm bệnh viện đã triển khai kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm.

* Bộ y tế cho biết sắp cho **tăng viện phí khoảng 40-50 %** ở các bệnh viện thuộc trung ương và 20-30 % ở các bệnh viện thuộc tỉnh, thành. Theo tính toán của bộ, quyết định này sẽ cho phép thu thêm mỗi năm khoảng 600-700 tỉ đồng viện phí.

* Theo cục quản lý **lao động Việt Nam ở nước ngoài**, Malaysia có thể đón tiếp khoảng 20 000 đến 25 000 lao động trong năm 2003 trong các việc làm như là nhân viên phục vụ nhà ga, sân bay, siêu thị, chăm sóc cây... Đến nay, đã có gần 30 000 người Việt Nam sang làm việc ở Malaysia.

* Tổng công ty Lương thực miền Nam cho biết, Việt Nam vừa **trúng thầu cung cấp 150.000 tấn gạo**, với giá 194,75 USD/tấn, cho Cơ quan lương thực quốc gia Philippin và sẽ giao hàng trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 7 năm nay. Năm 2003, Việt Nam dự kiến sẽ xuất khẩu khoảng 3,2 triệu tấn gạo.

* Theo một quan chức của Tổng công ty Hàng không Việt Nam, Hiệp định hàng không Việt - Mỹ có triển vọng được ký kết vào tháng 6 này, mở đường cho các chuyến bay trực tiếp nối Việt Nam và Mỹ vào tháng 7 hoặc tháng 8. Các hãng hàng không hai nước sẽ có **những chuyến bay thẳng từ Hà Nội và TP HCM đi San Francisco và ngược lại**.

* Theo công ty Du lịch Việt Nam, tin về **dịch viêm phổi lạ** ở Hà Nội đã làm công ty **mất ít nhất 300 người khách**. Phần lớn trong số đó là người Pháp, vì những khuyến cáo của chính phủ nước này. Một cuộc hội thảo quốc tế về y tế diễn ra từ 19 đến 22/3 tại Hà Nội đã bị hoãn lại do hàng loạt đại biểu từ Pháp hủy bỏ chuyến bay.

* Ngày 14.3, toà hình sự tỉnh Lai Châu, xử một vụ buôn bán ma túy trong đó 25 bị cáo đã cùng nhau buôn bán - vận chuyển trót lọt tổng cộng 250 bánh (87,50kg) heroin trong 10 năm trời, đã tuyên **6 án tử hình, 11 án chung thân**.

* Đầu tháng 3, hai phạm nhân, 23 và 24 tuổi, can án cướp của giết người, bị toà truyền án tử hình trong năm qua, đã bị hành quyết. Trong năm 2002, trong số những phạm nhân bị án tử hình, phần lớn vì tội giết người hoặc buôn bán ma túy, **31 người đã bị đưa ra hành quyết**.

* **Chương trình dời dân** sống trong vùng sẽ xây thủy điện Sơn La đã bắt đầu với việc đưa 52 người Thái trắng ở Mộc Châu tới nơi định cư mới cách nhà cũ của họ khoảng 200km. Chính quyền sẽ rút kinh nghiệm chuyến đầu tiên này trước khi tiến hành chương trình toàn bộ.

“ Vàng trắng ”

Khả Tri

Dầu lửa thường được coi như có giá trị ngang với “ vàng đen ”, nhưng nếu xem nước là “ vàng trắng ” thì chắc sẽ có nhiều người cho rằng hơi bị cường điệu. Nước ở đâu lại chả có. Nước bao phủ 2/3 diện tích thế giới, nhưng chỉ 2,5 % lượng nước này là nước ngọt. Trong tổng số 2,5 % lượng nước ngọt này chỉ 1 % xuất hiện dưới dạng sông, hồ, kênh, rạch v.v., 99 % còn lại là mạch nước ngầm, hoặc nước đóng băng. Ô nhiễm môi trường qua quá trình công nghiệp hoá và đô thị hoá, tăng trưởng dân số, lãng phí và tiêu thụ không hợp lý, là những nguyên nhân bức thiết đang đòi hỏi con người phải đánh giá lại quan hệ giữa nó và nước ngọt. Cho nên Liên Hiệp Quốc (LHQ) đã tuyên bố chọn năm 2003 là “ Năm của nước ngọt ”, để nhân loại tập trung thì giờ, công, của, đầu tư suy nghĩ về “ vàng trắng ”. Diễn đàn Kyoto trong tháng ba năm nay, là hội nghị thảo luận về chỉ tiêu mà LHQ muốn đạt được: Đến năm 2015 giảm 50 % số lượng người không đủ nước uống và các trang bị vệ sinh tối thiểu.

Với đà phát triển dân số và kinh tế của thế giới, theo đánh giá của LHQ, trong vòng 20 năm tới, khoảng 1/5 các quốc gia sẽ gặp khó khăn về nước ngọt. “ Vàng trắng ” hiện nay đã là đầu dây, mối nhợ cho các cuộc cãi vã của những quốc gia thuộc lưu vực sông Nile, đổ máu ở Nam Ấn Độ, xung đột giữa Do Thái và các nước Ả-rập láng giềng. Trong một chừng mực nào đó sông Mê Kông cũng đang là một đề tài cần được tiếp tục bàn bạc, thảo luận giữa Trung Quốc, Thái Lan, Lào, Campuchia và Việt Nam.

WHO (tổ chức Y tế thế giới) cho rằng, mỗi cá nhân cần tối thiểu 20 lít nước hàng ngày: 3 đến 5 lít để uống và nấu nướng, phần còn lại cho nhu cầu vệ sinh cơ bản. Hàng trăm triệu người sống tại Phi châu, Á châu và Châu Mỹ La tinh không có được 20 lít nước dùng hàng ngày, trong lúc tại Âu châu, lượng tiêu thụ trung bình cho mỗi đầu người trên 100 lít, tại Mỹ trên 200 lít. Theo báo cáo của WHO, khoảng 5 triệu người, đa số là trẻ em, thiệt mạng hàng năm vì những bệnh tật do dùng nước bẩn gây ra. Cũng theo đánh giá của WHO, thế giới cần khoảng 10 tỉ đô la Mỹ hàng năm để xây dựng và bảo quản các hệ thống cung cấp nước uống cũng như hệ thống cống rãnh, xử lý nước thải tối thiểu cho toàn nhân loại. 10 tỉ đô la Mỹ tương đương 10 % số tiền người trong Cộng đồng Âu Châu đổ ra hàng năm cho rượu chè, bia bọt, cũng như tương đương 50 % lượng tiền người Mỹ chi hàng năm để mua “ thực phẩm ” cho chó, mèo, chim, cá v.v. nuôi tại gia.

Để đánh giá hợp lý hơn về tình hình tiêu thụ nước ngọt của các quốc gia trên thế giới, chuyên gia của “ Hội đồng thế giới về nước ” (xem trang www.worldwatercouncil.org trên Internet) cùng 1 số các nhà khoa học người Anh đã tạo dựng nên 1 thang điểm mới (cao nhất là 100 điểm, tệ nhất là 0

điểm), dựa trên 5 tiêu chuẩn chính: tài nguyên và nguồn dự trữ nước có chất lượng, khả năng tiếp cận nước uống được, năng lực về tổ chức và bảo quản nước (không loại trừ khả năng tài chính để nhập khẩu nước), lượng nước tiêu thụ hợp lý (trên mọi địa bàn nông nghiệp, công nghiệp và từng gia đình), ảnh hưởng môi trường (chất lượng nước, lượng tiêu thụ phân bón, thuốc diệt sâu rầy, luật lệ bảo vệ môi trường sống v.v.). Trong tổng số 147 quốc gia được chấm qua thang điểm này, Phần Lan (78 điểm) đứng đầu bảng, đội sổ là Haiti và một số quốc gia Phi châu (35 điểm). Các nước có nền công nghiệp phát triển cao nằm trong nhóm điểm từ 62 - 78. Nước Mỹ bị giáng xuống xếp hạng 32 vì tiêu xài nguồn nước một cách lãng phí, ngang ngửa với Nhật (hạng 34) và Đức (hạng 35), nhưng thua xa Canada (hạng nhì), Áo (hạng 7), Anh (hạng 11), Pháp (hạng 18). Việt Nam thuộc vào nhóm điểm 48 — 56, nhóm áp chót, sánh vai với các cường quốc tầm cỡ như Trung Quốc, Ấn Độ, Pakistan v.v.

Diễn Đàn số 124 (12.2002, trang 10) đã có đăng bài “ *Tình trạng ô nhiễm môi trường nước* ” (thuyết trình của uỷ ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội Việt nam). Báo cáo này cho ta thấy một thảm trạng nói chung tại Việt Nam về vấn đề môi trường sống, cũng như vấn nạn riêng về nước. Ngoài ra theo đánh giá của UNICEF (tổ chức cứu trợ nhi đồng của Liên hiệp quốc), khoảng 2/3 hộ gia đình sống tại các khu nghèo đói không đủ nước uống có chất lượng. Bệnh đi chảy, sán lãi và các bệnh truyền nhiễm khác lan tràn là hậu quả của tình trạng này. Số trẻ em thiệt mạng tại các khu vực này cao gấp đôi so sánh với tỉ lệ bình thường. Giải quyết được những nhu cầu về vệ sinh cơ bản (nguồn nước uống, hệ thống cống rãnh, hố xí, nhà cầu v.v.) sẽ làm giảm 40 % bệnh đi chảy và ít nhất 60 % tử số của trẻ em. Vì thế UNICEF tài trợ chương trình giúp Việt nam xây dựng hệ thống cung cấp nước, nhà cầu, giáo dục kiến thức vệ sinh cơ bản. Sau đây là một vài thí dụ : 150 Euro đủ để trang trải cho việc đào 1 giếng với bơm tay cung cấp nước ngọt cho 10 gia đình. 40 Euro vốn đầu tư xây 1 hố xí, 17 Euro giá thành cho 1 thùng Tô-nô chứa nước mưa.

Khả Tri (tháng 3/2003)

Năm 2050, từ hai tới bảy tỉ người sẽ thiếu nước

Đó là những con số dự phóng, tùy theo kịch bản “ lạc quan ” hay “ bi quan ”, trong Báo cáo của Chương trình thế giới đánh giá dự trữ nước (World water assesment program - một tổ chức thuộc Liên hiệp quốc), được chuẩn bị từ ba năm nay chung với UNESCO, được công bố nhân dịp **Diễn đàn thế giới lần thứ ba về nước**, họp tại Kyoto từ 16 đến 23.3.2003. Theo một báo cáo khác, của Viện nghiên cứu quốc tế về chính sách lương thực, ngay từ năm 2025, sự thiếu nước đã có thể làm cho tổng sản lượng lương thực sút đi hàng năm khoảng 350 triệu tấn (cao hơn sản lượng ngũ cốc của Mỹ hiện nay). Những con số trên đây mới chỉ nói tới khía cạnh số lượng, chưa nói gì tới chất lượng của nguồn nước tiêu thụ. Trong rất nhiều nước châu Phi và châu Á, các vấn đề xử lý nước thải để giữ sạch môi trường, phương thức sản xuất nông nghiệp không huỷ hoại môi trường... vẫn rất nan giải, và dĩ nhiên liên quan tới tình hình kinh tế nói chung !

NAM QUAN : *ải, cửa ải và biên giới*

NGUYỄN NGỌC GIAO

Cuộc luận chiến về Hiệp định biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Trung Quốc (kí kết ngày 30.12.1999) đã gây xôn xao trong dư luận từ đầu năm 2002 sau khi cột mốc quốc giới đầu tiên được cắm tại vùng Móng Cái - Đông Hưng : lễ cắm mốc này (cuối năm 2001) cụ thể hoá một hiệp định song phương tuy đã được quốc hội Việt Nam và Trung Quốc thông qua và về nguyên tắc đã có hiệu lực từ ngày 1.7.2000, nhưng cho đến lúc ấy, vẫn chưa được công bố.

Dư luận xôn xao và phần khích vì khi những người phản kháng ở trong nước (phần đông là cán bộ và đảng viên lão thành) lên tiếng tố cáo Hiệp định, thì chính quyền đã phản ứng bằng sự im lặng và trấn áp (bắt đầu bằng việc bắt giữ nhà thơ Bùi Minh Quốc rồi quản chế ông ở Đà Lạt, sau đó quản chế ông Trần Khuê...). Chính phản ứng này mang lại “ độ đáng tin ” cho những lời tố cáo mà nội dung chính gồm hai điểm :

* Với Hiệp định 1999, Việt Nam đã mất đi 700 km² dọc theo biên giới phía bắc (ở đây, chúng tôi tạm không đề cập tới Hiệp định phân định vùng biển ở Vịnh Bắc Bộ, sẽ bàn trong một bài sau)

* Trong những vùng đất bị mất, có Hữu Nghị Quan tức là Nam Quan và thác Bản Giốc, là những địa danh gắn liền với lịch sử quốc gia và khắc sâu vào tâm khảm tập thể của dân tộc.

Khi những lá thư cảnh báo và kiến nghị phản đối từ Hà Nội truyền ra nước ngoài qua mạng internet, dấy lên làn sóng dư luận ở nước ngoài, rồi từ nước ngoài dội về nước, chính quyền mới phản ứng bằng một vài lời giải thích của thứ trưởng ngoại giao Lê Công Phụng (trả lời phỏng vấn công khai, nhưng hạn chế trên mạng internet, và theo chúng tôi biết, không được đăng lại trên báo chí quốc nội). Tuyên bố của ông Phụng có những điểm không rõ ràng, nên khi ông khẳng định dứt khoát không hề có việc nước ta mất đi 700 km² đất đai, diện tích tranh chấp chỉ thu hẹp ở mức 227 km² và “ trong 227 km² đó (...) chúng ta được khoảng trên dưới 113 km² và Trung Quốc được trên dưới 114 km² ” (trả lời phỏng vấn của mạng VASC Orient, 28.1.2002), thì sự hoài nghi của dư luận vẫn chưa được giải toả.

Cho đến đầu hè năm 2002, trong các chuyến công du ở nước ngoài, các nhà lãnh đạo chính quyền Việt Nam, khi được hỏi tại sao Nhà nước không công bố bản Hiệp định, đều trả lời theo kiểu “ các nước đều có thông lệ không nhất thiết phải công bố mọi hiệp định ”, mà không giải thích tại sao Hiệp định biên giới lại nằm trong số những văn bản “ không công bố ”. Đến tháng 8.02, báo *Nhân Dân điện tử* công bố toàn văn bản hiệp định, nhưng không có các bản đồ kèm theo. Cho đến nay, theo chỗ chúng tôi biết, không có tờ báo in nào (kể cả báo *Nhân Dân*) đã đăng văn kiện này. Tại sao báo *Nhân Dân* đưa lên mạng, khi báo chí quốc tế đặt câu hỏi, thì người phát ngôn

Bộ ngoại giao trả lời “ điều này phải hỏi Ban biên tập báo *Nhân Dân* ” (!).

Dẫu sao, việc công bố (một cách khá kì lạ) văn bản hiệp định cũng chứng tỏ nhà cầm quyền mặc nhiên thừa nhận sức mạnh của dư luận, và rõ ràng nó đã làm xẹp bớt những tiếng nói phản đối (nhất là những khẳng định vô căn cứ). Tuy nhiên, văn bản không bản đồ đính kèm chưa cho phép xác định đường biên giới đã được thoả thuận, và càng không thể so sánh nó với đường biên giới đã được định hình từ năm 1896 theo Hiệp ước Pháp Thanh. Mặt khác, sự im lặng kéo dài, rồi sự trả lời nhỏ giọt, công bố nửa kín nửa hở (không kể sự trấn áp và bỏ tù những người lên tiếng phản đối) không những làm cho dư luận vẫn hoài nghi mà còn đặt ra thêm nhiều câu hỏi :

* từ đâu, những người phản kháng đã có được thông tin theo đó Việt Nam đã “ mất hơn 700 km² đất đai ”, vì rõ ràng bản thân họ không có phương tiện để thu thập và kiểm chứng thông tin ?

* nếu từ nội bộ chính quyền, thì điều này phản ánh một cuộc tranh giành quyền bính, và nếu thế, thì thực chất và quy mô cuộc đấu đá này như thế nào ?

Với những thông tin thu thập được và dựa trên kết quả nghiên cứu của những người quan tâm cũng như của bản thân, trong một loạt bài, chúng tôi sẽ trình bày một số điểm, phần nào trả lời những câu hỏi nêu trên.

Mở đầu cho loạt bài, bài này tập trung nói về ải Nam Quan.

Ái và cửa ải

Trước tiên, cần đả thông một ngộ nhận xuất phát từ ngữ nghĩa của hai chữ : *ải* và *cửa ải*. Trong cảm nhận thông thường, có sự lẫn lộn giữa hai từ này.

Ái (từ gốc Hán, tiếng Pháp là *défilé*, tiếng Anh *defile*) có nghĩa là chỗ/dải đất hẹp nằm giữa hai dãy núi/đồi cao. Lạng Sơn có ải Chi Lăng nằm trong lãnh thổ Việt Nam, nơi Liễu Thăng đã bị chém đầu (thế kỉ 15) và đạo quân của Liễu Thăng bị nghĩa quân của Lê Lợi phục kích ở hai ngọn núi hai bên đánh tan. Cũng ở Lạng Sơn, về phía bắc, giữa Đông Đăng (đất Việt Nam) và Bằng Tường (đất Trung Quốc), có một dải đất hẹp chạy giữa hai dãy núi. ải này không có tên riêng biệt, thường được gọi bằng tên của cái cửa ải nằm ở đó : Nam Quan.

Cửa ải này, dưới các triều đại phong kiến Trung Quốc, mang nhiều tên khác nhau : Trấn Nam quan (*cửa trấn giữ phương Nam*), Đại Nam quan, Nam quan. Sau 1949, để tỏ tình hữu nghị, Mao Trạch Đông đề nghị gọi là Mục Nam quan (*hoà mục với phương Nam*), phía Việt Nam thì gọi là Hữu Nghị quan.

Ái Nam Quan như vậy là dải đất giáp ranh giữa hai nước, phần phía nam thuộc lãnh thổ Việt Nam, phần phía bắc thuộc lãnh thổ Trung Quốc. Câu nói nhập tâm “ *đất nước ta chạy dài từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau* ” vẫn giữ nguyên giá trị tinh thần và ý nghĩa địa lí nếu ta hiểu chữ ải theo đúng nghĩa của nó.

Ngược lại, nếu ta hiểu ải là *cửa ải*, hay chính xác hơn, là cái toà nhà có cổng lớn trên đó có khắc hai chữ Nam Quan (người Pháp gọi là *Porte de Chine*), thì phải nói : cái cổng ấy

chưa bao giờ thuộc về Việt Nam cả.

Về mặt ngôn ngữ, điều đó hiển nhiên : tên gọi (Trấn/Mục) Nam Quan hàm ý cái cổng (quan) đó là của Trung Quốc, nếu nó là của Việt Nam thì tên gọi của nó phải là Bắc Quan (hay Trấn Bắc Quan, Bắc Bình Quan gì đó).

Về mặt lịch sử, Lê Quý Đôn (trong *Vân đài loại ngữ*) đã chép lại bài kí *Trùng tu Trấn Nam quan* của Lý Công Phát (tuần phủ Quảng Tây, đời Ung Chính nhà Thanh) cho biết cổng này đã được Cam Nhữ Lai, án sát Quảng Tây, tu bổ năm Ất Tị 1725 (1). Theo *Đại Nam nhất thống chí*, của Quốc sử quán nhà Nguyễn, thì đối diện với Trấn Nam quan, phía Việt Nam có Ngưỡng Đức đài : “ Phía bắc cửa có Chiêu đức đài, đằng sau đài có Đình tham đường của nước Thanh, phía nam có Ngưỡng đức đài của nước ta ”, và nói rõ thêm về Ngưỡng đức đài : “ bên tả bên hữu đài có hai dãy hành lang, mỗi khi sứ bộ đến cửa quan thì dùng chỗ này làm nơi tạm nghỉ ” (2).

Theo Nguyễn Văn Siêu (trong *Phương đình địa dư chí*), năm Giáp Thân 1784 (năm Cảnh Hưng thứ 45, đời vua Lê Hiển Tông), đốc trấn Lạng Sơn là Nguyễn Trọng Đàng đã cho trùng tu Ngưỡng Đức đài (3).

Sử sách ghi Ngưỡng Đức đài ở phía nam Trấn Nam quan, nhưng không nói cách bao xa. Do đó, ta chỉ có thể nói : biên giới Việt Trung tại khu vực ải Nam Quan nằm ở phía nam cửa Nam Quan của Trung Quốc, giữa Ngưỡng Đức đài và Nam Quan, nhưng không thể xác định ở khoảng cách nào. Ngày nay trên mặt đất không còn dấu vết Ngưỡng Đức đài, song có thể nghĩ nếu đào xuống sâu sẽ tìm ra di tích. Tuy nhiên điều này thuộc về lịch sử. Đứng về mặt pháp lí, văn kiện có giá trị là Hiệp ước Pháp Thanh 1885, hay đúng hơn, một bộ phận của Hiệp định này là Công ước Constans 1887 với những bản đồ xác định biên giới giữa Bắc Kỳ và tỉnh Quảng Tây đã được hai bên thoả thuận năm 1886 (4).

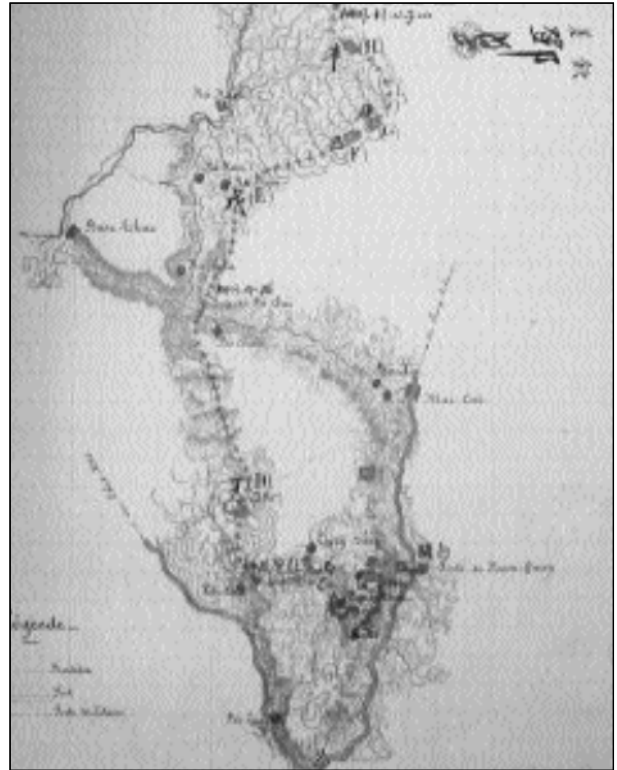
150, 200 hay 500 mét ?

Một số bài báo Việt ngữ vừa qua thường vạch rõ sự khác biệt giữa tuyên bố của Thứ trưởng Lê Công Phụng và chứng từ của bác sĩ Paul Néis. Trong bài trả lời phỏng vấn của VASC Orient nói trên, ông Lê Công Phụng nói “ chúng ta công nhận Mục Nam Quan là của Trung Quốc, cách cột mốc số 0 trên 200m. Tính cột mốc số 0 trở về phía Nam là lãnh thổ của Việt Nam. Từ cột mốc số 0 trở về phía Bắc là của Trung Quốc ”. Còn bác sĩ Paul Néis lại nói năm 1886, đường biên giới đã được quy định “ khoảng 150m ” phía nam “ Porte de Chine ” (tức là cửa ải Nam Quan). Bác sĩ Néis là một bác sĩ quân y, tham gia phái đoàn Chaffray, đã chứng kiến cuộc đàm phán hoạch định biên giới Lạng Sơn - Quảng Tây (5).

Câu nói của thứ trưởng Lê Công Phụng quả là thiếu chính xác : “ trên 200m ” là bao nhiêu ? Và so sánh với chứng từ đã công bố của bác sĩ Néis, như một số tác giả ở nước ngoài đã viết trong thời gian qua, thì lãnh thổ Việt Nam ở ải Nam Quan đã bị thụt lùi ít nhất 50m.

Tuy nhiên, chứng từ của Néis không có giá trị pháp lí. Tài liệu có giá trị pháp lí là bản đồ biên giới mang chữ kí của đại diện chính quyền Pháp và chính quyền nhà Thanh. Tại Trung tâm Văn khố Hải ngoại của Pháp (CAOM, Aix en Provence), chúng tôi đã tìm ra hai bản đồ liên quan tới biên giới Việt

Trung ở Nam Quan (phía tây và phía đông), nhưng đó chỉ là những bản sao. Cuối cùng, chúng tôi đã được phép xem và chụp bộ bản đồ chính thức còn lưu trữ tại Phòng bản đồ Bộ ngoại giao Pháp. Trên hai bản đồ (I và II) vẽ theo tỉ lệ 1/50000, đường biên giới cách cửa ải Nam Quan khoảng 1cm, nghĩa là khoảng 500m.



Bản đồ I : biên giới phía tây ải Nam Quan (Bộ ngoại giao Pháp)

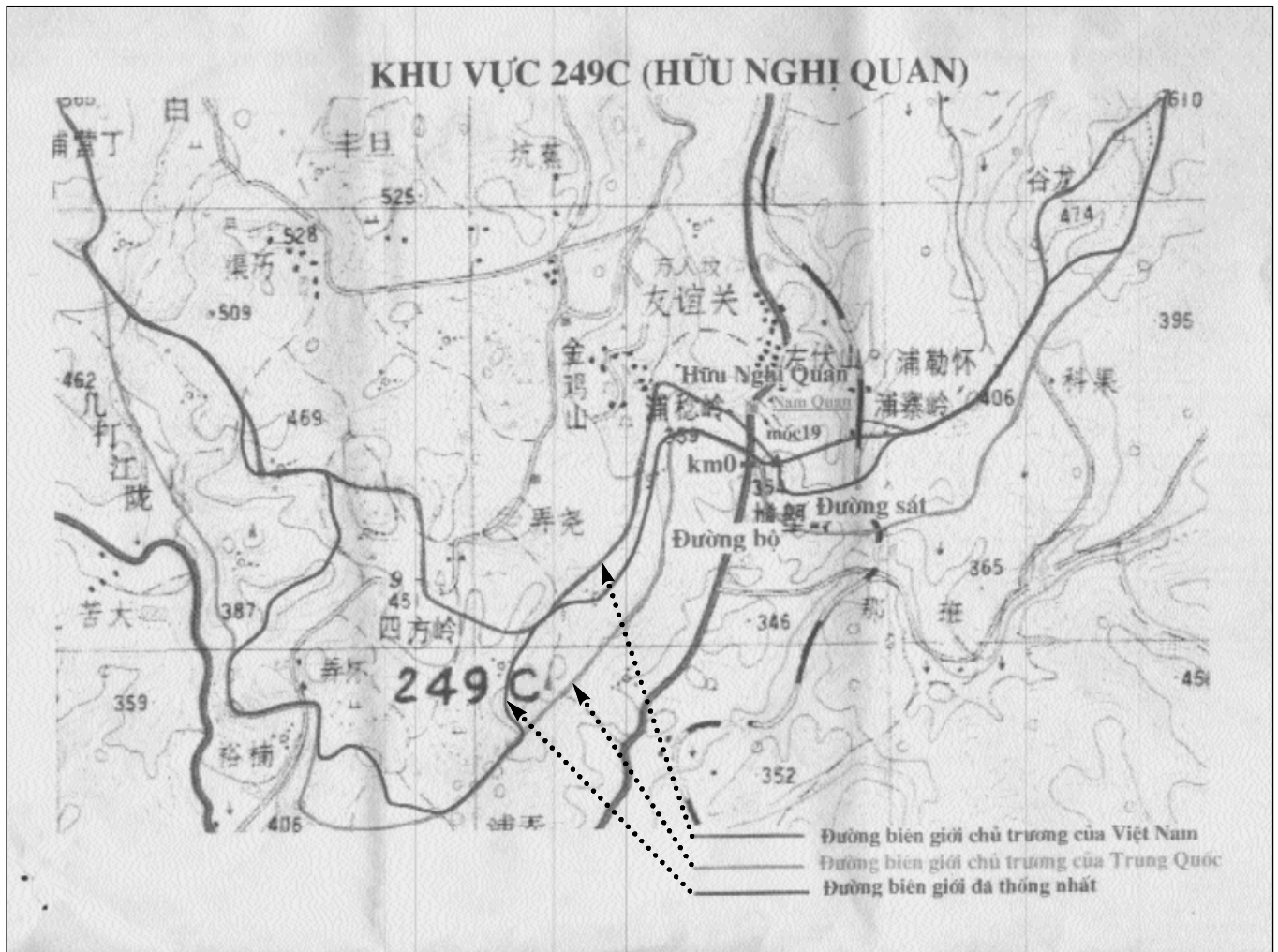


Bản đồ II : biên giới phía đông ải Nam Quan (Bộ ngoại giao Pháp)

Như vậy, chứng từ của bác sĩ Néis không phù hợp với tài liệu chính thức. Mặt khác, phải nói là các bản đồ chính thức cũng không được vẽ một cách chính xác, các điểm cao không được xác định để làm quy chiếu cho “ lưới tọa độ ”, do đó đường biên giới không được định vị một cách rõ ràng.

Tài liệu mật của Đảng Cộng sản Việt Nam

Về phía Việt Nam, như đã nói trên, vào tháng 8.02, chính quyền đã “kín đáo” công bố toàn văn bản hiệp định 1999. Các điều khoản của hiệp định đã định vị khá chính xác các cột mốc



Bản đồ III : đường biên giới ở khu vực ải Nam Quan theo Hiệp định Việt Trung 1999
(chụp lại từ tài liệu mật của Đảng cộng sản Việt Nam)

và mô tả hướng đi của các đoạn đường biên giới nối liền các cột mốc. Tuy nhiên, các cột mốc được định vị không phải bằng toạ độ, mà bằng vị trí của chúng đối với 3 điểm cao xung quanh. Do đó, trong khi chờ đợi bộ bản đồ chính thức được công bố, người ta chỉ có thể phác thảo đường biên giới nếu có bản đồ địa hình của vùng biên giới.

Riêng về khu vực ải Nam Quan (và khu vực Bản Giốc sẽ đề cập trong một bài sau), hiện nay chúng ta có thêm một số thông tin từ một tài liệu mật của Đảng cộng sản Việt Nam. Đó **THÔNG BÁO về đàm phán và ký kết Hiệp ước Biên giới trên đất liền, Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác nghề cá giữa Việt Nam và Trung Quốc** mang số 56-TB/TW của Ban chấp hành Trung ương, đề ngày 31.3.2002, mang chữ kí của ông Phan Diễn, uỷ viên Bộ chính trị và Ban bí thư. Tài liệu “MẬT” được gửi cho “các tỉnh uỷ, thành uỷ; các ban, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương; các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương; lưu Văn phòng trung ương”, trang 13 ghi rõ “Không công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng” và cấp độ phổ biến là “đến các chi bộ” (tuy nhiên theo những thông tin của chúng tôi nhận được thì nhiều chi bộ cũng không hề được thông báo).

Bản thông báo này có đính kèm bản đồ Khu vực 249C,

nghĩa là khu vực ải Nam Quan (xem hình chụp ở trên). Đoạn nói về khu vực này trong Thông báo (trang 8) viết như sau (trích toàn văn) :

“ Đối với khu vực 249C (khu vực Hữu Nghị Quan), có 2 vấn đề :

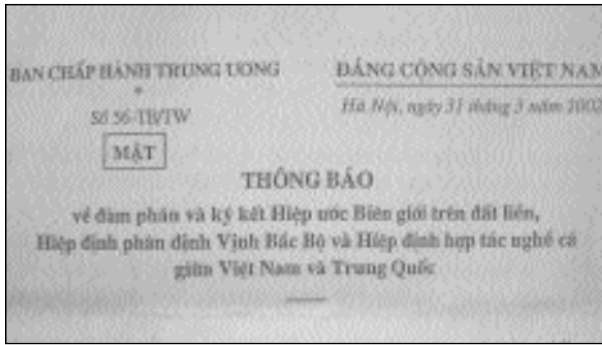
Một là, đối với đoạn đường bộ thì Hữu Nghị Quan nằm ở phía bắc cột cây số 0 (từ trước tới nay, cột cây số 0 vẫn nằm ở nơi hiện nay nó đang tồn tại) ; trong biên bản hoạch định biên giới thời Pháp-Thanh năm 1886 và Bản đồ cắm mốc năm 1894, hướng đi của đường biên giới đều không đi qua Hữu Nghị Quan mà là lùi xuống phía nam Hữu Nghị Quan. Căn cứ lời văn và bản đồ Công ước Pháp-Thanh cũng như các nguyên tắc hai bên thoả thuận trong quá trình đàm phán thì đường biên giới được xác định ở khu vực này là thoả đáng.

Hai là, đối với đoạn nối ray đường sắt thì do kết quả đàm phán đã đưa được đường biên giới lui lên phía bắc 148m, chứ không phải ở điểm nối ray như Trung Quốc đòi hỏi ”.

Dưới đây là một vài nhận xét và bình luận sơ bộ :

1. Nguyên bản ba bản đồ là hình màu. Vì lí do kĩ thuật, chúng tôi phải in đen trắng, nhưng không vẽ lại mà sao chụp để bảo đảm tính trung thực.

2. Trên bản đồ III, đường biên giới “ đã thống nhất ” (nghĩa



là đã được hai bên thoả thuận) in màu tím, trên hình đen trắng, nó đậm hơn hai đường kia : đường biên giới chủ trương của Việt Nam (màu cam), đường biên giới chủ trương của Trung Quốc (màu xanh lá cây).

3. Ngay trên bản chụp đen trắng, nhìn kĩ, có thể thấy đường biên giới thoả thuận có đoạn đi theo đường chủ trương của Việt Nam, có đoạn đi theo đường chủ trương của Trung Quốc, các đoạn ở giữa có tính chất thoả hiệp, nhân nhượng lẫn nhau (đại thể theo tỉ lệ 50-50).

4. Riêng khu vực nhỏ nằm giữa đường bộ (km0) và đường sắt (chỗ nối ray), đường chủ trương của Việt Nam dường như theo đúng hướng trên Bản đồ II (hiệp định Pháp-Thanh), còn phía Trung Quốc đòi lấy điểm nối ray làm biên giới.

(còn nữa)

NGUYỄN NGỌC GIAO

(1) Lê Quý Đôn, *Văn dài loại ngữ*, q.3, Phạm Vũ & Lê Hiền dịch và chú giải, Sài Gòn, 1973, trang 160-162 (3).

(2) Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí* : tỉnh Lạng sơn. Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Huế, Nxb Thuận Hoá, 1997), trang 384-385 (3).

(3) Theo Từ Mai, *Một số sử liệu liên quan tới biên giới Việt-Hoa*, bài phổ biến trên internet.

(4) Ở đây chưa nói tới Công ước Gérard 1895 cũng nằm trong Hiệp định Pháp Thanh, liên quan tới các đoạn biên giới khác, đặc biệt từ Hà Giang đến Lai Châu (giáp giới tỉnh Vân Nam của Trung Quốc).

(5) Docteur P. NEIS, *Sur les frontières du Tonkin*, tạp chí *Le Tour du Monde*, 1888, pp.321-416. Chứng từ này đã được Walter E. J. Trips dịch ra tiếng Anh : *The Sino-Vietnamese Border Demarcation, 1885-1887* (Bangkok : White Lotus , 1998). Bản Anh ngữ này được Sông Hồng dịch ra tiếng Việt : *Nhật ký trên biên giới Việt-Trung (1885-1887)*, Viettrade.net, 1999-2002 (POBox 59039, San José, CA 95159-0039).



Việt Nam : Cuộc hành trình của Con người, Tinh thần và Linh hồn

Đó là tên chính thức của một cuộc triển lãm vừa được khai trương ngày 15.3.2003 tại bảo tàng Lịch sử tự nhiên Hoa Kỳ (viết tắt : AMNH), thành phố New York, và sẽ kéo dài đến tháng 1.2004. Tên tiếng Anh của triển lãm là *Viet Nam : Journeys of Body, Mind and Spirit*. Bạn có thể xem thêm chi tiết tại địa chỉ mạng <http://www.amnh.org>.

Triển lãm do AMNH tổ chức chung với bảo tàng Dân tộc học Việt Nam. Phần trưng bày, khoảng 400 hiện vật và băng hình, ảnh từ VN đưa sang, được tổ chức chung quanh một số chủ đề chính : Những cuộc hành trình của thời gian – chào mừng năm mới ; Cuộc hành trình của con người và hàng hóa – một bài thơ về xe đạp (được kể bằng hiện vật gốm Bát Tràng) ; Cuộc hành trình vào rừng – đi săn thú và tìm thuốc (gắn với các nghi lễ của cư dân miền núi) ; Những cuộc hành trình tưởng tượng, của linh hồn và tinh thần...

Triển lãm ở AMNH còn được bổ trợ đều đặn bởi những buổi thuyết trình về dân tộc học, trình diễn múa rối nước, triển lãm tranh khắc gỗ dân gian, triển lãm mỹ thuật v.v.

Sau New York, dự kiến triển lãm sẽ đi một vòng Hoa Kỳ, tới Texas, California, Colorado... Ngoài ra, các bảo tàng Singapore và Australia cũng đang thăm dò để đưa triển lãm về. Nhưng chắc chắn, theo ông Huy, năm 2005, *Việt Nam - Cuộc hành trình của Con người, Tinh thần và Linh hồn* sẽ quay trở về Việt Nam để khép lại chuyến “chu du vòng quanh thế giới” và để chính công chúng Việt Nam chứng kiến sự hiện diện của hình ảnh thu nhỏ nhịp sống mỗi ngày của họ.

Ngoài ra, từ ngày 4.3, các họa sĩ Trần Lương, Nguyễn Minh Phước, Đinh Gia Lê, Nguyễn Lê Vũ, Kim Ngọc đã có mặt tại Trung tâm Nghệ thuật New York, bắt đầu chuẩn bị cho cuộc triển lãm Vietnam Now trong khuôn khổ của *Liên hoan Văn hoá VN tại Mỹ*, kéo dài đến tháng 4/2003.

Đá banh trên đảo Trường Sa

Philippin và Việt Nam dự định sẽ tổ chức những cuộc đấu thể thao trên quần đảo Trường Sa, giữa quân nhân hai nước đang đóng ở quần đảo này. Ngoại trưởng Philippin Blas Ople và ngoại trưởng Việt Nam Nguyễn Dy Niên đã công bố quyết định nói trên trong một buổi họp báo chung tại Manila ngày 28.2 vừa qua, sau ba ngày họp của Uỷ ban hỗn hợp vì hợp tác song phương Phi-Việt. Theo ngoại trưởng Ople, các cuộc thi đấu này sẽ được mở rộng cho các nước tham gia tranh chấp chủ quyền trên quần đảo này, nếu họ muốn. Theo ông, đây là một biện pháp để xây dựng lòng tin cậy lẫn nhau.

Trong cuộc họp của Uỷ ban hỗn hợp, hai nước đã thoả thuận sẽ tăng cường hợp tác trên các địa hạt quốc phòng, thương mại, du lịch, nông nghiệp, cũng như trong sự giao lưu giữa công dân hai nước... Hai nước cũng sẽ tăng cường hợp tác trong lĩnh vực đấu tranh chống khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia, chống hải tặc...

(Japan Economic Newswire và Tân Hoa xã 28.2.2003)

Môi sinh và phát triển

Lời toà soạn :

Trên mạng lưới của toà soạn Diễn Đàn và các cộng tác viên thường có những cuộc thảo luận đột phát ; nhiều chủ đề hứng thú và bổ ích. Những người viết điện thư không có ý định gửi để đăng báo, có lẽ vì thế mà lại vui vẻ tự nhiên hơn chẳng. Được các “khổ chủ” đồng ý, chúng tôi mạn phép biên tập lại chút ít những bức điện thư này, để chia sẻ với các bạn đọc. Trong những số sau chúng tôi có thể sẽ trở lại với những chủ đề khác không kém hấp dẫn. Tên sẽ được viết tắt, vì tuy đây là những nhận xét nghiêm chỉnh của một số nhà khoa học nhưng chắc chưa thể công khai mang chữ ký chính thức của họ dưới hình thức này. Vậy xin bạn đọc coi đây là những gợi ý, và nếu có thông tin hay có hứng tham gia thảo luận xin gửi về Diễn Đàn. Cuộc trao đổi này đã diễn ra trong ba ngày 12-13-14 tháng 3.2003, trên mạng thì khi chưa gặp mặt nhau, ai cũng là “bác” cả.

... nhớ lại lần đi Hoà Bình tháng 11 vừa rồi. Người dân thiếu số (đa số là Mường) của những xã mà nhóm em đến thăm đều là những người ngày xưa ở gần tỉnh Hòa Bình rồi phải dời vào gần núi hơn khi chính phủ bắt đầu đề án ngăn lụt ở sông Đà. Họ phải tự khai khẩn đất hoang để làm nương và trồng trọt lấy, đời sống của họ rất vất vả, thiếu dinh dưỡng, và hầu như không có được chính phủ trợ giúp gì về vấn đề y tế cả, có chăng chỉ là thuốc trụ sinh cho tất cả mọi thứ bệnh. Người lớn, con nít khai bệnh em hỏi uống thuốc gì thì ai cũng trả lời là ampi (lúc đầu em cứ ngỡ ra vì không biết ampi là gì, hỏi ra mới biết là ampiciline :-))

L.

Bác L.

Theo một nghiên cứu ở một tỉnh ở VN, khoảng 90% trẻ con & người lớn bị cảm, cúm, ho, này nọ đều dùng trụ sinh ! Trong số dùng trụ sinh này, 74% là ampicillin, 12% penicillin, 11% amoxicillin, 5% erythromycin, 4% tetracycline và 2% streptomycin. Bà con chỉ cần ra chợ mua là có ngay, chả cần hỏi han bác sĩ gì cả.

Mà hỏi bác sĩ không chừng họ cũng cho trụ sinh luôn. ở Sydney, theo một điều tra chưa công bố, 70% trẻ em người Việt lại thăm bác sĩ với cảm cúm, ho đều được cho trụ sinh.

V.T.

Bác V.T.

Bác có thể cho biết hậu quả của việc thường xuyên dùng trụ sinh ? Theo chỗ tôi biết thì hình như người VN mình có thói quen dùng trụ sinh cũng như dùng mì chính trong nấu nướng. Không phải ở các tỉnh nhỏ mà ngay tại Saigon, trẻ con trong nhà sổ mũi hoặc ho khoảng 2, 3 ngày mà chưa hết, bố mẹ cho uống trụ sinh ngay ... và hiệu quả gần như “ tức thì”, nghĩa là sáng hôm sau bệnh thuyên giảm hẳn ...

Từ ngày mở cửa kinh tế đến nay, Tp Saigon phình ra đáng ngại, tình trạng ô nhiễm môi trường, nhất là không khí trong thành phố tương chừng như không thể nào chịu đựng được, bệnh viêm cuống họng phổ biến, và cách trị duy nhất hầu như chỉ là nuốt ba thứcilin, ...mycin ?

Song song với nạn ô nhiễm không khí là ô nhiễm nguồn nước, theo Kinh Tế Thời báo thì cả thành phố SG khoảng 7, 8 triệu dân mà vẫn chưa có 1 bồn lọc nước thải nào, tất cả nước thải (kể cả nước thải công nghệ) đều được thoát mách chảy vào sông SG, sông Đồng Nai và các con kênh trong thành phố ...

Một trái bom “B” cũng đang đe dọa dân ta là nạn đốt rác khắp nơi và nạn xài “Pin” rồi quẳng vô tội vạ vào thùng rác ... Anh thử tưởng tượng, mỗi tháng cả nước ta xài bao nhiêu tấn Pin các loại, từ vài chục năm nay (nhất là từ khi thị trường bung ra), pin từ TQ tràn qua ô ạt, số lượng thủy ngân và kim loại nặng nằm trong lòng đất hoặc do nước mưa phân tán ra thấm vào lòng đất, vào nước nguồn, cuốn vào các sông rạch ... Tôi cho đây là 1 thảm hoạ không lường được ...

Thế mà nhà nước ta hình như vẫn chưa ý thức gì nhiều về các vấn đề này, tôi nghĩ ban đầu thì do trình độ nhận thức thấp nên làm ngơ và dần dần thành ra bất lực .. Và tôi cũng không rõ số tiền hàng nhiều tỉ đô la hàng năm từ các nguồn xuất khẩu dầu hoả, cà-phê, gạo, cao su ... và khoảng 2 tỉ US\$ kiểu hối ... chạy đi đâu mà chẳng thấy tiêu dùng cho những việc như thế ?

C.

Bác C.

Không phải chỉ có người Việt trong nước mới hay lạm dụng trụ sinh để chữa bách bệnh cảm cúm. Những vi trùng đề kháng được ampiciline đã xuất hiện từ hàng chục năm nay, bắt đầu từ Espagne. Nước này hồi đó cũng chỉ dùng ampiciline theo kiểu ấy... hiện tượng này đã được giới y khoa nhắc tới nhiều, xin miễn bàn. VN trong tương lai sẽ gặp trở ngại đó.

Q.

Bác C.

Đúng như bác nói, tình trạng ô nhiễm không khí ở Tp HCM rất nghiêm trọng.

Các khí NO₂, NO, SO₂ đều rất cao, nhưng trầm trọng nhất là bụi, nguy hại đến sức khoẻ vì chúng vào phổi ; loại bụi cực nhỏ (dưới 2,5 micro mét) còn vào hệ thống lưu thông trong cơ thể. Ngân hàng Á Châu (ADB) đã tài trợ nhiều nghiên cứu về vấn đề ô nhiễm và quản lý trong các năm gần đây, và đã lập hàng năm các hội thảo chuyên gia nhiều ngành trong vùng. Theo một nghiên cứu gần đây thì ô nhiễm ở Thailand hàng năm thiệt hại về sức khoẻ, kinh tế, lao động... là hơn 1 tỷ USD.

Trong các thành phố bị ô nhiễm thì dẫn đầu thế giới là Mexico, Bangkok, Jakarta theo thứ tự trên. Ở Tp HCM, ô nhiễm chủ yếu là từ xe cộ, nhất là xe gắn máy. Mấy năm nay lượng xe gắn máy tăng vọt rất nhiều, kẹt xe ùn tắc thường ngày. Số xe theo thống kê :

Năm	Vietnam	Thailand	Indonesia
2000	6,478,954	13,816,560	13,461,936
2001	8,395,835	15,236,081
2002	10,273,000

Việt Nam “bất gần kịp” Thailand và Indonesia !

Tp HCM đã có nhiều biện pháp để giảm ô nhiễm nhưng

không thấm vào đâu với số lượng xe quá lớn ... Thật ra các kỹ nghệ đã phải trang bị lọc nước (waste water treatment) trong các năm gần đây. Sở Khoa học kỹ thuật và môi trường ở Tp đã quản lý vấn đề này nhưng không kham nổi vì có rất nhiều vi phạm nhất là ở Thủ Đức (xuống sông Đồng Nai), nội thành (kênh Tham Lương, Tàu Hủ). Vừa rồi ở Thanh Đa, các hồ ao nuôi cá bị ô nhiễm chết hàng loạt. Ô nhiễm ở nước ngầm từ chất thải và bãi rác (ở Hóc Môn) rất nặng. Vấn đề xử lý rác là vấn đề đau đầu ở Tp HCM. Ô nhiễm nước ngầm đã xảy ra. Còn về chì, cadmium, thủy ngân từ "pin" thì tôi chưa biết có số liệu. Đã có dự án buộc các kỹ nghệ ở nội thành phải dời ra ngoại thành, nhưng thực hiện có nhiều khúc mắc.

Nhà nước ta thật ra đã biết nhiều về vấn đề này. Trình độ họ không thấp đâu, nhưng dân nói chung thì ý thức còn ít. Vấn đề là ngân sách không nhiều cho môi trường và tiền trung ương thì không bao giờ xuống nhiều địa phương. Ngân sách của sở khoa học công nghệ và môi trường ở tp HCM hoàn toàn là do ủy ban nhân dân Tp tài trợ. Mấy năm nay vì kinh tế khá nên quỹ ở Tp khá dồi dào.

Các đề án lớn (như thiết lập các trạm đo) là đa số từ viện trợ nước ngoài, như Danida của Đan Mạch, ADA Nhật. Hoặc khai thông kênh Nhiêu Lộc là quỹ vay của World Bank..

H.

Bác C. và các bác,

... Nói cho cùng, việc cho trụ sinh là một thói quen và do bệnh nhân. Thử tưởng tượng xem : người bị bệnh, ai chả muốn hết ngay – bằng mọi cách và ngay ngày hôm nay – chắc chắn không phải là ngày mai. Đứng trước tình trạng đó, có bác sĩ nào dám nói “Anh về uống nước cho nhiều và nằm nghỉ đi, dùng thuốc men gì cả”, và mọi lý giải khoa học khoa hiếc đều vô nghĩa. Thành ra, bác sĩ cũng chịu áp lực của người bệnh mà làm theo. Không làm theo là coi chừng mất khách như bốn! Do đó, tôi không ngạc nhiên khi thấy cái survey ở Úc cho thấy bác sĩ mình cho nhiều trụ sinh hơn là cần thiết.

Nói chuyện lớn hơn : Những vấn đề môi sinh mà bác nêu ra đều đúng cả. Không những trong trường hợp VN mà còn là vấn đề nổi cộm trong các nước đang phát triển. Nhưng tôi nghĩ đó là cái giá của phát triển mà VN phải trả. Đọc đến đây tôi biết có bác chắc đã nóng mặt và cho rằng tôi sắp biện hộ cho việc tàn phá môi sinh. Không phải. Tôi muốn nói rằng một trong những lý do mà bà con mình đang làm ô nhiễm môi trường hiện nay là chỉ nhằm vào mục đích tự nuôi sống mình. Dân số càng ngày càng tăng. Phải tìm cách nuôi thêm những miệng ăn mới chứ. Trong khi chính phủ, nhà nước không/chưa lo thì tôi phải lo cho chính tôi chứ. Các nước đã phát triển hồi đó cũng vậy. Các nước đang phát triển ngày nay cũng thế.

Đó là nhìn gần tại VN. Nhưng nhìn xa hơn thì những ô nhiễm mà VN gây ra chả thấm vào đâu so với các nước mình đang sống. Có thể nhìn và hiểu vấn đề như vậy : dân số trong các nước đã phát triển chỉ chiếm 20% dân số thế giới, nhưng họ lại tiêu thụ 80% tài nguyên thế giới và sản xuất 80% ô nhiễm trên thế giới. Một người Mĩ trung bình “cống hiến” vào hiệu ứng nhà kính cao gấp 8 lần so với người Trung Quốc, và 20 lần so với người Ấn Độ. Trong tương lai, 9 trong 10 trẻ em sinh ra sẽ ở các nước đang phát triển, nhưng 9 trẻ em đó vẫn tiêu thụ không bằng một phần ba tài nguyên thế giới mà một em bé ở các nước đã phát triển tiêu thụ. Tiêu thụ quá mức, do

đó, là một vấn đề lớn, lớn hơn cả chính sách môi sinh của các nước đã phát triển. Thành ra, vấn đề không phải là các nước đang phát triển phải bảo vệ môi sinh mà là các nước đã phát triển phải giảm tiêu thụ.

Ở VN, vấn đề là ý thức. Đúng, tôi cũng nghĩ như thế. Nhưng lấp lánh đằng sau cái giả định này là một sự ngạo mạn : “các anh trong nước đốt quá, không biết hại lợi gì cả.” Nó cũng là cái giả định mà giới cầm cán cân kế hoạch sinh đẻ trong các nước Tây phương từng phát biểu. Theo họ, các nước nghèo sinh con đẻ cái nhiều quá vì họ thất học. Có thực sự như thế không ? Tôi ngờ lắm. Chắc không phải thất học hay vô ý thức, mà là một lý do sâu xa khác. Khi nào sẽ tán thêm vụ này.

Nói gì thì nói, tôi nghĩ cái phương pháp phòng ngừa hay nhất là một nền kinh tế thịnh vượng và xã hội an toàn.

V.T.

Bác V.T. và cả làng!

Bác V.T. bảo : “*Đọc đến đây tôi biết có bác chắc đã nóng mặt và cho rằng tôi sắp biện hộ cho việc tàn phá môi sinh (...)* Nhưng lấp lánh đằng sau cái giả định này là một sự ngạo mạn: các anh trong nước đốt quá, không biết hại lợi gì cả”.

Tôi cũng hơi bị .. ám mặt một tý ! Ha Ha !

Thế nhưng tôi rất đồng cảm với bác V.T. về sự “ngạo mạn” của các ông “Tây” khi nhìn về vấn đề các nước đang phát triển. “Tây” ở đây kể luôn các ông tây an nam mít trong đó có.. chính tôi và (không hiểu có suy bụng ta ra bụng người không?) ít nhiều trong môi chúng ta.

Cứ lấy “chính tôi” để suy ra thì biết.

Để tôi kể các bác vài ấn tượng khi về thăm nhà lần rồi.

1/ Nhà ông anh tôi ở ngay phố Huế Hà Nội, tôi không chịu nổi chật chội nên mượn phòng khách sạn cách đó khoảng 100 thước. Có lần ngồi nhà ông anh ăn tiết canh, chỉ sau 30 phút là cái bụng mình nó sôi sùng sục. Toa lét cách đó chỉ 2 thước nhưng tôi giả vờ nói “để em đi mua thuốc lá” và vội vã tắt tả.. ôm bụng lê trên quãng đường 100 thước mà về khách sạn! May mà còn .. kịp!

Sau tôi vào Toa-Lét của nhà ông anh để “kiểm tra” thì thấy quả có “tiền bộ” so với dăm năm trước đây. Cũng có bàn chải để chùi, cũng có thuốc tẩy tử tế chứ nào có “man rợ”. Thế nhưng vẫn cứ... ôi chao! Bẩn ơi là bẩn!

Dĩ nhiên đối với ông anh tôi thì thế là “còn sạch chán”! Rõ ràng là có một khoảng cách về “ý thức”! Tôi thấy “kinh khủng”, anh tôi thấy là “có chết ai đâu”! Suy nghĩ lại tôi lại tự hỏi, giá mình về Hà Nội sống trong phố cổ chật chội là thế thì liệu mình có sạch nổi không?

2/ Nhà anh tôi có 4 người, ở trong không gian khoảng 30 thước vuông. Phòng khách đủ để một cái sofa và.. 4 cái Hồng Đa! Với số lượng Hồng Đa như thế thì làm thế nào mà thở cho nổi! Thế nhưng không có xe thì làm sao cả nhà đi làm việc ? Xe buýt ư ? Mè Tró ư ? Quy hoạch lại thành phố ư ? Nói thì dễ ... nhưng trong lúc chờ đợi, chắc phải vừa thở vừa.. bịt mũi!

Mới đây, ông Nguyễn Tấn Dũng đề nghị giải pháp là xe số chẵn được chạy ngày chẵn, số lẻ ngày lẻ, để giảm bớt lượng xe lưu thông. Kết quả là dân thành phố... chửi um lên !

3/ Về tới Hà Nội một ngày là tôi đi thăm chùa Thầy ở Hà Tây vì nghe rằng ở đó có “lễ hội” vui lắm. Chao ơi! Thật nhếch

nhác! Chùa Thầy có một gian Thủy đình nằm giữa hồ, nhìn trong ảnh đẹp là thế mà nhìn “Life” thì quả là kinh khủng. Hồ nổi lều bều những chai, những lọ, bao ni lông etc .. Chùa là chốn trang nghiêm mà đường vào chùa thì nào là .. hột vịt lộn, “com, phở”, “đặc sản”... không hiểu có thịt chó không! Ngao ngán cho cái cảnh “mất văn hóa”, “thiếu ý thức” này quá!

Thế nhưng ngồi nói chuyện với những bà bán vịt lộn thì tôi phân vân tự hỏi, nếu mình cũng nghèo như họ thì liệu mình có khỏi nhân cơ hội “lễ hội” mà kiếm chút “đồng ra đồng vào” hay không? Nếu mình được cử làm... chủ tịch huyện thì mình có “cắm” nổi bà con không bán... thịt chó hay không?

4/ Tuy nhiên không phải ở VN chỗ nào cũng... bần! Thất vọng về “Chùa Thầy” hôm sau tôi đi Bắc Ninh thăm chùa “Phật Tích”. Thật đáng ngạc nhiên về thành phố Bắc Ninh. Khu thành phố mới của BN nom rất hiện đại mà không “nhà quê” theo kiểu “Em ơi! Hà Nội chớp”. Chùa Phật Tích nằm trên núi. Leo lên đỉnh nhìn xuống thấy ruộng đồng xanh mát, đầu vào đó chứ không nhếch nhác, “nhôm nhoam” (tiếng lóng mới ở Hà Nội) như bên Hà Tây.

Có một sự cách biệt khá lớn giữa Hà Tây và Bắc Ninh. Sang chùa Thầy ta có thể đi con đường xa lộ Hà Nội- Hòa Lạc. Vùng này nghe nói là được quy hoạch thành “Silicon Valley” của Hà Nội. “Silicon” chưa thấy đâu, chỉ thấy là một sự trộn lộn Hiện Đại và .. Trung cổ. Đường thì tốt, chạy êm nhưng cứ phải tránh các con trâu đi lững thững. Không phải là “tay lái lùa” thì ta sẽ cán chết khoảng.. chục người trong vòng 10 km!

Đường đi Bắc Ninh trái lại thì rất quy củ. Cách dăm cây số lại có “cầu vượt” tử tế. Chạy mãi mà chẳng chẹt chết con trâu nào! Hỏi ra thì biết là “xếp” Bắc Ninh đến từ bộ xây dựng. Người ta khen “tay này còn lên!”. Cũng mong thế!

5/ Sau “Phật Tích” là Hạ Long. Tôi rất có ấn tượng về tỉnh Quảng Ninh. Ở vùng Yên Tử họ làm rất có quy củ. Hàng quán được tách riêng ra, không làm mất cảnh quan. Thành phố Hạ Long cũng rất sạch sẽ. Có thùng chứa rác tử tế. Bến tàu cũng có.. Toa Lét! Lạ nhỉ! Chuyện khó tin nhưng có thật! Lại còn có vài bà ngồi thu tiền và lo quét dọn. Ở các hang động như động “sừng sốt” v.v. người ta cũng giữ sạch sẽ, quy củ hơn các nơi khác rất nhiều. Đại khái không sạch như ở Đức, Thụy Sĩ nhưng không bần hơn ở .. Paris (xin lỗi các bác, các mẹ Pari-diêng nhé).

Tôi mượn thuyền đi chơi vịnh, cùng đi có một con em sống bên Đức. Chúng tôi mang theo mía để ăn dọc đường. Con em tôi ngồi ngắm cảnh đẹp thiên nhiên, nhai mía rồi.. thuận tay vất bã xuống vịnh đánh vèo, Tôi mắng nó, nó bảo : “*Ôi dào! ở đây ai mà chả vất thế! Anh thật rách việc!*”. Quả thật! Trên vịnh nổi lênh bênh những mảnh gỗ, những chai ni lông v.v. Ngắm lại tôi thấy cái “ý thức” con người thật khó đối. Em tôi không bao giờ làm như thế ở bên Đức.

6/ Đảo Tuần Châu xây dựng cũng khá. Các tiệm ăn, cà phê... được xây dựng theo lối “giả cổ”. Đi ngoài đường không thấy vì nó nằm nấp sau rừng thông, khá hài hòa đối với thiên nhiên.

7/ Trở về Mỹ, đọc tờ San Jose Mercury News thì lại thấy một mặt khác, vấn đề khác của Phát Triển & Thiên nhiên. Báo này đăng bài về bà Stenke, một người (Đức) bảo vệ thiên nhiên, đến sống giữa rừng Cát Bà để bảo vệ loài khỉ Langur. Giống này chỉ có duy nhất ở đảo Cát Bà. Cách đây 40 năm có

khoảng 2500 con. Nay còn cỡ ... 60 con! Số còn lại đã bị... nhậu. Bị bắn làm cao khi, rọu khi. Nhiều người tin đó là... Viagra! Kiểm lâm cũng bất lực. Mới đây có tay kiểm lâm bị thợ săn khỉ đánh gãy răng! Bà Stenke cùng một ông cựu thợ săn đi lũng trong rừng, thấy chòi thợ săn thì phá tan và đốt đi. Cứ như trò hú tim!

Bài báo khá thú vị. Họ viết rằng chủ tịch UBND Cát Bà kể một cách đầy “hãnh diện” rằng nay trên đảo đã có 25 khách sạn mọc lên và đời sống dân Cát Bà ngày càng được cải thiện. Tay chủ tịch phàn nàn rằng bà Stenke chỉ muốn ngừng “phát triển”, tốt nhất là đừng xây tiếp khách sạn nữa!

Ở câu chuyện này tôi thấy đồng ý với bác Tuấn về *cái giá phải trả* ! Đứng trên quan điểm *bảo vệ thiên nhiên, môi trường*, quan điểm *xanh* thì rõ ràng thật là *ngu xuẩn* khi xây tiếp khách sạn. Du khách càng nhiều thì khỉ càng bị nhậu! Làm sao cản nổi? Đứng trên quan điểm *xóa đói giảm nghèo*, nguyện vọng của những người dân Cát Bà thì xây dựng thêm khách sạn lại là đúng!

Ta chọn đường nào?

8/ Nói thế chứ, theo chỗ tôi nhận xét thì người Việt càng ngày càng có *ý thức* hơn về môi sinh. Đi đến đâu cũng thấy *khu du lịch sinh thái*. Chứ *Sinh thái* thành *thời thượng*, đúng *mode*. Lẽ tự nhiên có rất nhiều *sinh thái* dỏm ! Nhưng qua đây cũng thấy là *ý thức* con người đang thay đổi, tiến bộ dần, chứ chẳng phải.. suốt đời ở bần!

Phú quý sinh lễ nghĩa. Không chừng không lâu nữa sẽ xuất hiện “hội bảo vệ súc vật” Việt Nam. Chắc cũng cần thời gian. Còn hiện nay đối với đa số, có lẽ súc vật là để.. nhậu! Nhưng làm sao đây? Có thể dẹp hết các quán thịt rừng hay không? (công an cũng nhậu, làm sao dẹp!)

Bác V.T. bảo : “*Nhưng lấp lánh đằng sau cái giả định này là một sự ngạo mạn* : các anh trong nước dốt quá, không biết hại lợi gì cả”.

Cái này thì tôi cũng cùng một nỗi dị ứng với bác V.T.! Chắc các bác ở Âu Châu đỡ dị ứng hơn là dân ở Mỹ/Úc. Hàng ngày đọc báo nghe đài thấy ở VN chỉ toàn một lũ “CSVN” ăn hại đái nát, ngu xuẩn, đụng đầu hư dấy, thấy gì cũng ăn cắp ráo rạo. Bán nước, bán rừng, mang nhậu nhẹt sạch trơn! Đàng nào thì cũng một lũ ngu, từ trên xuống dưới. Cá Ba Sa đây thuốc DDT, ăn vào giun sán đầy bụng! Hepatitis A, B, C ! Bánh phở ngâm phọc môn. Cả nước không còn một con chim (như có nhà chính chị nhón đã phán).

Chẳng phải chỉ trên những tờ lá cải cực đoan, mà trên các tờ “trí thức” hơn như cũng một cung cách ngạo mạn như thế. Tôi còn nhớ cách đây khoảng 6 tháng đọc bài viết của một nhà thơ làm kinh tế, ông thầy của tôi thời học Chu Văn An, chê CSVN nhập nhiều xe gắn máy. Thành phố bé tẻo teo mà nhập nhiều thế ai thờ cho nổi?

OK ! Có lý thật!

Mấy tháng sau CSVN tìm cách tăng thuế xe gắn máy để hạn chế, thì lại chê là : đúng một lũ dốt! Không hiểu thế nào là “thị trường tự do” cả! Cứ để cho mấy anh dốt nát này làm kinh tế thì người ngoại quốc chạy hết ráo!

Thật là quá mẹ chồng!

L.T.



Nhớ lại

ĐÀO XUÂN QUÝ

LTS. Diễn Đàn đăng dưới đây những đoạn hồi ký của nhà thơ Đào Xuân Quý, trích từ tập hồi ký văn học **NHỚ LẠI**, Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin, 2002, 358 trang. Tập sách này in xong vào tháng 7, vừa phát hành được ít tuần thì có “lệnh miện” thu hồi, một hình thức cấm đoán không dám thú nhận.

Bài này gồm hai phần : phần I kể lại vụ “đề dẫn” năm 1979, phần II kể lại Đại hội Hội nhà văn năm 1989.

Cuối năm 1978, ở Hội Nhà văn Việt Nam có một sự chuyển biến quan trọng về mặt tổ chức. Đảng đoàn Hội Nhà văn được thành lập với Nguyên Ngọc là nhà văn vừa ở chiến trường liên khu V ra, làm Bí thư Đảng đoàn. Các thành viên khác, ngoài Chế Lan Viên và Nguyễn Đình Thi, hầu hết là những nhà văn trẻ ở các chiến trường về, hoặc ở bên quân đội sang. Hàng chục năm nay, chúng tôi đã chán ngấy cái lối sống, làm việc của những người lãnh đạo chủ chốt của Hội Nhà văn rồi, nên mặc dầu chưa biết rồi đây nó sẽ làm ăn ra sao, chúng tôi cũng rất vui mừng chào đón cái tổ chức mới này. Ban Văn hoá, Văn nghệ Trung ương, đặc biệt là anh Trần Độ, trưởng ban, và anh Nguyễn Văn Hạnh, vốn là một nhà phê bình văn học, phó ban, thì hết sức ủng hộ và tìm cách tạo điều kiện cho Đảng đoàn làm việc được thuận lợi. Nhưng suốt buổi họp mặt hội viên ở quanh Hà Nội để giới thiệu Đảng đoàn, Nguyễn Đình Thi chỉ nói : “ Xin giới thiệu anh Nguyên Ngọc là bí thư Đảng đoàn. Từ nay anh Nguyên Ngọc là thủ trưởng ”.

Giọng nói lúc đó sao buồn thế !

Công việc đầu tiên của Đảng đoàn là tổ chức một chuyến đi nghiên cứu khá dài – có cả anh Trần Độ và anh Nguyễn Văn Hạnh cùng đi – về các vấn đề lí luận và kinh nghiệm lãnh đạo văn học nghệ thuật ở Liên Xô. Sau khi trở về nước, Đảng đoàn triệu tập một cuộc họp tất cả các đảng viên Hội Nhà văn Việt Nam – thường gọi tắt là “ Hội nghị đảng viên ” để bàn về cách vận dụng những điều đã thu hoạch được vào trong hoàn cảnh của chúng ta. Cuộc họp được tiến hành ở hội trường Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam vào những ngày 11, 12, 13 tháng 6 năm 1979. Nguyên Ngọc chủ trì cuộc họp và đọc bản đề dẫn ⁽¹⁾ về một số vấn đề lí luận cần thiết cho việc lãnh đạo phong trào sáng tác văn học, và đưa ra mấy yêu cầu cụ thể : chúng ta cần phải cố gắng nâng cao chất lượng tác phẩm của chúng ta, phải phấn đấu để có được những tác phẩm lớn, xứng đáng với thời đại của chúng ta.

Mấy hôm trước khi cuộc họp bắt đầu, đã có người chạy lên kêu ca với Tố Hữu – lúc bấy giờ là uỷ viên Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng, Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng – là bây giờ, chúng nó lấy trẻ đánh già ! Mặc dầu vậy, không khí suốt buổi họp đầu tiên rất sôi nổi, và hầu hết các đại biểu

đều đồng tình và ủng hộ bản đề dẫn. Vũ Đức Phúc vừa mới hé ra một vài luận điệu xuyên tạc đã bị Chế Lan Viên đập ngay tại chỗ, và đã được hội nghị hoàn toàn tán thưởng. Tán thưởng vì ghét Vũ Đức Phúc, chứ thực ra Chế Lan Viên cũng có những chỗ quá khích, có những câu không nên nói, hoặc không cần nói. Tham luận của Nguyễn Đình Thi bộc lộ tâm trạng của một con người có nhiều uẩn khúc, “ làm một trí thức cộng sản khó lắm ! ” vừa như muốn bào chữa, thanh minh cho mình, kêu than, oán trách với Đảng, vừa như muốn răn đe những người mới lên thay mình. Nhưng tình hình không phải là êm đẹp. Sáng hôm sau, Tố Hữu đến, vẻ mặt nghiêm nghị, trịnh trọng, vào câu chuyện với giọng trịch thượng quen dùng, anh đập ngay vào bản đề dẫn :

“ A, lớn là thế nào hè ! Thời đại là thế nào hè ! Văn học thì phải đi từng bước, phải có cây số một, cây số hai, rồi mới có cây số ba chứ ! Thực tế của ta bây giờ là rất đẹp, có thể nói là tuyệt diệu. Tại sao các đồng chí ngại ghi chép hả, thậm chí, sao chép cũng được chứ ! ”

Rồi cứ cái giọng đó, bài diễn thuyết của anh kéo dài luôn tới hơn nửa buổi sáng. Suốt cả buổi diễn thuyết này, Tố Hữu chỉ biểu dương hai tác phẩm : *Hòn Đất* của Anh Đức mà anh gọi là *Hòn Ngọc* và *Vụ lúa chiêm* của Đào Vũ ! và cũng suốt trong buổi họp, anh hai ba lần cải chính : “ Tôi đến đây không phải với tư cách là uỷ viên Bộ chính trị, mà là một nhà thơ, một hội viên của Hội ”. Tiếc thay sự thật nó cứ từng giờ từng phút phủ nhận lời cải chính này của anh. Không một nhà thơ, một hội viên nào dám ăn nói trước hàng trăm nhà văn đủ mọi thế hệ với một giọng như thế cả. Chỉ khi nào anh có ý thức đầy đủ về cái quyền cao chức trọng của anh thì mới có thể ăn nói như vậy được thôi. Sau khi Tố Hữu ra đi, một số khá đông anh em trong Hội nghị yêu cầu Đảng đoàn cho thảo luận những ý kiến của anh ta. Thái độ bất bình của mọi người đối với bài nói chuyện đã rõ.

Chiều hôm đó, trong khi chờ đợi tổng kết, anh em ngồi bàn bạc với nhau chung quanh bài nói chuyện của Tố Hữu.

Nguyễn Văn Hạnh nói :

– Nếu anh Đồng nói, thì ảnh không bao giờ nói như vậy cả. Sâu sắc, khiêm tốn mà thấu tình đạt lí hơn nhiều.

Mấy bạn khác thêm vào :

– Với các vị thì đi đâu cũng xe đưa, xe đón, kẻ tiếp người rước, kẻ dạ người thưa thì thực tế nào mà chẳng tuyệt diệu !

Và :

– Văn học là gì lại đi sao chép thực tế, văn học gì lại đi từ cây số một, cây số hai rồi cây số ba. Lãnh đạo, mà ăn nói như thế thì lạ thật !

Vào tổng kết, câu đầu tiên của Nguyên Ngọc là khẳng định sự nhất trí hoàn toàn của Hội nghị với bản đề dẫn của Đảng đoàn. Nói như thế cũng hơi phiến, khác nào anh công khai chống lại bài phát biểu của Tố Hữu, nhưng cũng là điều cần

(1) Trái với những bài phê phán nó, bản *Đề dẫn* này chưa hề được công bố. Mãi đến năm 1988, Tạp chí *Lang Bian*, xuất bản tại Đà Lạt, (số 3, tháng 5-1988, tr. 56-69) mới đăng được nửa đầu. Nửa sau chưa kịp đăng thì nhà thơ Bùi Minh Quốc bị cách chức, tạp chí *Lang Bian* ngừng xuất bản (chú thích của ĐĐ).

thiết, nếu không, anh không có điểm tựa, không có chỗ đứng, và bọn xấu ở xung quanh, vốn chẳng hứng thú gì với sự có mặt của một Đảng đoàn như thế này, sẽ hết sức tận dụng tình thế. Đã có người đưa tin truyền miệng : “ *Anh Lành* [bí danh của Tố Hữu] *bắt phải viết lại bản đề dẫn* ”. Họ được nhóm mới này là họ thích rồi. Họ không thích nói nhiều đến lớp trẻ, lớp kế tục. Bảo họ xấu thì cũng không có gì sai, nhưng nghĩ cho cùng, chính vì họ không còn tự tin ở mình nữa. Lâu nay, đứng được, có nhiều đặc quyền, đặc lợi là bằng những con đường lèo lái nhiều mặt, chứ đâu phải bằng giá trị của chính bản thân họ, hay tác phẩm của họ. Một người đi trước, một bậc đàn anh chân chính bao giờ cũng thấy có trách nhiệm phải dìu dắt, đào tạo lớp trẻ hơn mình và vui mừng sung sướng khi thấy xuất hiện một tài năng mới, một hiện tượng mới. L. Tolstoi đối với M. Gorki và M. Gorki đối với các lớp sau là như thế.

Chế Lan Viên, một thành viên của Đảng đoàn, người đã hết sức ủng hộ bản đề dẫn trong ngày đầu của cuộc họp và đã nhiều lần nhắc chúng tôi : “ *Các cậu phải ủng hộ cho Thành Ngọc nó làm việc* ” – ngay chiều hôm nay, cũng đã có tín hiệu xoay chiều, tuy chưa đến mức “ quay 180 độ ” như anh em đã nói, nhưng cũng gần như vậy.

Buổi liên hoan chia tay với đại biểu vẫn thoải mái, vui vẻ không còn nặng nề vì ảnh hưởng bài nói chuyện của Tố Hữu như hôm trước nữa. Hai tháng trước, Nguyễn Ngọc giao cho tôi việc xuất bản tập san *Văn học nước ngoài* của Hội. Tuy hãy còn làm việc bên tuần báo *Văn Nghệ*, tôi cũng nhận lời và chuẩn bị ra số đầu tiên. Hôm nay tờ tập san vừa in xong và được đưa về đúng lúc chia tay để tặng các đại biểu. Nhìn kết quả công việc của mình trong mấy tháng qua cũng vui, và càng vui hơn khi thấy anh em chào đón rất nồng nhiệt và khao khát nữa, mặc dầu tập san lúc này còn phải in roneo, vì chưa có kinh phí riêng, chưa có giấy phép in chính thức.

Những ngày tiếp sau, tiếng vang của Hội nghị đảng viên đã đi xa, không phải chỉ trong phạm vi Hà Nội, mà còn đến các địa phương xa nữa, mặc dầu đại biểu ở các nơi chưa phải đã trở về hết. Nhiều câu chuyện ở Hội nghị đã trở nên giai thoại và được truyền đi với dụng ý ủng hộ, hoặc với ác ý xuyên tạc. Trong cuộc họp ở báo Văn Nghệ, ngay ngày hôm sau mười bốn tháng sáu – các anh em địa phương đều hết sức ủng hộ bản đề dẫn : “ *Về dự hội nghị này tôi mới hiểu người cầm bút phải sống và suy nghĩ như thế nào* ”.

Chưa bao giờ có một hội nghị của Hội Nhà văn mà được dư luận cả trong và ngoài hội chú ý như vậy. Phải chăng đó là điều mà tất cả những người hoạt động văn học, và những người quan tâm đến văn học đều suy nghĩ, đều chờ đợi ?

Thật ra, trong xã hội chúng ta hiện nay, tìm được người có thiện chí, có tâm hồn trong sáng đã khó rồi, nhưng khi tìm được không phải dễ dàng gì mà thực hiện được những điều tâm niệm, ấp ủ của mình ! Người tốt thì ít, bọn phá hoại, nịnh hót thì nhiều, kẻ có quyền thì quan liêu, độc đoán không muốn nghe lời nói thật.

Hậu quả của cuộc họp này còn kéo dài mãi khá lâu về sau. Những người đầu tiên dao động lại là những uỷ viên trong Đảng đoàn. Giang Nam đến tìm tôi hỏi : “ *Anh Nguyễn Khải hỏi tôi nên tìm ai có thể thay Nguyễn Ngọc. Anh ở đây lâu, quen biết nhiều, theo anh thì nên cử ai thay Nguyễn Ngọc ?* ”

Tôi không tán thành việc này nên trả lời ngay : “ *Sao các anh lại đi bàn chuyện này. Thành Ngọc có gì sai mà phải thay. Theo tôi, không nên đưa vấn đề này ra* ”.

Không rõ Giang Nam về bàn lại với Nguyễn Khải như thế nào, chỉ biết rằng ít lâu sau, Nguyễn Khải lặng lẽ rút lui vào Thành phố Hồ Chí Minh, ở hẳn trong đó, tập trung viết, không tham gia gì vào những việc có liên quan tới Đảng đoàn nữa. Chỉ Chế Lan Viên là ráo riết và trắng trợn hơn cả. Từ sau buổi nói chuyện của Tố Hữu, Chế Lan Viên không ngừng lên án bản đề dẫn. Vào khoảng hai tháng sau, anh ta kéo một đoàn có cả Bảo Định Giang, Đào Vũ và mấy người nữa rõ, tổ chức một cuộc truy bức Nguyễn Ngọc, buộc Nguyễn Ngọc phải từ chức bí thư đảng đoàn. Tình thế rất gay go, căng thẳng, phần lớn những người thiện chí đều im lặng, những kẻ chống đối có thể lực mạnh, có chỗ dựa vững vàng. Nguyễn Ngọc bị dồn vào thế khó xử, cũng đã cảm thấy bối rối và có phần nao núng. Thấy không thể để như vậy được tôi rủ thêm mấy anh em hàng ngày vẫn thường chơi với nhau như Nguyễn Thành Long, Huy Phương đến khuyên Nguyễn Ngọc hãy vững tin ở số đông anh em, và không việc gì phải từ chức. Ban bí thư bổ nhiệm anh, khi nào Ban bí thư bãi miễn, hãy thôi, ngoài ra không ai có quyền bắt anh từ chức cả. Có được bạn bè hỗ trợ, Nguyễn Ngọc đã yên tâm hơn. Nguyễn Đình Thi cũng tới với Nguyễn Ngọc :

– Nếu anh tin tôi là một người tốt, thì tôi xin nói với anh là ủng hộ anh.

Thực ra, Nguyễn Đình Thi cũng chẳng thích gì Nguyễn Ngọc, điều đó đã quá rõ rồi ; nhưng giữa Nguyễn Ngọc và Chế Lan Viên thì anh dễ chọn Nguyễn Ngọc hơn !

Trong buổi họp Đảng bộ Hội Nhà văn để đánh giá công việc của Đảng đoàn và của Hội nghị đảng viên, tôi đã nói thẳng trước mặt mọi người : Chế Lan Viên là một kẻ cơ hội, dựa vào thế của Tố Hữu phản lại anh em. Tiếc rằng buổi họp này Chế Lan Viên không đến. Sáng hôm sau, chắc đã có người thông tin, nên khi tôi vừa bước vào cơ quan Hội Nhà văn, Chế Lan Viên liền gọi :

– Này, ông Quý, tôi nói chuyện với ông một chút, chừng năm phút thôi !

– Sao, có việc gì vậy ?

– Mấy chục năm nay ông không khen tôi một câu, bây giờ ông chửi tôi. Thật lâu nay tôi ngu. Thôi, tôi nhờ ông nói giùm, tôi xin lỗi bà Bích (tức vợ tôi) và các cháu, tôi ngu !

– Vâng, ông ngu ! Nhưng tôi còn ngu hơn ông nữa ; vì tôi đã tin ông là một người bạn tốt, trung thực.

Và thế là từ đó, gặp tôi, anh tránh không nhìn mặt nữa. Đòi Chế Lan Viên có lẽ chưa đến nỗi chấm dứt sớm, nhưng cho đến hôm nay thôi (1987), anh chắc đã phải nhận ra là vừa rồi anh đã phải trả một giá quá đắt về lối sống của anh : chỗ dựa không còn nữa, bạn cũng mất và anh em chung quanh đều chán ghét, coi thường. Riêng tôi, nhớ lại những kỉ niệm hàng chục năm gần nhau, tôi cũng rất tiếc. Nhưng khi đã biết rõ bản chất của anh rồi thì tôi cũng không thể nào làm khác được !

[...] Không khí nặng nề sau Hội nghị đảng viên cứ thế kéo dài mãi đến năm 1983, khi kết thúc Đại hội đại biểu các nhà văn lần thứ III. Giang Nam nhiều lần khuyên Nguyễn Ngọc

lên “ gặp anh Lành ” nhưng Nguyễn Ngọc vẫn không lên. Đảng đoàn cũ vẫn tiếp tục làm việc, nhưng tổ chức đã bắt đầu có những thay đổi, tuy là bắt đầu nhưng thay đổi từ gốc. Trong Đại hội Đảng lần thứ V, Hà Xuân Trường trúng uỷ viên dự khuyết Ban chấp hành trung ương Đảng và lên làm Trưởng ban Văn hoá Văn nghệ Trung ương thay anh Trần Độ, tuy vẫn còn là uỷ viên chính thức Ban chấp hành Trung ương Đảng nhưng chỉ làm trưởng tiểu ban văn hoá của Quốc hội thôi (2). Cũng trong dịp này, anh Nguyễn Văn Hạnh chuyển sang làm thứ trưởng bên Bộ giáo dục [...]

Đại hội Hội Nhà văn lần thứ IV (1989)

Hà Nội mấy hôm nay [23.10.1989] đang trở rét. Gió mùa và mưa. Tuy vậy, vào trong hội trường vẫn thấy ấm áp, có lẽ nhờ cái vui gặp lại hầu hết anh em, bạn bè, có người hàng chục năm nay mới gặp lại. Có nhiều thay đổi bất ngờ. Huyền Kiều đầu tóc bạc phơ, râu dài tới rốn, trông “ tiên phong đạo cốt ” đến nỗi ban đầu tôi không thể nhận ra ; Trang Nghị, trẻ, vui là thế mà nay hai tay phải chống nạng ; Trần Dân vừa chống gậy vừa run, đi lại rất khó khăn nếu không có người cầm tay đỡ họ ; Tế Hanh, Nguyễn Văn Bổng mắt mờ đến nỗi có nguy cơ không nhìn thấy nữa và nhất là Hoàng Trung Thông, râu tóc bờm xờm, kè kè chai rượu bên mình. Còn những anh chị em khác thì trừ một số ít người tự cô lập mình, mặt lúc nào trông cũng khó khăn, lúc nào cũng hăm hăm như Nguyễn Duy đã tả, hầu hết những người có mặt ở đây – kể cả những người vừa qua đã gặp những chuyện không lành như Nguyễn Ngọc, Bùi Minh Quốc, hay xa hơn nữa như Vũ Bão, Trần Mạnh Hảo chẳng hạn – đều vui vẻ cười đùa, bàn bạc với nhau ở khắp chung quanh hội trường.

Hai ngày học Nghị quyết VII không có gì đặc biệt. Chúng tôi đã học đi học lại nhiều lần ở địa phương rồi, giờ Bộ Chính trị cẩn thận muốn nói thêm một số điểm nữa cho chu đáo. Hội trường lặng lẽ, anh em chỉ nghe, không ai phát biểu hay thảo luận gì nữa.

Ngày 25.10, ngày họp đảng viên, Đại hội mới thực sự bắt đầu vào cuộc. Sau những lời khai mạc khá dài của đồng chí Trưởng ban văn hoá tư tưởng của Đảng, rất khôn khéo, cho nên tuy nói dài mà hầu như không nói gì cả. Đại hội nghỉ mấy phút cho đỡ nhọc rồi vào tiếp tục làm việc... Trần Mạnh Hảo lên bục đầu tiên nhắc lại phương châm dân chủ, công khai, đòi Ban thư kí Hội Nhà văn phải nói rõ ai chống Đảng, chống ở đâu, chống ở chỗ nào chứ không nói hô đồ như thế được và đặt câu hỏi : Tỉnh uỷ Lâm Đồng khai trừ Bùi Minh Quốc ra khỏi Đảng và cách chức Chủ tịch Hội Văn nghệ Lâm Đồng do Đại hội Văn nghệ của tỉnh bầu ra, như thế thì dân chủ ở chỗ nào ? Và Hội Nhà văn đã làm gì để bảo vệ sinh mệnh chính trị cho hội viên của mình ? Thuỳ Mai, cô gái Huế dịu dàng, nhỏ nhẹ – đoàn đại biểu Thừa Thiên Huế thật đã khéo chọn người đưa lên diễn đàn – lên đọc một bản (tham luận rất gay gắt, chuyên hẳn về việc kỉ luật của Bùi Minh Quốc. Ý kiến được chú ý và ủng hộ nhiều nhất trong buổi họp này là ý kiến của Vũ Bão. Sau khi nhắc lại vụ tru dập đối với anh hai mươi năm trước, Vũ Bão nói :

(2) Về việc này xin bạn đọc xem thêm “ *Hồi ký về một đại hội Đảng* ” của Trần Độ, Diễn Đàn số 106, tháng 4.2001 (chú thích của ĐĐ)

– Có những người lớn tiếng lên án chúng tôi phủ nhận quá khứ. Tôi xin hỏi chúng tôi phủ nhận quá khứ ở chỗ nào ? Còn những kẻ chủ trương thay đổi quốc ca thì họ có phủ nhận quá khứ hay không ? Bao nhiêu xương máu đã đổ ra để bảo vệ, giữ gìn quốc ca đó thế mà họ đòi thay đổi, lại còn lớn tiếng vu cho người khác là phủ nhận quá khứ ! Hôm nay họ đòi thay quốc ca, mai đây họ có ý định thay đổi quốc kì nữa không ?

Trong khi Trung ương còn phải bận rộn bao nhiêu chuyện trong nước và ngoài nước, thì chúng ta tự lo với nhau không được sao mà lại còn bắt Trung ương phải lo cả việc văn nghệ của mình nữa ? (ở đây tôi chỉ ghi lại những ý chính, vì không có nguyên văn bài phát biểu của anh).

Hai ngày họp “ Đại hội nội bộ ” tiếp theo mới thật là hai ngày quyết định. Giả, thật, trắng, đen đều bộc lộ cả trong hai ngày này. Mở đầu là việc bầu các cơ quan làm việc cho Đại hội. Ban chấp hành cũ giới thiệu chín người vào đoàn chủ tịch đại hội trong đó có Tô Hoài. Phan Hồng Giang cho biết sáng ngày mai Tô Hoài sẽ đi Cairo và yêu cầu anh nói rõ như thế anh có thể tham gia chủ trì Đại hội được không ? Tô Hoài trả lời nước đôi :

– Vâng, tôi có quyết định sáng mai đi Cairo, nhưng hôm nay chưa có vé trong tay, tình hình ra sao tôi sẽ báo cáo với Ban chấp hành sau.

Trong hội trường nhiều người lên tiếng :

– Việc là việc của Đại hội, anh trả lời cho Đại hội chứ sao anh lại báo cáo cho Ban chấp hành.

Tô Hoài lúng túng không nói được. Sau mấy phút giải lao anh em một lần nữa đòi phải trả lời dứt khoát. Tô Hoài vẫn cứ nước đôi như trước, có nhiều tiếng xì xào trong hội trường : “ *Chỉ có một cái ghế chủ tịch đoàn đại hội thôi mà không bỏ nổi, còn nói gì đến những địa vị cao sang hơn nữa* ”. Kết quả cuối cùng Tô Hoài là người ít phiếu nhất và không trúng cử.

Đoàn chủ tịch vừa nhận việc đã vấp phải một tình thế rất gay go. Có hai luồng ý kiến về việc bầu Tổng thư kí : bầu Ban chấp hành rồi Ban chấp hành bầu Tổng thư kí hay Đại hội trực tiếp bầu Tổng thư kí ? Hai luồng ý kiến này tranh chấp nhau gay gắt, chẳng bên nào chịu bên nào. Nguyễn Đình Thi trên bàn chủ tịch đoàn, đại biểu cho nhóm ý kiến thứ nhất, cứ luẩn quẩn mãi trong cái lập luận Đại hội bầu Tổng thư kí thì quyền Tổng thư kí to quá, đứng trên cả Ban chấp hành, và như vậy e rằng giữa hai kì Đại hội nếu có gì bất thường có liên quan đến Tổng thư kí – như cần thay đổi, miễn nhiệm chẳng hạn – thì Ban chấp hành sẽ không có đủ thẩm quyền giải quyết. Nhóm ý kiến thứ hai có Phong Lê, Nguyễn Khoa Điềm và nhiều người khác đã phát biểu cho rằng đối với Hội Nhà văn thì Đại hội trực tiếp bầu Tổng thư kí là cần thiết vì trong thời gian vừa qua Nguyễn Đình Thi, Tổng thư kí do Ban chấp hành bầu đã ngồi mãi ở ghế đó ngót 30 năm – bằng sáu nhiệm kì tổng thống Mĩ và gây ra bao nhiêu chuyện rắc rối trong hội, mà Ban chấp hành có làm gì được đâu. Và nếu lo ngại về quyền hạn của Tổng thư kí, thì chỉ cần bổ sung vào bản điều lệ một khoản quy định mối quan hệ giữa Tổng thư kí và Ban chấp hành là đủ. Phải để cho Đại hội biểu quyết. Trước khi biểu quyết, Trần Bạch Đằng, cũng trên bàn chủ tịch đoàn, còn cố gắng giải thích thêm về việc nên để Ban chấp hành bầu

Tổng thư kí. Anh chưa nói được bao nhiêu thì đã bị Đại hội vỗ tay chấm dứt. Trần Bạch Đằng phải ngồi xuống, mặt đỏ gay, hôm sau ở nhà hẳn một ngày không đến họp, xem chừng chưa quen lắm với thái độ của Đại hội. Anh em nói đùa với nhau : “ Tập sự làm dân chủ, tập sự đổi mới, thật không phải dễ ! ” [...]

Ngày thứ hai của phiên họp nội bộ vẫn còn cái rất căng thẳng. Phạm Tường Hạnh cực lực lên án tạp chí Sông Hương, tạp chí Cánh én, và Trần Độ là người đã nhúng tay khá sâu vào công việc của những tạp chí này. Anh cho biết anh Trần Độ có gửi đến cho Đại hội một lá thư và một bản kiểm điểm chưa được công bố. Cả hội trường sôi sục lên phản đối những ý kiến vu khống và hằn học của Phạm Tường Hạnh và yêu cầu đoàn chủ tịch cho công bố bản kiểm điểm của anh Độ.

Chiều hôm đó, đáng lẽ Đại hội nghỉ một buổi cho đỡ mệt vì mấy ngày làm việc khá nặng nhọc vừa qua. Nhưng vì có yêu cầu trên đây nên Đại hội vẫn tiếp tục, đoàn chủ tịch mời anh Nguyễn Văn Hạnh, nguyên là Phó ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương, lên đọc cái gọi là “ bản kiểm điểm ” của anh Trần Độ. Có thể nói cho đến nay, ở Đại hội chưa có một bản tham luận nào được hầu hết các đại biểu vỗ tay tán thưởng nhiều lần đến thế. Anh có nhiều suy nghĩ sâu sắc về các vấn đề văn học và nghệ thuật và nói thẳng những điều mà có thể người khác cũng nghĩ nhưng không dám nói [...]

Bài “ kiểm điểm ” dài 19 trang đánh máy, anh Nguyễn Văn Hạnh đã đọc hơn 45 phút. Trước khi rời khỏi bục, anh nói thêm mấy lời :

– Trong thời gian qua, tôi là người cùng làm việc với anh Trần Độ. Tôi hoàn toàn chia sẻ cái đúng và cái sai của anh Độ. Vừa rồi anh Phạm Tường Hạnh đã nói những lời rất nặng nề về anh Trần Độ trong khi anh không hiểu gì về công việc ở đây cả và đã xúc phạm đến nhân phẩm của anh Độ. Tôi xin nói rõ ở đây anh Trần Độ không phải là con người như vậy.

Cả hội trường vỗ tay hoan nghênh những lời nói tuy rất ngắn nhưng biểu lộ một tấm lòng cương trực, dũng cảm dám bảo vệ một người vắng mặt đang bị một nhóm người có thể lực tìm cách vu cáo, trù dập.

Khi trở xuống ngồi bên cạnh tôi, anh Hạnh nói : “ Tôi đã nói với vợ con hãy lường trước mọi việc có thể xảy ra với tôi để khỏi bị đột ngột ”. Phải nghĩ như vậy vì nhóm người có thể lực kia đang yêu cầu cách chức Nguyễn Văn Hạnh vì cái tội anh là người “ bênh vực Trần Độ, có xu hướng chống Đảng ”.

ĐÀO XUÂN QUÝ

Đào Xuân Quý sinh ngày 28.11.1924. Quê quán ở làng Mỹ Hiệp, huyện Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà. Tham gia Việt Minh từ năm 1944. Trong kháng chiến, hoạt động văn nghệ ở Khu IV và Khu V. Khi tập kết, làm việc ở Bộ ngoại giao rồi chuyển về Báo Văn Nghệ, Nhà xuất bản Văn học, Hội nhà văn, Hội văn nghệ Phú Khánh.

Các tập thơ đã xuất bản : *Gió Sông Hồng, Đất này năm tháng, Trong mùa nắng.*

Tác giả những bản dịch thơ giá trị (V. Hugo, P. Neruda, Tagore, sử thi *Ramayana*).

Thơ Đỗ Quang Nghĩa

Một lần trong tâm tưởng

Dòng sông của tôi
suốt đêm trôi trong thương nhớ
suốt đời băng qua ghềnh thác
có bao giờ dừng đâu.

Dòng sông của tôi
em có nghe lời ru lòng tôi
em có yêu đời tôi, hôn tôi
tôi đi xa đường tôi vô hướng
riêng với em tôi hát nhịp buồn
bên bờ hoang và tôi dừng chân.

*

Dòng sông,
đón tôi về với bầy sâm cầm nhỏ
lần đầu ra giữa sông.

Dòng sông
như ngừng trôi - hoàng hôn,
bao lần sông mang hồn tôi đi
những đêm dài bên sông
tôi biết nhớ nửa vầng trăng không sáng.

Mai này mùa xuân về
không có tôi
sông cứ êm dường như giành riêng... 28.02.03

*

Mùa xuân đã trở lại sông Lahn
bằng mầm non của loài phong lan nước
con sâm cầm cánh đen, trán trắng
hãy bay đi.

*

Dòng sông mùa xuân
thức dậy chưa, nửa trăng về phố
một nửa kia chìm dưới sương mù.

Dòng sông mùa xuân
đừng vội vã
hãy nghe những mầm cây bé nhỏ
sẽ chào đời
biết không, trong những lùm cỏ dại
những chùm hoa xuyên tuyết đã chờ 01.03.03

*

Dòng sông mùa xuân
giấu trong mình những đám mây màu trắng
tìm ra khơi xa.

Trong ánh dương mùa tan băng giá
chập chùng những dãy núi ửng lên màu xanh.

Tôi đã thả xuống sông những bông tuyết cũ
hãy cùng tôi chia tay mùa đông. 28.02.03

Đỗ Quang Nghĩa, *Như những mùa thu*

Mê Thảo

– thời vang bóng



Hàn Thuỷ

Truyện phim diễn ra dưới thời bảo hộ đầu thế kỷ, được xây dựng chung quanh những nhân vật chính là : Nguyễn, chủ nhân ấp Mê Thảo — một thái ấp sống bằng nghề trồng dâu, nuôi tằm, dệt lụa ; bạn tri âm của Nguyễn là nghệ sĩ chơi đàn Tam, vì ngộ sát phải trốn tránh, được Nguyễn đem về làm quản gia ; cô đầu nổi tiếng Tơ, tình nhân của Tam, sau vụ ngộ sát Tơ trở về với chồng, khi chồng chết Tơ dứt bỏ nghiệp ca hát ; và Cam, người tớ gái bị cám và phải lòng ông chủ.

Hôn thê của Nguyễn bị tai nạn qua đời trên đường đi xe hơi về Mê Thảo để làm lễ cưới. Nghĩ rằng sản phẩm văn minh là nguyên nhân cái chết của hôn thê, Nguyễn ra lệnh cấm đoán, tiêu hủy tất cả những gì liên quan đến văn minh cơ khí. Nguyễn đắm chìm trong quá khứ, trong men rượu, chỉ tôn thờ và đối thoại với hình tượng của hôn thê... Cùng lúc đó thông báo về một công trình đường sắt sẽ xuyên qua Mê Thảo khiến Nguyễn càng điên loạn. Vào một đêm Cam chỉ cho Tam xem một cảnh tượng kinh khiếp : Nguyễn đang làm tình với nữ hình nhân bằng gỗ ! Cam mang tượng quảng xuống hồ, nơi sau đó chính cô bị Nguyễn bỏ rọ ném để trừng phạt. Cam được Tam cứu thoát. Mê Thảo trên đà phá sản, tan nát vì sự điên loạn của Nguyễn.

Tin rằng chỉ có âm nhạc mới cứu rỗi được linh hồn Nguyễn, Tam quyết định tìm Tơ ; cô từ khước vì đã thề độc chỉ hát với cây đàn dấy của chồng cô để lại, mà ai dùng cây đàn đó sẽ bị hồn của chồng Tơ bóp chết. Tam vẫn quyết định hòa giao âm nhạc với người yêu lần cuối. Tiếng đàn, tiếng hát lời Nguyễn về thực tại nhưng cũng là lúc Tam gục ngã.

Trở lại thái ấp, Nguyễn trông thấy công trường đường sắt đã khởi công. Nguyễn mang xác bạn tìm đến gò chôn rượu, đập nát các hũ rượu, phóng hỏa... Nguyễn chết trong lửa rượu, trước mắt Cam, một chứng nhân đau khổ và căm nín.

Trong tên “Mê Thảo – thời vang bóng” tôi đồng ý với đạo diễn ở tiểu tựa “thời vang bóng”, theo tôi nó quan trọng. Thật thế, có nhiều Nguyễn Tuấn, trước và sau 1945. “Chùa Đền”, tuy được xuất bản năm 1946, nhưng có hai phần khác nhau rõ rệt, phần lõi ở giữa có tên riêng “Tâm sự của nước độc”. Có thể nói đó là tác phẩm cuối, tác phẩm văn học đỉnh cao của Nguyễn Tuấn trước 45, vừa ưu hoài, vừa vượt ra khỏi cái hoài cụu của “vang bóng một thời” để mà lung linh, ma quái, đa nghĩa. Dùng cái yêu ngôn (chữ N.T.) để tạo đa nghĩa, để gửi gắm một linh cảm nào đó về sứ mạng của văn nghệ trước thời cuộc. Phần thứ hai, bao bọc cái lõi trên, thì có tính lịch sử hơn, và chỉ có tính lịch sử thôi, là đoạn dựng và đoạn

mẫu, mà giá trị chính là biểu tượng cho cái hồ hởi mà ấu trĩ của văn nghệ đầu cách mạng. Không biết tại sao Nguyễn Tuấn viết thêm phần này, có phải cần thiết vì đưa in sau cách mạng ? Điều ấy xin để hỏi các nhà làm lịch sử văn học, nhưng độc giả nào muốn đọc “Chùa Đền” dù đã xem hay chưa xem phim đều có thể bỏ qua hai cái đoạn thủ vĩ gương ép ấy, đọc không có ích gì mà còn bực mình thêm.

Phim của Việt Linh chỉ phỏng theo “Tâm sự của nước độc” thôi, và viết thêm “thời vang bóng” sau tên Mê Thảo tỏ rõ là tập thể làm phim đã khẳng định đúng cái chân giá trị, và nhấn mạnh sự lựa chọn đó bằng cách gọi lại “vang bóng một thời”, tác phẩm rất quen thuộc của giai đoạn trước 45. Còn “Mê Thảo”, đó là cái tên của vùng đất nơi xảy ra câu chuyện, một cái tên gọi lên sự mê đắm đến từ bên ngoài, một người điên loạn vì ăn phải một thứ cỏ lú, chứ sự điên loạn này chẳng hề có giá trị tự tại. Cái tên “Mê Thảo” hình như là một cảnh báo với ai nghĩ rằng Nguyễn Tuấn đang viết về một thứ tình yêu tuyệt đối nào đó.

Kịch bản của Mê Thảo có trung thành với nguyên tác văn học không ? có lẽ điều này không quan trọng lắm, vì điều quan trọng nhất là phim có đạt hay không. Hai loại hình nghệ thuật dù sao cũng cần những thủ thuật rất khác nhau. Điện ảnh vừa có thể hào phóng hơn với âm thanh và màu sắc, vừa bị những giới hạn chặt chẽ của thể loại “thường thức theo thời gian thực”, như mọi thứ nghệ thuật trình diễn. Những hình ảnh đẹp trung thành với truyện thấy có gò chôn rượu, và những nông tâm ... “Lắm lúa đang chín, bụng đổ ửng và trong suốt như hổ phách”... (N.T.)

Điều dễ để ý đến nhất là phim rất trung thành với truyện – và vượt xa truyện, nếu muốn khiêu khích những “fan” Nguyễn Tuấn mê muội, chỉ biết bàn về trung với chả thành – trong sự thể hiện tình yêu ca trù. Phải nói Việt Linh đã thành công trong cả âm thanh, hình ảnh, và lời các bài hát ; đã mời các nghệ sĩ danh tiếng nhất lòng tiếng hát tiếng đàn của mình vào phim. Và lại hiển nhiên truyện thì không thể cạnh tranh được với phim trong cái mặt sống động này, dù văn tài của Nguyễn Tuấn cao đến thế nào đi nữa. Nhưng nói đến cái thần, cái cốt tuỷ của Chùa Đền, là sự lung linh ma quái và đa nghĩa, thì phải nói phim trung thành với Nguyễn Tuấn một cách tuyệt diệu. Mà chỉ có dám sáng tạo thì mới trung thành được như vậy thôi, vì Nguyễn Tuấn nói với người thời ông, còn Việt Linh nói với người thời nay.

Trong những khác biệt quan trọng giữa “Chùa Đền” và “Mê Thảo” có thể nói đến hình tượng cô Cam, sáng tạo của kịch bản phim, một thứ người dẫn truyện rất đạt, đồng thời là một biểu tượng (cho đa số thâm lặng mà hy sinh không tính

Kịch bản : Phạm Thùy Nhân - Việt Linh - Serge Le Peron.

Đạo diễn : Việt Linh - Quay phim : Phạm Hoàng Nam

Thiết kế : Phạm Hồng Phong.

Nhân vật chính : Nguyễn (Dũng Nhi), Tam (Đơn Dương), Tơ (Thúy Nga), Cam (Minh Trang).

âm nhạc (ca trù) :

Người hát : Thanh Hoài, **người đàn :** Mạnh Tiến, **trống :** bác Mùi, **cụ thân sinh của Mạnh Tiến, trưởng đoàn ca trù Thái Hà, trong đó có Mạnh Tiến và Thanh Hoài.**

Lời bài hát cuối cùng, do nhà văn Văn Lê viết, sửa lại lời của một bài hát châu văn.

toán cho đất nước ?). Một sáng tạo khác : hình tượng cô Út người yêu của Nguyễn ; lúc đầu là hình nộm rơm, sau thành người gỗ, đối tác cho sự điên loạn của Nguyễn ; cô Út còn là cả gương mặt tươi rói của Cam nữa, nhưng đó chỉ là trong ước mơ của Cam thôi. Mà, ừ nhỉ, trong cả bộ phim không hề thấy cô Út bằng xương bằng thịt, vậy có thật có một cô Út người yêu lý tưởng của Nguyễn hay không ? Phải chăng cô Út, nguồn gốc của sự điên loạn của Nguyễn tại Mê Thảo, lại chính là mê thảo, cỏ mê của một lý tưởng không hề hiện thực ?

Như thế, Mê Thảo rất đa dạng, và thường thống nhất thành công cái đa dạng đó. Nhưng có lẽ về những “ý tại *phim* ngoại”, như các phim khác của Việt Linh vẫn thường gọi hứng cho người xem, thì cần đi coi nhiều lần nữa, một lần quả không đủ. Vì thế những ý gợi ra ở đây chỉ là tạp ghi vắn tắt của một người, để nghiệm lại lần sau.

Trở lại vài cảm nhận về bề nổi, tức ở tầng ý nghĩa thứ nhất của phim, những gì người ta “đọc” được lập tức khi xem. Trong phim ảnh còn hơn trong tiểu thuyết, phải có một bề nổi hấp dẫn, và hấp dẫn một cách đại chúng thì mới “đứng” được. Ở đây không có chỗ nói dài về một vài bất cập, quá nhỏ so với tâm vóc của phim này, thí dụ như hoá trang và đối thoại hay độc thoại ở vài chỗ không đủ tự nhiên. Riêng tôi cũng hơi tiếc là phim được mở đầu bằng cảnh con tàu hiện thực của hôm nay, cũng như kết thúc bằng câu nói của Nguyễn về bóng tối, ánh sáng, địa ngục và thiên đường. Tôi nghĩ cả hai đều không cần thiết lắm. Nhưng khi nhớ lại toàn bộ thì những lúc người xem thích thú, sảng sốt nữa, là áp đảo : âm thanh, hình ảnh trong cả phim đều đạt tiêu chuẩn quốc tế, có những đoạn thật là tuyệt vời ai cũng nói đến, như cảnh lông đèn bay lên trời, cảnh Tơ và Tam đàn hát lần thứ hai, cảnh đốt “tứ phân”, nơi chôn rượu v.v. sẽ ăn khách trên cả thế giới. Dàn cảnh và diễn xuất đúng mực nên không cường điệu mà tạo được sức căng lớn ; các vai đều đạt nhưng phải kể đặc biệt đến vai Cam, được trao một nhiệm vụ rất khó mà thể hiện quá giỏi ; trong các vai phụ thì vai bố già cũng thật chín muồi. Có thể nói đạo diễn Việt Linh và người cầm máy Phạm Hoàng Nam lần này có đầy đủ phương tiện để làm mỹ thuật cho hả dạ, từ những cảnh rất thân mật như ca trù đến những cảnh rộng ngoài trời như bề chớ cây gạo dọc sông, qua những cảnh ghê rợn như khổ đâm với tượng gỗ... đều rất đẹp và chuyển đạt không khí cần thiết. Không khí thành thị và nông thôn miền Bắc đầu thế kỷ hai mươi được dàn dựng công phu, có thể là phối cảnh đẹp hơn ngoài đời, nhưng tin được là trung thực, hãy nghe Việt Linh : “...6 năm sưu tập tài liệu tôi đã vào viện bảo tàng chép tư liệu, lùng sục các nơi bán đồ cũ để xem lại các phim 6 ly, 8 ly... từ thời đó” (phỏng vấn trong Phụ Nữ TP HCM, 04-10-2002).

Đó là mặt mới mà người ta khám phá từ Việt Linh lần này, so với các phim trước. Thế còn về mặt mạnh cố hữu của đạo diễn này, về khả năng khơi mở nhiều tầng ý nghĩa ? Nghệ thuật đích thực phản ánh cuộc đời, mà cuộc đời luôn luôn có nhiều tầng ý nghĩa. Câu chuyện đơn giản rõ ràng của tầng này có thể thành một ẩn dụ gợi hứng cho người thưởng thức đi đến những tầng ý nghĩa khác. Và trong cái liên tưởng đó thì mỗi người có thể suy diễn một cách, và cũng có thể suy diễn ra ngoài những ý tưởng của cả Nguyễn Tuấn lẫn Phạm Thuỳ Nhân và Việt Linh...

Hẳn rồi, Mê Thảo là một phim về tình yêu và tình bạn, những mối tình đan chéo và tạo nên kịch tính trong một khung

cảnh xã hội và văn hoá xáo trộn, nguồn gốc của bi kịch. Tình yêu điên loạn của Nguyễn, tình yêu cảm nín của Cam, tình yêu tri kỷ của Tơ và Tam, tình bạn rồi tình nghĩa tri ân của Tam với Nguyễn. Đặc biệt những mối dây giữa Tơ, Tam và Nguyễn này hội tụ và nổ tung trong trường đoạn đàn hát lần cuối, Đơn Dương và Thuý Nga đã diễn tả xuất thần.

Nhưng khi xem phim này ra về, ai cảm chúng ta suy nghĩ về cái áp Mê Thảo như đất nước Việt Nam một thời đã qua, với những ông Nguyễn quỳ lạy trước những thần tượng mà cuối cùng chỉ là những hình nộm bằng rơm ? Về hình tượng này, một người xem phim ngây thơ có thể bảo : Sao lúc tồn thờ thì là người rơm, mà làm lúc làm tình lại là người gỗ, bất nhất dở quá. Nhưng tôi thấy đối từ rơm qua gỗ lại hay, hình như gợi ra một ẩn dụ khác. Có điều rằng ẩn dụ có hai mặt : nếu nó có thể đa nghĩa và rộng nghĩa, thì nó cũng không nói gì cụ thể. Diễn tả ẩn dụ tùy thuộc vào... ẩn ức của người xem. Nghệ thuật là như thế, hỏi tác giả muốn nói gì thực ra không cần thiết, hãy thưởng ngoạn.

Xin tặng bạn vài câu hỏi viển vông rất riêng tôi, cho cả cái thế giới vẫn đầy cuồng nộ này. Tại sao kẻ cầm đầu điên loạn lại chỉ có thể “thông dâm” với những hình nhân gỗ, sex gỗ và lõi gỗ ? Và tại sao Cam, người dẫn truyện, theo truyền thống chú Tễu của văn hoá dân gian đấy, nhưng dẫn truyện mà lại câm, chỉ lấp ló mỗi khi chuyển đến những cảnh quan trọng, một sáng tạo điện ảnh có thể trở thành cổ điển ; ừ tại sao Cam lại bị đóng rọ nhỉ, câm mà lại còn bị đóng rọ, lật qua lật lại, cái nhìn xoay tròn đảo điên chóng mặt... ối giời ! Bạn không thấy hay thì tôi còn biết nói sao ?

Nếu suy nghĩ mông lung rộng hơn nữa, thì ai cảm chúng ta đặt câu hỏi như đã đặt ra qua niềm tin của Tam sẽ cứu vãn được Nguyễn bằng tiếng hát : làm sống lại văn hoá dân tộc có đủ để thức tỉnh những sai lầm của dân tộc ấy hay chăng ? và qua cái chết của Tam : văn hoá dân tộc trong thời đại mới có cần tự giết mình đi để mà tái sinh hay chăng ? Đó là những câu hỏi ở tầng thứ ba, có thể suy ra từ biện chứng hiển nhiên ở tầng ý nghĩa thứ hai, xuyên từ Chùa Đàn đến Mê Thảo, biện chứng đối lập mà bị cưỡng ép phải thống nhất giữa cái văn hoá cổ truyền và cái văn minh hiện đại, giữa vò rượu “vô cố nhân”, guồng chỉ tơ tằm, và cái đường ray, cái đầu máy xe lửa. Chỉ riêng biện chứng này đã có thể làm cho người ta điên, và nếu nhìn thời sự thì vẫn còn những thằng điên nắm quyền sinh sát trên những vùng đất không phải chỉ lèo tèo như cái ấp Mê Thảo. Có điều cái điên của Nguyễn là cái điên chối bỏ văn minh vật chất, còn cái điên của Bin Laden, Bush và Sadham là cái điên chối bỏ văn hoá loài người.

“Mê Thảo” tự nó rất đạt, so với bất cứ phim nghệ thuật nào của thế giới. Một đội ngũ diễn viên xuất sắc và đồng bộ. Một thành công lớn về thẩm mỹ cộng với một kích thước tư duy sâu rộng. Mê Thảo đã vượt qua thách đố làm sống lại Chùa Đàn của Nguyễn Tuấn một cách sáng tạo. Trong Liên hoan phim châu Á 2003 tại Deauville lần này, Mê Thảo bật sáng một cách đường bệ, cổ điển mà độc đáo. Mặc dù là một phim mời, không dự thi (cũng như *Hero* của Trương Nghệ Mưu) nhưng so với các phim khác của LHP (có dự thi hay không) có lẽ Mê Thảo là một trong hai ba phim đứng đầu. ♦

Chùm thơ Nguyễn Duy

Gói

Ta cài cúc áo cho em
Run tay gói lại một miền cỏ lau

Thơ nhà

Ta đang thử mẩu đời người khác
Nhồi nhét đại hồn ta vào xác lạ
Tội nghiệp thân ta hoá mất hồn

Thật thà

Tự dung nhớ thật nhớ thà
Nhớ con đường chả đi qua bao giờ
Tự dung nhớ gió trong mơ
Nhớ trăng dát bạc đôi bờ sông Ngân
Tự dung nhớ chợ quỉ thần
Vườn Thiên Thai rụng dấu chân trái mùa
Tự dung nhớ nước chưa mưa
Thật thà lúc lắc đong đưa thật thà

Ca dao

Sân ga Thanh Hoá chiều mưa đỏ
Một người mẹ đất con
Một em gái mắt trông đen láy
Một bàn tay chìa ra ...run rẩy
...Trả lời thế nào với cái nhìn đen láy
Với bàn tay run run chìa ra đây ?
Tôi nhận diện bàn tay vàng móng ấy
Tay cấy cây làm ra gạo nuôi tôi
Ăn mày là ai ? Ăn mày là ta !
Đói cơm rách áo hoá ra ăn mày.

Vô tư

Vô tư thế chấp đời người
Trắng tay còn chút coi trời bằng vung
Luật chơi cấm kị nửa chừng
Vô tư đặt cọc tận cùng chiếu manh
Liên em vô tư liên anh
Không ngày không đại không thành phải không



Vải thiều

Ai nhân ra giống vải thiều
Vòm xa lấp ló bao nhiêu má hồng

Ai làm ra lúng liếng sông
để đưa tu hú số chồng sang ngang

Ai sinh ra thói tình tang
để ai hoá gió lang bang quên nhà
một mùa vải chín đi qua
nghe tu hú động lòng ta bốn mùa

Nhìn từ xa... Tổ quốc

Cái tốt nhiều hơn sao cái xấu mạnh hơn
Những người tốt đang cần liên hiệp lại
Xứ sở nhân tình sao thật lắm thương binh đi kiếm ăn đủ nẻo
Xứ sở từ bi sao thật lắm thứ ma
Ma quái-ma cô-ma tà-ma mãnh
Xứ sở linh thiêng sao thật lắm trẻ con thất học
Xứ sở thật thà sao thật lắm thứ điếm
Xứ sở cần cù sao thật lắm lãn ông
Lắm mẹo lãn công giả vờ lĩnh lương, giả vờ làm việc
Tội lỗi dừng đọng lạnh lùng gian ác vật
Đạo chính thành tôn giáo phổ thông
Xứ sở bao dung sao thật lắm thân dân lừa xứ
Xứ sở kỷ cương sao thật lắm thứ vua
Vua mánh- vua lừa- vua chôm- vua chữa
Vua không ngại- vua choai choai- vua nhỏ
Lãnh chúa sứ quân san sát vùng cát cứ
Lúc nhúc cường hào đầu trâu mặt ngựa
Luật pháp như đùa- như có- như không
Một người đi chặt cả con đường
Ai ?
Không ai
Vết bầm đau gập vương thước thợ

Người thổi bong bóng

Chu Thuỳ Anh

Anh dừng lại trước cổng ngôi trường cấp một của anh. Bao nhiêu lâu rồi anh chưa về nơi đây. Trường mới xây lại, con đường nhỏ chạy qua trước cổng trường cũng mới được làm lại. Chỉ bà già với cái mặt chứa đủ thứ linh tinh bán cho bọn trẻ là vẫn nhân nhéo, gày guộc, nhỏ thó và dúm dọ ở một bên cổng trường. Có lẽ bà ngồi xa cổng trường hơn trước. Thay chỗ bà là những cô hàng trẻ hơn, nhanh nhẩu mồm miệng hơn, vì thế, các cô ngồi gần cổng trường hơn, với cái mặt xanh đỏ bất mắt trẻ con.

Nhưng anh lại đến bên bà già nhân nhúm. Cái mặt sặc sỡ có đủ thứ mà bọn trẻ con vẫn thích nhưng có vẻ không hợp với dáng vẻ cũ kỹ và dúm dọ của bà. Bà chẳng khác xưa là mấy. Có thể khi đã dúm dọ quá, kiệt quệ quá và nhân nhúm quá, người ta không thể nhân nhúm hơn được nữa. Nhưng cái dáng vẻ khô héo ấy chợt nhanh nhẹn hoạt bát hẳn lên khi nghe tiếng khách hỏi. Và đôi mắt nửa đục nửa trong hướng ánh nhìn về một nơi xa lắc nhưng bàn tay không cần lần mò vẫn run rẩy tìm được đúng chiếc lọ cho anh. Bà nở nụ cười móm mém: “Ông chiều cháu nhí! Bố bao giờ cũng chiều con hơn mẹ. Các bà là cấm có bao giờ cho bọn trẻ chơi thứ này đâu. Các bà toàn kêu dơ dơ là...”. Bà cụ hỗn hển nhưng vui vẻ, tựa như lâu lắm mới được gặp người để mà nói.

Anh cất ngay lọ bong bóng thổi vào cặp xe, vội vàng và hình như hơi xấu hổ. Anh giấu giếm. Bởi anh xấu hổ. Tựa như cả thế gian này biết rằng anh mua lọ đồ chơi ấy cho anh, cho mình anh. Như thể người ta đang nhìn anh cười giấu cợt. Và anh vội vàng giấu đi. Đã lâu lắm rồi anh mới lại cầm vào thứ đồ chơi ấy, thứ đồ chơi mà học sinh cấp hai cũng đã chẳng thèm ngó đến. Tất cả chỉ vì hôm qua, anh nhìn thấy một bé gái, một bé gái xinh như búp bê, bé gái mặc bộ váy đỏ rực đứng trên lan can tầng hai ngôi nhà màu trắng, sau giàn hoa giấy hồng nhạt, cô bé cầm chiếc lọ nhỏ bằng những ngón tay thon, và chăm chú, say mê, cô hơi ngửa mặt lên, chu chiếc mồm nhỏ xíu, thổi qua vòng khung tròn. Những chiếc bong bóng bay lên, rồi lập tức rơi xuống, và nhiều cái còn vỡ ra trước khi kịp chạm đất. Dù thế, cô bé vẫn đầy háo hức và say mê, dõi theo hành trình của từng chiếc bong bóng nhỏ. Đến khi chiếc bong bóng vỡ tan, nhẹ nhàng và mỏng mảnh. Đến lúc đó cô mới dừng mắt, và lập lại trò chơi: Cứ thế, cứ thế... Hình như niềm say mê không những không giảm mà còn tăng lên mạnh mẽ. Anh cũng bị cuốn hút vào trò chơi đó.

Cô bé chơi trò chơi mà hầu như đứa trẻ nào cũng biết. Cô bé chơi trò chơi suốt một tuổi thơ anh ao ước.

Một ngày, không biết có phải là đã xa lắm chưa, vì khái

niệm thời gian với mỗi người một khác, hồi ấy, anh tầm tuổi cô bé, anh thường ngắm nhìn say mê chiếc lọ xanh đỏ màu mè đựng thứ dung dịch sồng sánh ấy. Chiếc lọ là trung tâm trong gánh hàng lộn xộn của bà già, chiếc lọ níu giữ ánh mắt anh mỗi khi mẹ dắt qua. Mẹ không bao giờ mua lọ bong bóng thổi đó. Con trai không nên chơi trò chơi ấy! Vì thế, anh thường lấy trộm xà phòng kem để hoà thành nước. Và hỗn hợp xà phòng hăng hắc đủ để cho anh những niềm vui nho nhỏ. Uốn một vòng thép mảnh thành đường cong méo mó, anh nhúng cái khung méo ấy vào chiếc cốc con, và chu mồm thổi. Những chiếc bong bóng bay lên, lấp lánh, rục rờ, huyền ảo! Nhưng trò chơi trở thành niềm mơ ước khi mẹ nghiêm mặt nói với anh. Con trai không nên đứng một chỗ chỉ để dõi mắt theo hành trình ngắn ngủi của những chiếc bong bóng. Hãy mạnh mẽ lên con trai yêu của mẹ! Nhìn anh con kia và hãy trở thành một người đàn ông mạnh mẽ. Không nên như thế...

Thường là vậy... nhìn anh con kia! Anh con là một tấm gương, một tấm gương từ thời thơ bé. Anh con là một người đàn ông giỏi giang, là hình mẫu để con noi theo... Mẹ thường nói vậy. Và không bao giờ nhắc đến bố. Bố là một người của thời nào đã xa xôi lắm, và mẹ không nhắc đến thời xa lắm ấy.

Anh lớn lên như thế.

Hộp xà phòng kem đầy những hạt sạn là chiếc hộp đẹp nhất mà anh luôn muốn thò ngón tay nhỏ xíu của mình vào, chỉ quét một ít thôi, để bắt đầu cuộc đời những chiếc bóng xà phòng đẹp để lấp lánh và rục rờ. Nhưng anh không bao giờ làm. Anh đã thôi không làm như vậy nữa khi thấy ánh nhìn nửa van lơn nửa khác khoải như chờ mong, day dứt của mẹ. Mẹ nói về tương lai sự nghiệp với những đứa con nhỏ của mẹ. Chưa đủ lớn để hiểu, nhưng anh có thể nhận thấy, dù mơ hồ, một sự trông chờ ngày người đàn ông đã rời đi từ thời nào xa lắm ấy, ngày ông trở về, ngày của sự hả hê sau bao nhiêu năm chờ đợi, chờ đợi một sự tiếc nuối.

Anh đã thôi không chơi bong bóng nữa.

Và anh vẽ. Anh vẽ những bức tranh không thực. Những bầu trời màu hồng, những tán cây vàng rục, những con chim mở to đôi mắt tròn và ngỡ ngác. Nhiều người khen tranh anh lạ, khen tranh anh đẹp. Cũng nhiều người bảo rằng hình như uỷ mị quá. Những mảng màu nhạt nhạt, bàng bạc như khói sương. Con trai không nên vẽ màu hồng. Con trai không nên vẽ kiểu đấy. Những bức tranh dần thưa tỉ lệ với độ tăng của tuổi. Càng lớn, anh càng ít vẽ. Anh lao đầu vào học. Con trai cần phải học khối A. Chẳng ai hiểu nổi cái quan niệm hay ho ấy rơi xuống tự khi nào. Nhưng ai cũng bảo vậy. Mẹ dịu dàng, nhưng nghiêm khắc, mẹ cũng bảo vậy. Hơn nữa, anh phải noi gương người anh lý tưởng. Anh con vẫn luôn là một cái đích. Cái đích cho một sự mòn mỏi. Người anh luôn góp mặt trong các kỳ thi học sinh giỏi toàn quốc. Người anh chơi ghita và violông rất hay. Người anh chưa bao giờ chịu xếp thứ hai trong bất kỳ môn học nào. Một người anh hoàn hảo. Nhìn anh con kia. Và anh lại ngược lên, mòn mỏi.

Mẹ thực sự suy sụp khi anh trượt đại học. Con trai của mẹ, em trai của anh con. Đứa con ấy, đứa em ấy đã trượt đại học. Mẹ suy sụp. Và xấu hổ. Anh con nói, dần từng tiếng: “Nhục!”. “Nỗi nhục của gia đình!”.

Sự nghiệp là một điều gì cao vời. Anh con là một cái đích

gần hơn, nhưng là cái đích mà anh không bao giờ với tới! Mẹ và anh con đã mất nhiều thời gian để chọn một nghề cho anh. Một nghề sáng giá. Một nghề triển vọng. Nghề nào đó hơn đứt cái sự vẽ vời màu mè chẳng ra đâu vào đâu! Đã có tranh cãi. Lần đầu tiên trong đời anh dám nói lên ý kiến của mình. Anh yêu những tấm toan vải xù xì. Anh yêu những vệt màu gọn lên từng nét. Anh yêu cả những ranh giới nhạt nhoà giữa hai vệt màu, nơi sắc hoà vào nhau, đường ranh giới nhoà đi trong sự hoà trộn ấy. Nhưng mẹ đúng và anh con đúng. Một tương lai rộng mở đang chờ đón anh, một tương lai sáng rõ, tương lai không nằm ở những sắc màu ấy... Và anh xếp bút lại. Anh bỏ vẽ, đi thật nhanh qua các gallery mọc lên ngày càng nhiều. Nhưng hình như con đường nào anh qua cũng ngập toàn gallery. Khắp Hà Nội ngập gallery. Anh thấy chúng trên mọi ngõ đường. Anh trốn chúng ở mọi nơi. Không tranh. Không vẽ. Không màu sắc. Không bay bổng. Và đến một ngày, anh không còn run rẩy khi nghĩ đến vẽ nữa. Tình yêu nào rồi chẳng có thể tàn phai!

Dù sao anh cũng đã đỗ năm sau.

Dù sao anh cũng qua năm năm đại học.

Người anh tài ba không còn ngày ngày kê bên làm tấm gương soi nữa. Người anh sau khi làm luận án tiến sĩ đã ở luôn nước ngoài làm việc và đón mẹ sang. Điều này phần nào an ủi mẹ. Niềm hãnh diện từ người con cả tài ba phần nào khoả lấp sự xấu hổ từ người con thứ (hình như là) quá bình thường. Anh bình thường. Với một công việc bình thường, không bận và không rỗi. Một công việc để anh cần mẫn, từ từ tiến theo đúng con đường đã được vạch ra từ bao nhiêu năm trước. Anh đã không còn tình yêu cháy bỏng với hội hoạ nữa. Anh đã kìm nén bao nhiêu lâu? Khi những xúc cảm trào dâng, đã bao nhiêu lần như thế anh tự an ủi: Rồi mình sẽ lại vẽ, vào một ngày nào đó, một lúc nào đó... Nếu như cảm xúc có thể đóng hộp và mức từng thìa ra khi cần!

Nhưng hộp cảm xúc của anh, hình như đã quá hạn sử dụng.

Cho đến khi anh nhìn thấy cô bé ấy. Cô bé mặc váy đỏ đứng trên lan can thổi bong bóng. Bao nhiêu lâu rồi anh mới lại thấy trò chơi đó? Trẻ con vẫn thổi, bong bóng vẫn bay, nhưng bong bóng đã vỡ tan trước khi anh kịp thấy chúng.

Đến tận ngày hôm qua anh mới thấy. Khi mắt anh vô tình ngược lên.

Thế nên hôm nay anh vội vàng đi mua lọ đồ chơi của hôm nay đẹp gấp bao nhiêu lần cái lọ đã nín kéo ánh mắt anh vào ngày chưa xa lắm. Những sắc màu rực rỡ. Những hình vẽ ngộ nghĩnh và sinh động. Cái lọ nhỏ thân kỳ!

Anh run run mở món đồ chơi mơ ước suốt một thời thơ ấu. Bao lâu rồi anh mới lại run rẩy thế? Anh đã có nó, niềm mơ ước bé nhỏ của anh!

Và anh thổi. Anh làm một cách trịnh trọng, hơn cả khi anh giờ hai tay nhận tấm bằng tốt nghiệp. Anh chăm chú, nhúng chiếc khung nhựa vào lọ, rồi đưa chiếc khung có tấm màng mỏng thứ chất lỏng diệu kỳ lên ngắm nghía: Những màu sắc trộn lẫn với nhau, xoắn xuýt, nó đùa, chạy đuổi nhau trong vòng tròn ấy; rồi anh thổi. Những bong bóng bay lên. Những quả cầu lấp lánh của anh. Những quả cầu trong suốt bay lên, căng ra rồi tan biến, tựa như chúng chưa từng có mặt trên đời.

Những quả cầu lấp lánh màu sắc, và hiện lên trong từng vòng cầu ấy là một thế giới kỳ lạ, một nơi kỳ ảo đẹp tuyệt vời. Một quả cầu có vòm trời hồng cao và trong vắt. Một quả khác có thảm lá vàng rực. Những con chim ngơ ngác, những mái nhà cong cong... tất cả hiện ra, đẹp đẽ và mới mẻ, vẹn nguyên như trong những bức vẽ, như anh mới chỉ vừa rời bút hôm qua. Anh đã bước một chân vào thế giới kỳ ảo ấy. Anh đã đặt trọn niềm say mê trong những bong bóng ấy.

Và anh hít một hơi thật sâu. Anh muốn thổi một vòng sau chót, một hình cầu căng tròn đẹp đẽ. Anh hít, hít mãi, lồng ngực anh căng ra. Và... anh thấy mình nhẹ bẫng. Anh trở nên trong suốt, trong và căng. Căng lên thành một vòng bong bóng khổng lồ. Anh bay lên. Trên những mái nhà. Trên những vòm cây. Trên cả thành phố. Trên cao hơn tất cả những bong bóng khác.

Đó là một buổi trưa rực nắng. Nắng vàng rực trên những mái nhà, rải vàng cả những vòm cây. Nắng ngập bầu trời. Và nắng làm bong bóng tan đi. Sự tan vỡ nhẹ nhàng như mây khói.

Chiếc bóng khổng lồ cũng tan đi, như cách tất cả những chiếc bong bóng vẫn kết thúc công việc rực rỡ của mình.

Không ai nhớ gì về anh nữa. Như người ta vẫn quên những chiếc bóng xà phòng.

(đã đăng trên Lao Động điện tử)

Chúng em yêu văn, nhưng chúng em chán học văn

Đó là tựa một bài viết đăng trên tạp chí Văn Nghệ Trẻ (một số cuối năm 2002, được đăng lại trên trạm internet Talawas.org) về tình trạng dạy văn ở nhà trường VN hiện nay, của một cô sinh viên 18 tuổi: Chu Thuỳ Anh. Diễn Đàn xin giới thiệu với bạn đọc truyện ngắn trên đây của cây bút trẻ này, và đoạn kết của bài viết "chán học văn" của cô:

Một trong những giáo viên dạy văn giỏi nhất thành phố Hà Nội, công tác ở phòng giáo dục quận Đống Đa đã nói với đội tuyển đi thi học sinh giỏi văn thành phố của mình như thế này: "Các con học rồi đi thi hộ quận. Học nốt năm nay (lớp 9) đi. Rồi thôi. Chứ cũng đừng theo cái nghề văn này. Bạc lắm!". Cô là người mà hầu hết giáo viên quận Đống Đa đều gửi gắm con em mình; chồng cô nguyên là phó tổng biên tập một tờ báo văn lớn nhất nước. Và cô nói với học sinh mình rằng văn bạc lắm các con ạ! Thế mà học sinh vẫn cứ học. Các đội tuyển học sinh giỏi khác mỗi tháng nộp trên dưới 100.000 tiền mời giáo viên giỏi về dạy. Riêng đội tuyển văn không thu một xu, thậm chí còn dụ dăng gọi học sinh đi học. Ai bảo người ta đã quên văn? Giáo viên đau đầu với nghề. Học sinh đau đầu với học. Chỉ có chương trình là chẳng để ai yên.

Rồi đội tuyển, rồi lớp chuyên, ai yêu văn xin cất tình yêu của mình vào két sắt, chờ một ngày môn văn được (cái) cách xa môn chính tả một chút, học sinh đỡ khổ, giáo viên đỡ tủi...

Chữ quốc ngữ và vốn từ Hán Việt

Văn Ngọc

Cũng nhờ nghe ghé được cuộc tranh luận trên trạm Talawas.org về vấn đề chữ quốc ngữ và vấn đề dịch thuật, mà tôi nảy ra cái ý định viết bài báo này.

Vấn đề mà tôi muốn nêu lên, mặc dầu không phải là đối tượng trực tiếp của cuộc tranh luận, song cũng gắn liền với nó.

Thiết tưởng nhắc lại sơ qua nội dung của cuộc tranh luận này cũng là điều cần thiết.

Trước hết, là vấn đề đánh giá cái lợi, cái hại của chữ quốc ngữ so với chữ Hán. (Thú thực, là tôi cũng không hiểu tại sao ông Cao Xuân Hạo lại còn đặt ra vấn đề này làm gì ở cái thời buổi này nữa ? Người ta không khỏi nghĩ đến những đợt tranh cãi kéo dài trước đây trên non một thế kỷ cũng trên vấn đề này, từ khi chữ Quốc ngữ ra đời : thời còn mô ma tờ Nam Phong tạp chí, với Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh một bên, bên kia là những người trong phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, và những người như Nguyễn Văn Ngọc, Dương Quảng Hàm, v.v.; rồi đến thời ông Nguyễn Văn Trung với một số trí thức ở Sài Gòn những năm 70, rồi đến các nhà Hán học ở hải ngoại như ông Vũ Thế Ngọc, v.v.).

Bài tranh luận của ông Nguyễn Hoàng Sơn trên Talawas đã phản bác hầu hết các luận điểm của ông Cao Xuân Hạo, theo cách nhìn của ông. Tôi chỉ xin tóm tắt lại ở đây những nét chính của những luận điểm của ông Cao Xuân Hạo, chủ yếu thể hiện qua tác phẩm *Tiếng Việt, văn Việt, người Việt*, NXB Trẻ 2001 và bản *Báo cáo đọc tại Hội nghị “ Chữ Quốc ngữ và sự phát triển của văn hoá Việt Nam ”*, trường Đại học Tổng hợp TP HCM, 1995 :

- Ông Cao Xuân Hạo đề cao chữ Hán, coi nó như là ngôn ngữ viết tượng hình hoàn chỉnh nhất (CXH, *Mấy nhận xét về chữ Quốc ngữ*).

- Ông cho rằng chữ quốc ngữ, sử dụng mẫu tự La Tinh không thích hợp với tiếng Việt và chỉ là một thứ chữ ghi âm thuần tuý, kém xa chữ Hán về đủ mọi mặt, kể cả về mặt thẩm mỹ (CXH, *Mấy nhận xét về chữ Quốc ngữ*).

- Ông chủ trương bó buộc học sinh phải học chữ Hán ngay từ trung học (CXH, *Chữ Tây và chữ Hán, thứ chữ nào hơn ?*).

- Ông chống lại mọi ý đồ cải cách chữ quốc ngữ, và cũng không đưa ra một đề nghị cụ thể nào để cải thiện nó, ngoại trừ một ý kiến duy nhất trên vấn đề xử lý các tên và từ ngữ tiếng nước ngoài (CXH, *Mấy nhận xét về chữ Quốc ngữ*).

Ông Nguyễn Hoàng Sơn đã phản bác một cách kịch liệt những luận điểm này. Trên những nét chính, ông Sơn có lý. Tuy nhiên, vô tình hay cố ý, ông đã diễn dịch sai một ý của ông Cao Xuân Hạo : ông Cao Xuân Hạo không bao giờ nói “ Dùng chữ quốc ngữ là một tai họa ” (như cái tựa bài viết của ông Nguyễn Hoàng Sơn), mà ông chỉ nói : “ Bỏ chữ Hán và

chữ Nôm là một tai họa ” (trong bài *Mấy nhận xét về chữ quốc ngữ*). Ngoài ra, khi ông đưa ra ý kiến trên vấn đề “ bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt ” thì ông lại tỏ ra không được “ dứt khoát ” cho lắm, thậm chí hễ còn “ bảo thủ ” : ông chủ trương “ hạn chế ” việc sử dụng từ Hán Việt trong tiếng Việt, đặc biệt trong ngôn ngữ viết.

Vấn đề tuy đã cũ, nhưng theo tôi vẫn còn nguyên tính thời sự của nó, và ở thời điểm giao lưu văn hoá toàn cầu ngày hôm nay, nó có một tầm quan trọng đặc biệt và cần có một cái nhìn mới : chúng ta cần biết vì sao, và dựa trên cơ sở nào chúng ta có thể sử dụng toàn bộ từ Hán Việt đã có, cũng như toàn bộ từ Hán trong từ điển của người Trung Hoa ngày nay, và nói rộng ra, bất kể từ nào cần thiết và thích hợp của tiếng nước ngoài, từ Đông sang Tây, để làm giàu cho tiếng Việt.

Còn về vấn đề dịch thuật, đặc biệt qua những bài viết của Phạm Thị Hoài, Thảo Hảo và Nguyễn, v.v. phê bình bản dịch cuốn *Mĩ học* của Hegel do ông Phan Ngọc dịch ra tiếng Việt, nhiều điều bổ ích khác liên quan đến vấn đề vốn liếng từ ngữ của tiếng Việt, cũng đã được nêu lên.

Sự thất bại của ông Phan Ngọc trong việc dịch cuốn *Mĩ học*, ngoài vấn đề thiếu hiểu biết về ngoại ngữ và tài năng dịch ra, còn cho thấy khả năng và giới hạn của tiếng Việt hiện đại trong các lãnh vực tư tưởng : triết học, khoa học, văn học, nghệ thuật, v.v.

Vấn đề này thật ra cũng đã được nhiều học giả nêu lên ngay từ thời chữ quốc ngữ mới được sử dụng một cách phổ cập ở nước ta. Mặc dầu ở đây, trong trường hợp bản dịch cuốn *Mĩ học* của Hegel, ông Phan Ngọc dịch không đạt, không phải vì ông thiếu chữ, nhất là chữ nho ! Và có lẽ cũng không phải là ông thiếu hiểu biết về triết học, mà chủ yếu vì ông không nắm vững ngôn ngữ triết học tiếng Đức của Hegel. Lý do thứ hai, là vì trong suốt cả chục năm trời làm việc trên bản dịch đó, có lẽ ông đã không có điều kiện để bàn bạc, tranh cãi với ai về công việc của mình. Phải chăng ông đã không có được một cái không khí học thuật thuận lợi để trao đổi với các bạn đồng nghiệp, hoặc với các triết gia ở trong và ngoài nước ?

Chung quy, cả hai vấn đề được nêu lên để tranh cãi trên trạm Talawas đều có một mẫu số chung, là mối quan tâm về vấn đề chữ viết của người Việt, và cùng đặt ra một vấn đề là : làm sao cho chữ quốc ngữ ngày càng phong phú, linh hoạt, ngày càng có thêm khả năng diễn đạt những ý tưởng, khái niệm, trong mọi lãnh vực ?

Một trong những khía cạnh cụ thể của vấn đề, theo tôi là : làm thế nào để cho tiếng Việt ngày càng giàu có thêm về mặt từ vựng ? Đồng thời, một câu hỏi khác cũng cần được trả lời cho dứt khoát : người Việt ngày nay có cần phải quay trở lại học chữ Hán như một số người chủ trương không ?

Thật ra, câu trả lời đã có sẵn trong thực tế sử dụng tiếng Việt từ hơn một thế kỷ nay.

Chữ viết của người Việt ngày nay, tức chữ quốc ngữ, là một thứ chữ ghi âm tiếng nói của người Việt bằng các mẫu tự La Tinh. Nó có cái ưu điểm trên chữ Hán là có thể phiên âm được một cách khá chính xác những từ tiếng nước ngoài. Chữ Hán về mặt hình thanh hoàn toàn là bất tiện. Chỉ cần nêu thí dụ những danh từ tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga... phiên âm ra tiếng Hán Việt : Hoa Thịnh Đốn, Nã Phá Luân, Mạc Tư Khoa, Thành Cát Tư Hãn, v.v.

Thứ chữ đó ra đời từ đầu thế kỷ 17. Điều đáng tiếc, là trong hơn 200 năm, từ đầu thế kỷ 17 cho đến giữa thế kỷ 19, nó đã

chỉ được thực sự sử dụng và phát triển một cách rất giới hạn trong cộng đồng giáo dân và các nhà truyền giáo đạo Ki-tô mà thôi, nghĩa là trong một phạm vi rất nhỏ hẹp của nhân dân Việt Nam. Các vua chúa, quan lại, sĩ phu có nho học hoàn toàn thờ ơ với thứ chữ này. Mà ở vào cái thời đó, cũng chỉ có những thành phần trí thức của xã hội mới biết chữ Nôm và chữ Hán mà thôi. Dân chúng bình thường ở thành thị cũng như ở thôn quê đâu có được học mấy ! Do đó phần lớn là mù chữ. Văn học dân gian từ bao đời cũng vẫn chỉ là truyền khẩu, chứ đâu làm gì có chữ để ghi lại ?

Trong suốt thời kỳ hơn hai trăm năm này và trước đó, trong cả ngàn năm, văn tự hành chính và học chính vẫn là chữ Hán, trừ một thời gian ngắn ngủi chữ Nôm đã được triều Tây Sơn sử dụng trên các văn bản chính thức.

Chữ quốc ngữ chỉ thực sự có cơ hội phát triển bắt đầu từ cuối thế kỷ 19 trở đi, khi chính quyền bảo hộ Pháp nhìn nhận thấy ở nó một công cụ thuận tiện cho việc cai trị của họ, và về phía giáo hội Ki-tô giáo cũng thấy đó là một công cụ truyền giáo đắc lực, hơn nữa nó còn là một cách che chở cho giáo dân khỏi bị tiếm nhiệm bởi những ảnh hưởng chính trị và văn hoá của những tác phẩm viết bằng chữ Hán đến từ Trung Quốc, Nhật Bản, hay từ các nhà Nho Việt Nam.

Do đó, ngay từ khi chiếm được Nam kỳ, nhà cầm quyền Pháp đã quyết định bác bỏ chữ nho và áp đặt việc sử dụng chữ quốc ngữ, bắt đầu là trong các văn kiện chính thức, sau đó là trong các trường học (Nghị định ngày 22-2-1869, và Nghị định ngày 6-4-1878, được ghi lại trong tập *Recueil de la Legislation et Reglementation de la Cochinchine*, 1880) (Nguyễn Văn Trung, *Chữ, Văn Quốc Ngữ, thời kỳ đầu Pháp thuộc*, NXB Nam Sơn, Sài Gòn, 1-1975).

Tờ Gia Định báo, do Huỳnh Tịnh Của (Paulus Của) sáng lập năm 1865, đến năm 1869 được trở thành tờ “ công báo ” đầu tiên in bằng chữ quốc ngữ cũng là do nhà cầm quyền Pháp chủ trương và đỡ đầu.

Ở Bắc kỳ, việc sử dụng chữ quốc ngữ có hơi chậm trễ hơn : cho tới năm 1910, tình hình bỏ hẳn chữ nho vẫn còn chưa ngã ngũ. Thông tư ngày 1-6-1910 của “ Quyền Thống sứ Bắc kỳ gửi Công sứ các tỉnh Bắc kỳ, Đốc lý Hà Nội, Hải Phòng và các Tư lệnh Khu quân sự ”, có đoạn viết như sau : “ [...] Không có vấn đề bỏ chữ nho và thay thế bằng chữ quốc ngữ. Mọi ghi âm tiếng An-nam, nhất là tiếng Hán-Việt vẫn luôn luôn phải làm và để gây lẫn lộn. Số âm tiếng An-nam hay Hán-Việt rất hạn chế, một âm đôi khi chỉ thị nhiều tiếng (từ) và ý tưởng khác nhau và luôn luôn rất khó phân biệt nếu không dùng chữ nho. Hễ khi nào muốn cho những bản văn có một lối viết chắc chắn một chút, hoặc để diễn tả những ý tưởng trừu tượng, tổng quát, chữ quốc ngữ, trong tình trạng hiện thời vẫn còn thiếu sót...” (Nguyễn Văn Trung, sđd).

Năm 1902, chính phủ Pháp triệu tập một Hội nghị quốc tế khảo cứu về Viễn Đông tại Hà Nội. Một tiểu ban chữ viết ghi âm gồm 9 người đã được thành lập để bàn cãi về việc cải cách chữ quốc ngữ : Cheon, Babonneau, L.m. Cadière, Dumortier, Finot, Gereni, Hoàng Trọng Phu, Pelliot, Simonier. Nhưng đề nghị cải cách đã không được chấp nhận vì nhiều lý do, nhất là vì những hậu quả gây nên trong thực tế. Linh mục Cadière ở trong tiểu ban, cũng không đồng ý với dự án cải cách này, và nêu lên 6 điểm chống đối :

1. Không thể loại bỏ những khó khăn gắn liền với lối ghi âm tiếng Việt, mọi hệ thống ghi âm đều không thể hoàn toàn.

2. Không thể gán cho chữ quốc ngữ những khuyết điểm gắn liền với chính bản thân tiếng Việt.

3. Hệ thống ghi âm do tiểu ban đề nghị loại bỏ một số khó khăn, trái lại gây ra những khó khăn khác.

4. Việc sửa đổi chữ quốc ngữ sẽ làm cho một số lớn sách không thể đọc được như những tự điển của Tabert Genibrel, giáo trình và tuyển tập văn của Cheon.

5. Một số đông người Việt không biết chữ nho, và chỉ biết chữ quốc ngữ, trở thành mù chữ.

6. Cả một loạt dụng cụ nhà in sẽ trở thành vô dụng.

Dự án cải cách chữ quốc ngữ đến năm 1910 không còn ai hưởng ứng nữa, coi như bị bỏ hẳn. (Nguyễn Văn Trung, sđd)

Điều đáng chú ý là, sau 200 năm phát triển một cách rất chậm chạp trong phạm vi sinh hoạt tôn giáo giữa giáo dân Ki-tô giáo (chủ yếu ở nông thôn) và các nhà truyền giáo, chữ quốc ngữ đã “ vượt ngưỡng cửa của nhà thờ mà đột nhập vào xã hội Việt Nam ” (Thanh Lăng, *Bảng lược đồ văn học Việt Nam*, NXB Trình Bày, Sài Gòn 1967).

Tiếng Việt chuyển mình, không phải chỉ nhờ ở lớp nhà văn chữ quốc ngữ đầu tiên, như : Petrus Ký, Paulus Của, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, v.v., với những tờ báo như : Gia Định báo (1865), Đăng Cổ Tùng Báo (1907), Đông Dương Tạp Chí (1913), Trung Bắc Tân Văn (1915), Nam Phong (1917), hoặc những tổ chức được nhà nước bảo hộ lập ra, như : Hội Khai Trí Tiến Đức (1919), mà còn nhờ ở một cuộc vận động quần chúng sâu rộng hơn, chủ trương bỏ cái học từ chương khoa cử bằng chữ Hán, và học chữ quốc ngữ để mở mang dân trí, truyền bá những tư tưởng mới của Âu Mỹ. Cuộc vận động này đã được tiến hành bởi những phong trào yêu nước như : phong trào Duy Tân (1903), Đông Kinh Nghĩa Thục (1907), v.v.

Sau này, tiếng Việt, nói chung, kể cả ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói, đều đã biến chuyển nhanh chóng và đã tiến những bước khổng lồ, trải qua các thời kỳ đặc biệt quan trọng của văn học Việt Nam, từ phong trào Thơ Mới, Tự Lực Văn Đoàn, đến văn học tiền Cách mạng, văn học Kháng chiến, văn học thời Chiến tranh chống Mỹ, thời sau 75, rồi cuối cùng, văn học thời Đổi mới.

Quá trình phát triển đó của tiếng Việt qua thực tiễn của lịch sử, của đời sống xã hội và của văn học, cung cấp cho ta một số dữ kiện quý báu.

Trước hết, về mặt vốn liếng từ vựng, không thể nào phủ nhận được rằng ngôn ngữ viết của tiếng Việt ngày nay đã giàu có hơn nhiều so với thời kỳ chữ quốc ngữ mới ra đời, cách đây gần bốn thế kỷ, khi Alexandre de Rhodes viết *Phép giảng 8 ngày*, hay so với văn viết trong *Gia định báo*, hay *Đăng Cổ Tùng Báo*, cách đây trên 100 năm.

Văn viết của từng thời kỳ so với thời kỳ trước nó có những thay đổi đáng kể : văn của thời kỳ Tự Lực Văn Đoàn khác xa so với văn của thời kỳ Nam Phong tạp chí, cũng như văn của thời kỳ “ đổi mới ” khác xa với văn của thời kỳ “ bao cấp ”. Chỉ riêng sự giàu có thêm về mặt từ ngữ, cũng có những nguyên nhân lịch sử và xã hội của nó.

Chẳng hạn như đợt du nhập đầu tiên những từ Hán Việt mới về chính trị, văn hoá, tư tưởng vào Việt Nam vào những năm đầu thế kỷ 20, do nhóm Đông Kinh Nghĩa Thục chủ xướng, qua những trước tác và phiên dịch sách Âu Mỹ - được gọi là Tân Thư - do nhóm Lương Khải Siêu và Khang Hữu Vi thực hiện ở Trung Quốc. Những từ như : dân tộc, dân chủ, dân quyền, tự do, bình đẳng, văn minh, học thuyết, chủ nghĩa, vật

lý học, hoá học, điện cơ, v.v. bắt đầu xuất hiện trên văn đàn báo chí nước ta từ đó. Phạm Quỳnh và nhóm Nam Phong, sau khi Đông Kinh Nghĩa Thục bị cấm, đã tiếp tục việc này và còn sử dụng thêm một số từ chữ Hán do Nhật Bản phiên dịch. Ngoài ra, nhóm Nam Phong còn phiên dịch ra tiếng Hán Việt nhiều từ không có trong Tần Thư, nhưng họ đã đưa ra nhiều từ quá ư cầu kỳ, khó hiểu, nên ở mỗi cuối trang cứ phải để một danh sách ngữ vựng giải thích bằng tiếng Việt và tiếng Pháp, lại thêm sử dụng ngữ pháp và từ ngữ tiếng Việt một cách khá vụng về, nên sau này đã bị loại bỏ. Trong phần “ ngữ vựng ” của bài “ Bàn về chiến tranh ” của Phạm Quỳnh (Nam Phong số 17, tháng 11-1918), có những từ như : diên-mạn (=kéo dài ra), phó-nạn (=chạy lại giúp việc hoạn nạn), lũ chiến-lũ thắng (=đánh bao nhiêu lần là được bấy nhiêu lần), liễu-kết (=kết cục xong mọi việc), châu-tuần (=năng đi năng lại nơi nào để mong cầu sự gì, châu chực những chốn danh lợi). (theo Mai Ngọc Liệu, *Tiếng Việt trong 25 năm đầu thế kỷ 20*, NXB Nam Sơn, 1975).

Tháng 10-1918, qua một bức thư ngỏ, ông Nguyễn Hảo Vĩnh, một độc giả ở Nam kỳ, đã kích sự lạm dụng danh từ Hán Việt trên tạp chí Nam Phong. Nhóm này cho đăng nguyên văn bức thư, sau đó đã phản công kịch liệt, và viện những lý lẽ như sau : “...Người Việt Nam lấy chữ Nho làm văn tự...đã hầu thành riêng của mình rồi [...] Chữ Nho có hại gì cho chữ Quốc ngữ ? ”, và khuyên độc giả : “ nếu không hiểu những chữ “ chệt ” trong Nam Phong, thời hãy đọc cho thuộc những tờ tự vựng ở dưới, thời sẽ hiểu...”.

Nói tóm lại, Phạm Quỳnh và nhóm Nam Phong chủ trương đề cao chữ Hán, suy tôn Nho học và khinh rẻ ngôn ngữ nôm na. Quan điểm này đã gặp một sự phản kháng mạnh mẽ ở những người như Nguyễn Văn Ngọc, Dương Quảng Hàm, lúc ấy còn là sinh viên.

Bài góp ý của ông Nguyễn Văn Ngọc đăng trên tạp chí Nam Phong cũng vào lúc đó, có đoạn viết như sau : “...*Tiếng nói là ở như sự cần dùng của nhiều người mà lập thành, chứ không phải ở như các cụ thánh-nhân đời xưa hay các ông thánh-nhân đời nay đặt ra được. Và chẳng trước khi sinh ra tiếng tất cả có tư tưởng (khái niệm) : Tư tưởng hay đồ vật sinh ra tiếng. Tiếng chỉ là cái hình ngoài để bọc cái hồn tư-tưởng ở trong thôi. Vậy cái gì trong tâm trí đã có nghĩ qua mà muốn diễn ra ngoài thì tất phải mượn một tiếng gì để nêu dẹt ra cho thiên hạ người ta biết. Mà khi tiếng đã nêu dẹt rõ ràng được tư tưởng rồi, ai ai cũng công nhận cả, thì khó lòng mà phá hoại đi được, khó lòng mà báo nhất-đán bỏ cũ thay mới được.[...] Tiếng nói không phải là một đồ vật riêng cho một bọn làm văn thôi : tiếng nói là chung cho cả nhân-dân trong một nước...”.*

Ông Dương Quảng Hàm, lúc đó còn là sinh viên, cũng đã đưa ra nhiều ý kiến xác đáng về vấn đề mượn tiếng nước ngoài, đặc biệt là chữ nho : “ *Những tiếng (từ) về khoa học, triết học, kỹ nghệ, ta nên mượn chữ nho mà dịch – trừ những tiếng mới của bàn-dân đặt ra (như : tàu bay, tàu ngầm, xe hơi, xe đạp, v.v.) và những tiếng của bàn -dân dùng quen (như sà-phòng, dầu xăng, xe ô tô, bông tàu, sà-lan, v.v.) bây giờ nói quen đã thành tiếng ta rồi...không cần phải lấy chữ nho mà dịch nữa* ”. Trong văn chương, ông chủ trương : “ *...những tiếng về văn chương, chỉ các ý tưởng ta thường nghĩ tới nên tiếng ta đã có nhiều. Vậy nhiều tiếng chữ nho có mà tiếng ta cũng có, vừa hay, vừa đúng bằng chữ nho, thời khi nói chuyện, lúc viết*

văn, nên hết sức dùng tiếng ta mà dùng tiếng chữ nho...vì tội gì tiếng nước mình có lại không dùng, mà dùng thế, chắc có nhiều người hiểu hơn... Tôi không dám bảo bỏ hết chữ nho không nên dùng... Có điều tiếng nào nên dùng chữ nho hay không là tự các ông nói chuyện, viết văn kén chọn và định liệu.”. Về vấn đề ngữ pháp của tiếng Việt, ngay từ thời đó, ông Dương Quảng Hàm đã có những nhận xét sâu sắc và những ý tưởng mới mẻ : “ *Lạ thay cho nước mình ! Có tiếng nói mà không hề ai học tiếng, không đâu dạy cách dùng tiếng, không sách nào nói đến nghĩa tiếng cùng mẹo đặt câu. Điều đó là tự xưa nay ta học chữ nho, thi cử, thơ từ, sách vở đều dùng chữ nho, khinh rẻ tiếng nôm. Hoạ có người làm thơ văn nôm được hay...là nhờ lúc cao hứng, tài thiên bẩm, chớ chưa từng ai nghiên cứu, học hành tiếng An-nam cả...”*(Mai Ngọc Liệu, sdd)

Xem như vậy, sự vay mượn những từ gốc Hán là do tiếng Việt thiếu từ để chỉ định những khái niệm trừu tượng, nói chung. Nó không phải là một sự gì có tính chất cưỡng ép, giả tạo, như nhóm Nam Phong đã làm và đã thất bại một phần nào. Thật ra , đó chỉ là một phản ứng, một việc làm tự nhiên, tự nhiên như ông cha ta đã từng làm khi tạo ra chữ Nôm, hoặc khi sáng tác ra những tác phẩm trong đó có nhiều từ gốc Hán, và điển cố Hán : Truyện Kiều của Nguyễn Du, bản Nôm Chinh Phụ Ngâm của Đoàn Thị Điểm, và những truyện Nôm như : Lục Vân Tiên, Nhị Độ Mai, Phan Trần, v.v., là những thí dụ điển hình. Số từ gốc Hán trong Truyện Kiều không biết chính xác là bao nhiêu, nhưng chắc cũng phải đến ít nhất 70% ! Vậy mà không thấy ai chê là cụ Nguyễn Du đã sử dụng quá nhiều từ gốc Hán !

Tất cả vấn đề là sử dụng làm sao cho hợp lý và cho nghe lọt lỗ tai. Tất cả “ nghệ thuật ” là ở chỗ đó !

Trong một thời gian dài hàng hơn một chục thế kỷ, văn học nước ta đã sử dụng chữ Hán làm ngôn ngữ diễn đạt. Cái ngôn ngữ tượng hình đó không chỉ chuyên chở những khái niệm mà còn chuyên chở cả một nền văn hoá lâu đời, và cả một ý thức hệ phong kiến. Điều đó là một thực tế lịch sử.

Ngôn ngữ viết của tiếng Việt hiện nay có khoảng 30% từ thuần Việt và 70% từ gốc Hán, gọi là từ Hán Việt. Những từ này nguyên là từ Hán, được người Việt sử dụng từ những thời xa xưa - với cách phát âm thoạt tiên là của thời Tần-Hán (đầu thế kỷ 2 tr. C.N., khi Giao Châu bị biến thành quận huyện nhà Hán), rồi đến thời Đường-Tống, trải qua thời gian hơn một ngàn năm nước ta được độc lập, cách phát âm đó đã trở thành cách phát âm Hán Việt ngày nay. Nhưng ngay cả những từ, mà chúng ta tưởng là từ thuần Việt, như : cờ (kỳ), chìm (trầm), để (dị), bia (bi), tim (tâm), buồm, buồng, ghé, tuổi, v.v., thật ra cũng là những từ Hán Việt phát âm theo âm Hán cổ thời Tần-Hán. Sau này đến đời nhà Đường, nhà Tống, âm Hán cổ đó đã bị mất hẳn đi trong cách phát âm của người Hán, nhưng ở Giao Châu người Việt vẫn còn giữ được số âm cổ đó trong tiếng nói của mình. Ngược lại, từ những từ đơn Hán Việt, người Việt lại sáng tạo ra được những từ kép riêng của mình, không có trong tiếng Hán, như : ám ảnh, sinh tử, ngoại ô, linh mục, chung cư, truyền hình, đồng hồ, liệu hồn, v.v. (Vũ Thế Ngọc, *Chữ Hán và tiếng Hán Việt*, NXB EastWest Institute, 1989).

Điều đáng chú ý, là trong cả ngàn năm, mặc dầu trí thức nước ta sử dụng chữ Hán một cách thuần thực, như hết những người Trung Hoa, thậm chí có người đã từng làm tới chức đại phu, tể tướng ở bên Trung Quốc, và nước ta đã từng có tới hai

“ lương quốc trạng nguyên ”, song đại đa số nhân dân ta mà đại bộ phận sống ở nông thôn, do không được học hành nhiều, cho nên cũng ít biết cái thứ chữ ấy. Có lẽ cũng nhờ đó mà văn hoá của ta vẫn khác xa với văn hoá Trung Quốc ?

Đó cũng là một thực tế lịch sử, và quy luật chung về ảnh hưởng của nền văn hoá, và ngôn ngữ của kẻ đô hộ lên nền văn hoá và ngôn ngữ của kẻ bị đô hộ, thường vẫn là như thế.

Tiếng Pháp, chẳng hạn, là một thí dụ rất điển hình. Đó là một thứ tiếng có nguồn gốc La-tinh, cũng như tiếng Ý, tiếng Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Roumain, v.v. Ngay từ năm 50 trước C.N., khi Cesar chiếm được lãnh thổ của người Gaulois (tổ tiên của người Pháp), thì người dân ở đây bắt đầu phải nói tiếng La-tinh. Cái ngôn ngữ nói được truyền bá ở đất Gaule lúc bấy giờ không phải là tiếng La-tinh chuẩn mực, mà là tiếng nói thông dụng, dung tục, của lính tráng và của những người lái buôn La Mã. Đối với người Gaulois, đó là một thứ tiếng ngoại quốc mà họ nghe không rõ, chữ được chữ chẳng, do đó khi họ nói, cách phát âm cũng không đúng hẳn. Kịp đến khi người Francs tràn xuống chiếm đóng đất Gaule, ngôn ngữ này lại bị bóp méo đi một lần nữa, để trở thành tiếng “roman”. Từ tiếng này sinh ra tiếng Pháp cổ. Tiếng Pháp hiện đại chỉ thành hình bắt đầu từ thế kỷ 17. Trong văn học Pháp, ở những thế kỷ trước Descartes (1596-1650), người ta vẫn cho rằng chỉ có chữ La-tinh mới diễn đạt được hết và một cách sáng sủa những tư tưởng cao siêu của con người. Bản thân Montaigne cũng đã được giáo dục trong tinh thần ấy ! Kịp đến khi Descartes tước bỏ hết tất cả những gì rườm rà không cần thiết trong ngôn ngữ viết thời bấy giờ, để viết cuốn Discours de la Méthode (Phương pháp luận) nổi tiếng !

Ngày nay, vấn đề sử dụng chữ Hán để làm giàu cho tiếng Việt đặt ra cho chúng ta cũng hơi khác trước đây 100 năm. Cái tâm lý “ trọng Nho khinh Nôm ” của các cụ ta xưa, nay cũng không còn mấy dấu tích nữa, trừ ở một số học giả hiếm hoi, cũng như cái tâm lý “ bài ngoại ” ở nơi những người chủ trương “ bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt ” một cách quá đáng.

Vấn đề đặt ra cho chúng ta ngày nay, một cách cụ thể, là làm sao ngày càng làm giàu thêm được tiếng Việt, để đáp ứng nhu cầu biểu đạt những khái niệm trừu tượng trong các lãnh vực triết học và khoa học. Sự phát triển của các ngành công nghệ mới, đẻ ra những khái niệm mới, lại càng đòi hỏi phải có những từ mới, chính xác, ngắn gọn và “nghe lọt tai”.

Vậy, chúng ta có cần phải quay trở lại học chữ Hán “ ngay từ những lớp trung học ” không, như ông Cao Xuân Hạo đề nghị ? Tôi xin để các nhà chuyên môn trả lời câu hỏi này. Riêng tôi, nghĩ rằng không. Nếu bỏ công sức học chữ Hán trong vòng ít nhất năm mười năm để nhận dạng được những mặt chữ tượng hình, và để quán triệt hết ý nghĩa của mỗi chữ, thì tôi nghĩ rằng ở thời buổi này còn có nhiều chuyện khác cần thiết hơn và cần đổ hơi sức vào để học hỏi hơn !

Nếu chỉ cần hiểu hết ý nghĩa thâm sâu của mỗi từ Hán Việt, thậm chí học thuộc lòng những nghĩa đó, thì mỗi người Việt Nam, từ cậu học trò trung học đến nhà trí thức, chỉ cần có trong tay một hai cuốn từ điển thật tốt để tra cứu là đủ. Cùng lắm, thì người viết sách, viết báo phải chịu khó chú thích thôi, miễn là đừng làm quá mức cần thiết như một vài người trong nhóm Nam Phong đã làm ngày trước, là được rồi!

Mặc dầu vậy, tôi vẫn thấy sự cần thiết phải có một đội ngũ chuyên môn đi sâu vào việc nghiên cứu các vấn đề chữ Hán,

chữ Nôm và vấn đề khai thác vốn từ Hán Việt, đặc biệt là cần có những bộ từ điển hoàn bị, không những từ điển Hán-Việt, Trung-Việt, Hán-Nôm-Việt, mà trước hết là những từ điển tiếng Việt chuẩn xác, đầy đủ, và được biên soạn một cách khoa học, ghi rõ xuất xứ và thời điểm ra đời của từng từ, từng khái niệm, từng thành ngữ, v.v..

Viết, hay đọc sách triết học và khoa học bằng tiếng Việt, hay bằng thứ tiếng nào đi nữa, cũng đều cần đến từ điển. Cũng như đọc Kiều, hay đọc các truyện Nôm, cần có những chú thích về từ ngữ và điển cố. Thời buổi này, trừ những người chuyên nghiên cứu sâu về những vấn đề lịch sử, về văn học chữ Hán, chữ Nôm ra, ai mà còn có điều kiện thì giờ để đi học chữ Hán, chữ Nôm để tra cứu trực tiếp các thư liệu cổ nữa ? Nếu tất cả các thư tịch cổ này đều được dịch ra chữ quốc ngữ, thì có phải hay biết mấy !

Tóm lại, muốn làm giàu thêm tiếng Việt, vấn đề không chỉ đơn giản là khuôn lại ở việc khai thác từ Hán Việt đã có sẵn và tạo ra từ mới, mà còn phải chú trọng đến nhiều vấn đề khác nữa của bản thân tiếng Việt, đặc biệt là vấn đề ngữ pháp, bởi vì câu có xuôi, thì từ ngữ mới có thể đi trott lọt được !

Ngoài ra, cái chính phải chăng vẫn là óc sáng tạo và khiếu thẩm mỹ của các nhà văn, nhà thơ, nhà lý luận văn học và ngôn ngữ học ?

Văn Ngọc

Tìm đọc

HỢP LƯU

tập san văn học nghệ thuật biên khảo

18939 Magnolia Ave, Fountain Valley, CA 92708 USA
Tel (714) 965-4651 • Email : hopluu@saigonline.com
<http://www.hopluu.org/>

- ♦ nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong nước và ngoài nước
- ♦ nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam

đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyến
15 place Souham, F-75013 PARIS
Tel : 33 (0)1 45 83 19 12

Diễn Đàn Forum

Directeur de publication: Nguyễn Quang Đổ * Imprimé par nos soins
Dépôt légal: 178/91 * Commission Paritaire: AS 73 324 * Prix: 6 €

Địa chỉ bưu điện:

BP 50, F-92340 Bourg la Reine (FRANCE)

Địa chỉ điện tử (E-mail):

diendan@wanadoo.fr

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Đại diện các nước: xin coi thể lệ mua báo (trang 51)

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa PC (phòng Unicode, VNI, TCVN, VPS, ...); hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)